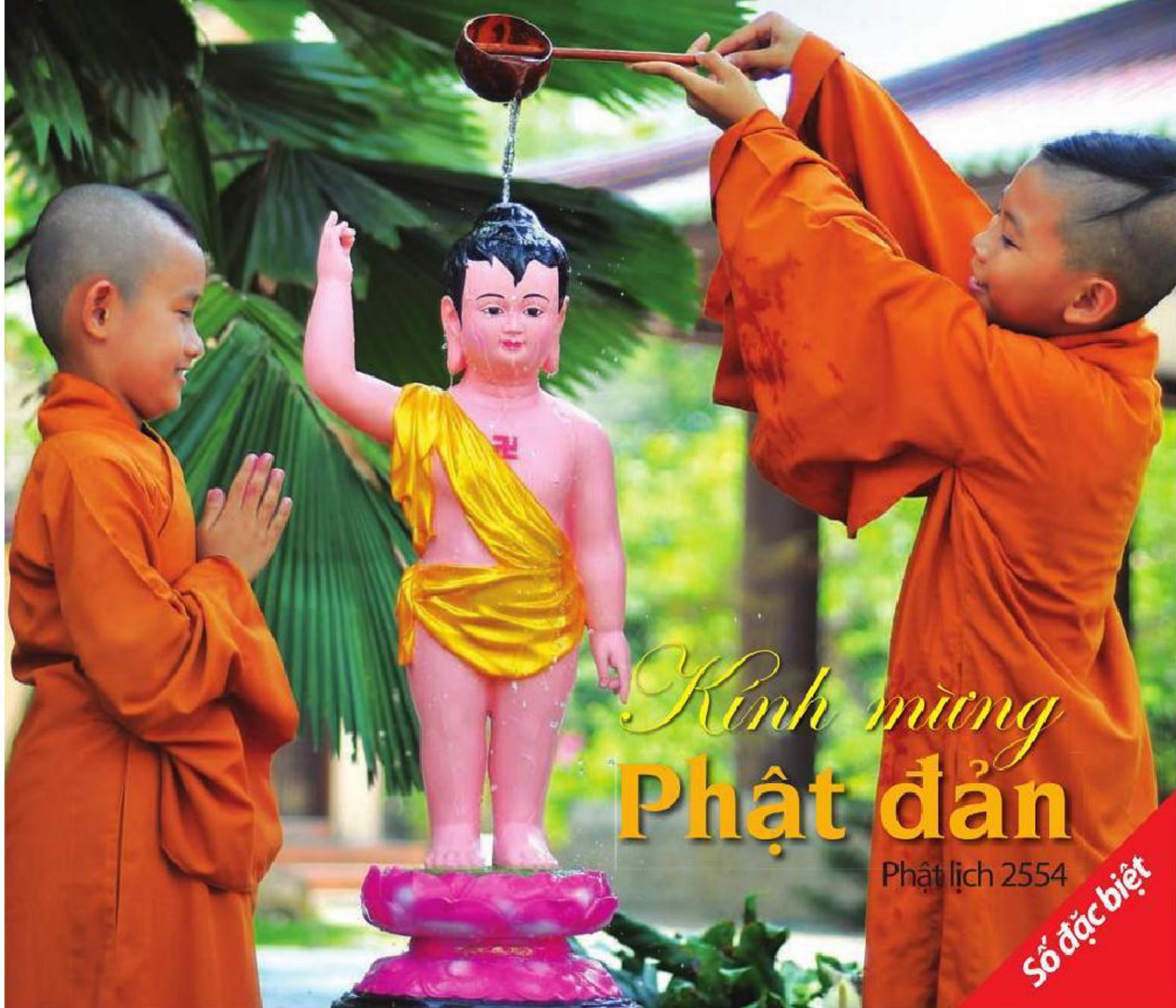


Số 105

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Kính mừng
Phật đản

Phật lịch 2554

Số đặc biệt



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

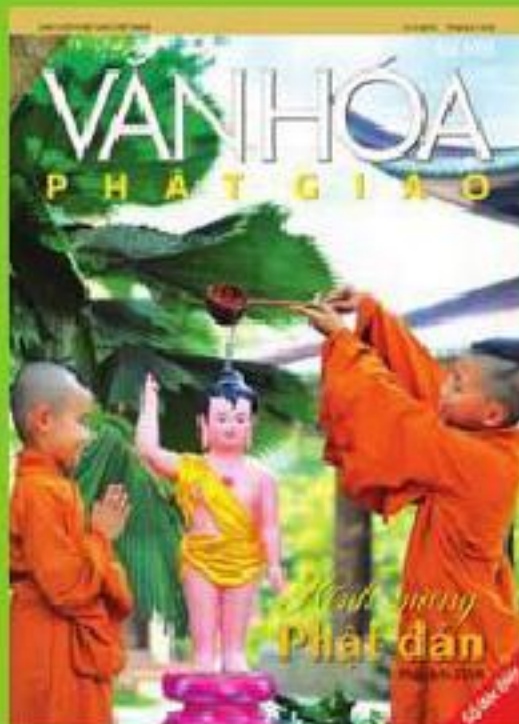
Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Trích lời kinh	3
Trích thông điệp	4
Diễn văn Phật đản	5
Vui thay Phật ra đời (Trí Hiền)	7
Chiêm bái ngọc Xá-lợi Phật (Quách Giao)	10
Nhớ rằm, mong một (Cao Huy Hóa)	12
Một đồng tiền mất trong dòng sông sẽ được tìm thấy trong dòng sông (Zoketsu Norman Fischer, Thiện Tri Thức dịch)	15
Phiên bản chuyện con cá và cần câu (Nguyễn Cảnh Chương)	18
Đối diện với chính mình (Thị Giới dịch)	19
Bức tranh số 6 ở cung An Định vẽ gì? (Trần Viết Điển)	22
Du lịch để tìm lại chính mình (Tuệ Lãng)	25
Còn gặp nhau (Đỗ Hồng Ngọc)	29
Như bóng không rời hình (Thích Phước Đạt)	30
Ghi chép và suy nghĩ về nguồn gốc giống nòi và tình tự dân tộc (Hà Thúc Hoan)	33
Bàn thêm về "Tổ khai sơn" chùa Thiên Minh, Huế (Trần Đình Sơn)	36
Người lắng nghe đá lên trong mình (Thảo Vy)	38
Chuyện hai người đi buôn (Tấn Nghĩa)	40
Chữ tâm trong chữa bệnh (Nguyễn Hữu Đức)	42
Đã tìm ra tư liệu về Phật Triết "Người Lâm Ấp sang Nhật Bản" vào thế kỷ VIII (Vinh Sính)	44
Thơ	50
Bão trong nhà (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	52
Lời cảm ơn cuộc sống	54
Món chay: Chè sen nhãn (Hoàng Anh - Phú Xuân)	55

Bìa 1: Kính mừng Phật đản. Ảnh: Chí Giác Thông.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

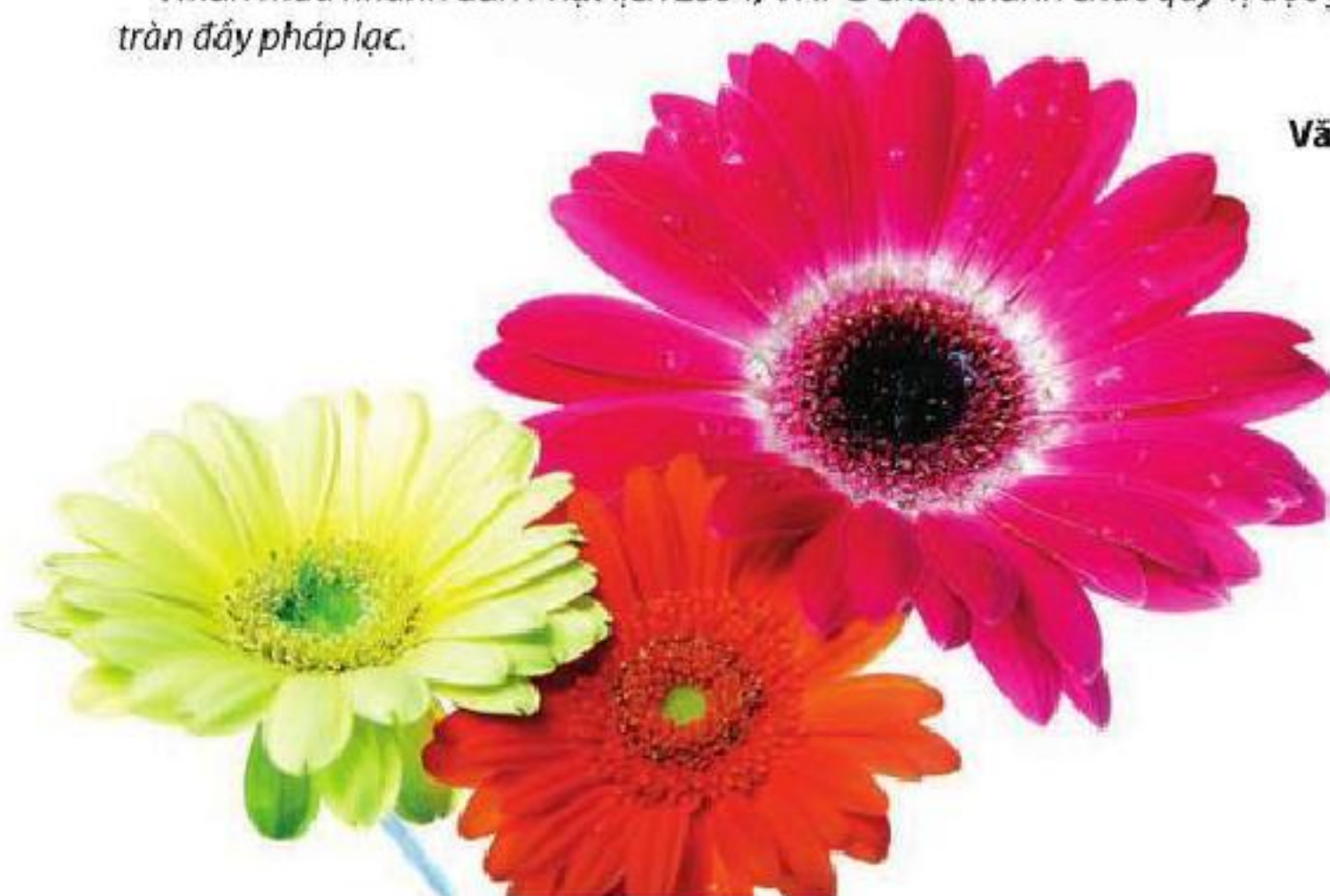
Trong những ngày này, cùng với những người tin Phật trên khắp hành tinh, Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam trong ngoài nước đều rộn rã niềm vui khi tưởng nhớ cách nay hơn 26 thế kỷ, tại đất nước Ấn Độ cổ, một bậc vĩ nhân đã xuất hiện để sau đó 35 năm, Ngài chính thức tuyên bố mình là bậc Chánh Đẳng giác và trao truyền giáo pháp giải thoát cho loài người. Chúng ta hãy tịnh tâm để có thể cảm nhận được nhạc trời đang vang lên và mưa hoa vừa rải xuống để mừng đón cuộc Khánh đản nơi vườn Lâm-tỳ-ni của Thái tử Tất-đạt-đa con vua Tịnh-phạn và hoàng hậu Ma-gia thành Ca-tỳ-la-vệ. Lời tán thán Vui thay Phật ra đời, Vui thay Pháp được giảng đã luôn thực sự cổ vũ và là niềm hy vọng cho cuộc sống hạnh phúc an lạc của mọi chúng sinh. Trong mùa Phật đản năm nay, trước những cố gắng của mọi người con Phật trên khắp thế giới về việc giới thiệu một giải pháp Phật giáo cho hòa bình nhân loại, chúng ta hãy cùng nhau tinh tấn thực hành lời Phật dạy để giáo pháp của Đức Từ phụ tiếp tục tỏa sáng, thật sự mang lại bình yên cho cuộc sống thế gian. Trên tinh thần đó, Văn Hóa Phật Giáo xin gửi đến quý độc giả số báo đặc biệt Kính Mừng Phật Đản Phật lịch 2554 với những nội dung phong phú, mà trước hết là xin được trích một số lời kinh nói về ngày Khánh đản.

Nói về tư cách của một cư sĩ, bài viết "Nhớ rằm, mong một" trình bày sinh động hạnh nguyện thiết thực của người Phật tử tại gia, những điều mà mọi người đều có thể thực hành. Thể hiện tinh thần trách nhiệm của một học giả Phật tử, bài viết "Đã tìm ra tư liệu về Phật Triết, 'người Lâm Ấp đến Nhật Bản' vào thế kỷ thứ VIII" đi sâu nghiên cứu một nhân vật lịch sử từng sống trên vùng đất ngày nay là Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng cho nền nhà nhạc Phật giáo Nhật Bản được chính người Nhật tôn vinh. Bài Phật pháp "Vui thay Phật ra đời" dùng ngay lời dạy của Đức Phật để nhắc nhở mọi người chỉ nên tin vào những gì đã thực chứng. Trong "Ghi chép và suy nghĩ về nguồn gốc giống nòi và tình tự dân tộc", ý nghĩa chân thực về lòng tự hào của người Việt được giải thích để củng cố tình tự dân tộc với mong muốn người Việt ở mọi nơi luôn hướng đến lý tưởng phụng sự dân tộc và đạo pháp. Bằng ngôn ngữ hiện đại, "Người lặng nghe đá lên trong mình" giải thích ý nghĩa của việc quy y một cách thật bình dị giúp giới trẻ dễ nhận biết vấn đề. Cũng với ngôn ngữ ấy, "Chuyện hai người đi buôn" bình luận Jataka để khẳng định đạo Phật luôn bám sát vào đời sống. Phân tích nghệ thuật kinh Pháp Cú, "Như bóng không rời hình" nêu rõ thủ pháp dùng ví dụ trong kinh điển nhà Phật. Chỉ cần giải thích các thuật ngữ của ngành y dược mà "Chữ tâm trong chữa bệnh" nói lên được tầm quan trọng của y đức. Vài dòng trong "Còn gặp nhau" đủ nhắc nhở con người nên sống thật. "Bàn thêm về 'Tổ khai sơn' chùa Thiên Minh-Huế" đã kịp thời giải đáp một thắc mắc chính đáng của một tác giả trong số báo trước...

Để có được một số báo với nội dung phong phú như vậy, VHPG chân thành cảm ơn sự đóng góp của các bậc mô phạm và các vị thiện tri thức có kiến thức uyên bác như Hòa thượng bút danh Nguyễn Thế Đăng, các Đại đức Tiến sĩ Thích Phước Đạt, Thích Tâm Minh, các Giáo sư Cao Huy Hóa, Hà Thúc Hoan, Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, các Tiến sĩ Vĩnh Sinh, Nguyễn Hữu Đức, Đặng Đức Trọng, Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn, và các vị cộng tác viên khác, đã kịp thời đáp ứng lời thỉnh mời của VHPG về việc viết bài cho số đặc biệt này.

Nhân mùa Khánh đản Phật lịch 2554, VHPG chân thành chúc quý vị độc giả, quý vị cộng tác viên và thân hữu tràn đầy pháp lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Trích lời Kinh

Vui thay Phật ra đời
Vui thay Pháp được giảng

Pháp Cú, đoạn 194

Một vị hữu tình không bị chi phối, đã sinh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người.

Đại Kinh Sư tử hống – Trung Bộ 1

Như Lai sinh ra ở đời là bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Tiểu Kinh Ví dụ dấu chân voi – Trung Bộ 1

Sela, Ta là vua
Bậc Pháp vương vô thượng
Ta chuyển bánh xe pháp
Bánh xe chưa từng chuyển.

Kinh Sela – Trung Bộ 1

Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lên tiếng như con ngư vương, thốt ra lời như sau: “Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sinh ở đời này nữa”.

Kinh Hy hữu vị tăng hữu pháp – Trung Bộ 1

Khi vị Bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh

Phẩm Đất rung động – Chương tám pháp – Tăng Chi Bộ

Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.

Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người vi diệu. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu.

....

Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân. Một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Một người này, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người, không hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.

Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang, là sự xuất hiện của đại minh, là sự xuất hiện của sáu vô thượng, là sự chứng ngộ bốn vô ngại giải, là sự thông đạt của nhiều giới, là sự thông đạt của các giới sai biệt, là sự chứng ngộ của mình và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự Lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất Lai, là sự chứng ngộ quả Bất Lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Của một người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, là sự xuất hiện của đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

....

Phẩm Một người – Chương một pháp – Tăng Chi Bộ

Trích Thông điệp Phật đản Phật lịch 2554 của Đức Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Đại lễ Phật đản năm 2010 – Phật lịch 2554 đã đến trong bầu không khí thắm tình đạo vị, tứ chúng đồng tu, những Phật sự thiết thực ích đạo lợi đời đã và đang được triển khai sâu rộng trong toàn quốc để kính dâng lên Đức Từ Phụ Giáo Chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nhân ngày Đản sinh của Người. Thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, tôi có lời tán thán công đức đến chư vị giáo phẩm, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài, đồng thời nhất tâm cầu nguyện để mọi Phật sự của các cấp Giáo hội chúng ta được thành tựu viên mãn, góp phần thiết thực cùng với toàn dân trong việc thực hiện thành công các mục tiêu phát triển chung của đất nước.

Pháp chủ
Hội đồng Chứng minh
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

THÍCH PHỔ TUỆ

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm Canh Dần

Diễn văn Phật đản

Phật lịch 2554

của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

Kính bạch chư tôn đức giáo phẩm,

Kính thưa chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và quý Phật tử,

Kính thưa liệt vị,

Theo Phật lịch đang được công nhận, cách đây 2.634 năm, vào ngày trăng tròn, tháng Tư tại vườn Lâm-tỳ-ni im mát, sờ hữu của hai dòng tộc Sakya và Kolia dưới chân rặng núi Hy-mã-lạp sơn của Ấn Độ cổ, một sự kiện hy hữu, vi diệu đã xảy ra: *"Kim quang sáng ngời, mặt đất rung động theo sáu cách, chúng sanh trong sáu đường hân hoan vì niềm cảm ứng thiêng liêng, hoa trời tuôn rải, nhạc trời lừng vang trước sự ra đời của Đấng Tối Thắng Đại từ bi, Đại trí tuệ là Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni"*. Sự kiện hy hữu, vi diệu này được kinh tán thán như sau: *"Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của mắt lớn, của đại quang, đại minh; là sự xuất hiện của thù thắng và sự chứng ngộ vô ngại giải, là sự chứng đạt các giới và các giới sai biệt, là sự chứng ngộ minh và giải thoát, là sự chứng ngộ quả Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán"*.

Ngày nay, Lâm-tỳ-ni thuộc đất nước Nepal trở thành một Thánh tích của Phật giáo, với diện tích 8km² bao gồm trụ đá của vua A-dục ghi nơi Đức Phật đản sanh, đền thờ Hoàng hậu Ma-da và rất nhiều tự viện Phật giáo của rất nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đối với người con Phật ở Việt Nam, Lâm-tỳ-ni tuy xa xôi về mặt địa lý nhưng lại vô cùng gần gũi trong tâm linh. Nhân kỷ niệm ngày Đức Phật đản sanh, chúng ta lắng tâm, hướng về Lâm-tỳ-ni của chính Phật tâm vốn có của mỗi người chúng ta để tưởng niệm Đấng Thế Tôn, để hình dung sự xuất hiện của Ngài dưới bóng cây Sa-la, kim thân tỏa sáng hào quang, đóa sen thiêng đỡ chân Ngài, hai vị thiên đang rưới nước và hoa vào thân Ngài. Ánh hào quang rực rỡ linh diệu vẫn tỏa sáng trong tâm tư của người Phật tử trên khắp thế giới, hòa nhập vào đất nước và con người Việt Nam đã hơn 20 thế kỷ qua, góp phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển mảnh đất thân yêu này.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một tổ chức Phật giáo kế thừa, tiếp nối mạng mạch Phật giáo của đất nước trong thời đại mới. Ngót 30 năm thành lập và phát triển, Giáo hội đã đạt những thành quả tốt đẹp song song với sự phát triển của đất nước. Chúng ta đã và đang làm Phật sự lợi Đạo ích Đời, và do đó, Giáo hội được sự ủng hộ, tham gia của chư Tăng Ni, Phật tử cùng sự đồng tình, giúp đỡ của Nhà nước. Trong năm nay Tăng Ni, Phật tử chúng ta đã và sẽ tổ chức, tham gia nhiều sự kiện quan trọng. Vừa qua, Giáo hội đã tiến hành nhiều hoạt động có ý nghĩa về mặt nhân sinh như các cuộc viếng thăm, ủy lạo đồng bào, chiến sĩ vùng đảo Trường Sa; các cuộc lễ cầu an, cầu siêu cho các chiến sĩ, liệt sĩ; lễ đón nhận Xá-lợi Phật tử Ấn Độ đưa về tôn trí tại chùa Bái Đính; chuẩn bị chu đáo Đại lễ Phật đản; chuẩn bị cho kỳ an cư kiết hạ; để cử nhiều phái đoàn tham dự hội nghị, hội thảo; viếng thăm nhiều tổ chức Phật giáo ở nhiều nước bạn: Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Malaysia... Còn hai Phật sự quan trọng là tham gia tổ chức kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội và tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần VI tại Hà Nội.

Kể từ cuối năm vừa qua cho đến nay, Giáo hội chúng ta xem ngày lễ nghìn năm có một của Thăng Long - Hà Nội, của toàn thể con dân nước Việt, là một ngày trọng đại. Bởi thế, cùng với nhân dân, các tổ chức, ban ngành trong cả nước, Tăng Ni Phật tử đã lồng ghép các ý nghĩa trọng đại này bằng nhiều phương tiện: truyền thông, hội nghị, hội thảo, lễ lạc... Từ khi vua Lý Thái Tổ dời triều đình từ Hoa Lư về Hà Nội, đặt tên là Thăng Long và lấy làm kinh đô, Phật giáo, vốn có mặt tại nước ta từ một ngàn năm trước, đã phát triển nhanh chóng, rực rỡ, nhất là vào thời nhà Trần. Những trang sử Việt vẻ vang đời Lý Trần cũng là những trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam. Vào cuối tháng 11, chúng ta sẽ tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới lần thứ VI mà Giáo hội là thành viên sáng lập. Đây là dịp để chứng tỏ sự lớn mạnh của Phật giáo Việt Nam trên đất nước và trên thế giới.

Tất cả mọi hoạt động của chúng ta nhằm mục đích lợi đạo, ích nước, độ dân chính là nhằm phục vụ Đạo pháp, thực hiện thông điệp cứu độ của Đức Phật. Đây là ý nghĩa đích thực của việc hoằng pháp. Đức Phật dạy, *"Này các Tỷ-kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc của quần sanh, vì an lạc của quần sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người"*. Kinh còn dạy, *"Pháp nhờ Phật mà được triển khai một cách khéo léo. Pháp ấy là hiện thực, không bị hạn chế bởi thời gian, là pháp mà người nào thực hành thì sẽ có hiệu quả nhanh, là pháp có thể dẫn đường"*.

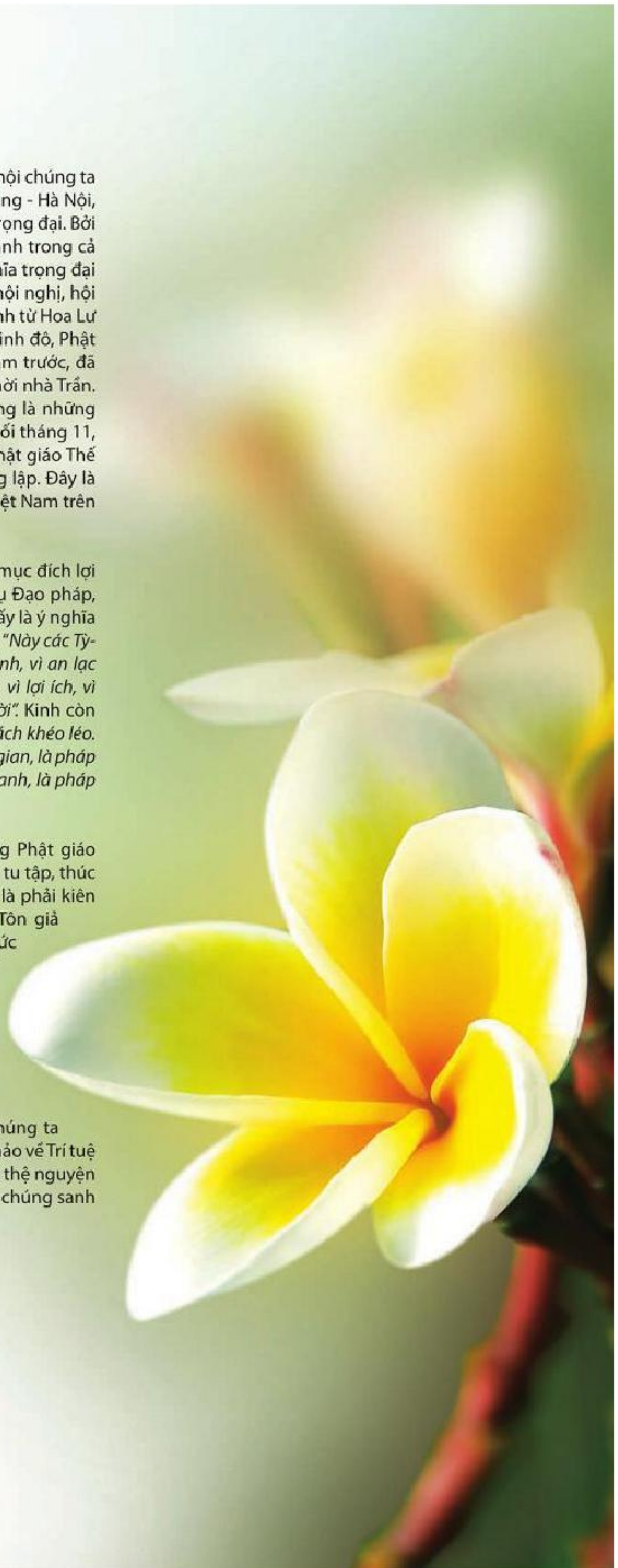
Muốn hoằng pháp, muốn mang ánh sáng Phật giáo cho đời, bản thân người con Phật phải nỗ lực tu tập, thúc liễm thân tâm, thấm nhuần kinh kệ, và nhất là phải kiên trì, tận tụy, nhẫn nhục, hy sinh. Ngày xưa, Tôn giả Phú-lâu-na không quản gian nguy, nài nỉ Đức Phật, xin được phép đi hoằng pháp tại xứ Du-lân-na nơi mà người dân còn thô bạo, hung tợn. Ngày xưa, chư Tổ đã vượt rừng núi, sông biển, đã dựng am cốc ở nơi xa xôi hẻo lánh để tu tập và hoằng pháp, để thành kinh, dịch kinh, phổ biến Phật pháp cho đời.

Mùa Phật đản năm nay, Phật lịch 2554, chúng ta thành tâm tưởng niệm hình ảnh cao vời toàn hảo về Trí tuệ và Đức độ của Đức Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni và thế nguyện một lòng vì Đạo pháp và Dân tộc, vì hết thảy chúng sanh trong bể khổ luân hồi.

Kính chúc chư liệt vị thân tâm hạnh lạc,
Phật sự viên thành.

Xin cảm ơn toàn thể quý vị.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT





Ảnh: Trần Thanh Vỹ.

Vui thay Phật ra đời

TRÍ HIỀN

Phật đản sanh nhân thế hân hoan mừng vui vì Phật là chân, là thiện, là an lạc. Phật hiện thiện an lạc nên ai nghĩ tưởng đến Phật tức là an lạc ở trong lòng. “Này Visàkhà, Thánh đệ tử niệm nhớ về Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Do vị ấy niệm Phật như vậy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận¹. Hơn 2.500 năm về trước, Phật ra đời ở Ấn Độ “vì hạnh phúc an lạc cho số đông”. Ngày nay, chúng sinh trên cõi trần thế này vẫn may mắn tìm thấy niềm tin và nguồn an ủi lớn nhờ những lời dạy hiền thiện của Phật. Kinh *Tăng Chi Bộ* nói rằng Phật ra đời là vận may lớn cho nhân thế, vì Phật có đủ uy đức “khiến cho số đông xa lìa ác pháp, an trú vào thiện pháp”².

Quả thực như vậy. Bức tranh các hoạt động tôn giáo ở Ấn Độ thế kỷ thứ sáu trước Tây lịch cho thấy giữa lúc các vị đạo sư khác cố tìm mọi cách chứng minh và xiển dương học thuyết của mình bằng những cuộc tranh luận đả phá gay gắt khiến lòng người càng thêm hoang mang nghi ngờ về tính chân thực của chân lý thì Phật lặng lẽ đi hết làng này đến làng khác, hết thị trấn này đến thị trấn khác để khuyên dạy mọi người bỏ ác làm lành, sống tiết độ, ngay thẳng, không gian dối, sống với tâm hiếu biết, thương yêu và hòa bình. Phật là bậc giác ngộ, thấu suốt mọi ngọn nguồn của cái tâm vọng động mê lầm dẫn đến khổ đau nên không dự phần vào những gì gợi thêm mê lầm đau khổ, khổ cho mình và khổ cho người. Phật có trí tuệ minh mẫn không ai sánh bằng nhưng Phật không ưa tranh biện triết lý. Phật cũng không can dự vào vòng thị phi tranh chấp. Suốt 45 năm,

Phật lặng lẽ thực hiện cái hoài bão thuyết pháp độ sinh, ân cần chỉ bảo cho con người về sự thật khổ đau và cách thức diệt trừ khổ đau để cho cuộc sống được thành thoi an lạc. Phật sống cuộc đời giản dị, chân thực, hiền lành và khuyến dạy những điều hết sức giản dị, chân thực, hiền lành nên ai cũng sẵn lòng tin nghe lời Phật. Mọi người sống tin Phật, nhà nhà sống theo Phật, xứ sở nhờ đó được thái bình. Sử gia Will Durant nói rằng cứ từ từ, dịu dàng, không cần tranh biện, Đức Phật thành lập một tôn giáo không tin điều và tuyên bố rằng con đường giải thoát mở ra cho mọi người, kể cả những người không theo đạo³. Giáo sư Rhys Davids thì cho rằng đặc điểm nổi bật của Đức Gotama là Ngài không chỉ tìm hạnh phúc an lạc cho riêng mình mà còn kêu gọi người khác thực nghiệm hạnh phúc an lạc, và Ngài có đủ khả năng để giúp cho mọi người khác hiểu rõ, ước muốn và chứng nghiệm điều đó⁴. Câu chuyện đàm đạo sau đây⁵ giữa đấng Giác ngộ và dân chúng Kàlāmà cho thấy Phật ra đời là hạnh phúc lớn cho thế gian, vì Phật mãi mãi là nơi nương tựa an ổn cho cuộc đời vẫn chơi vơi, không nơi nương tựa; và những lời dạy hiền thiện của Phật thực sự là kim chỉ nam cho cuộc sống đạo đức và hạnh phúc của nhân thế:

"Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của những người Kàlāmà tên là Kesaputta. Những người Kàlāmà ở Kesaputta hay tin: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca đã đến Kesaputta...". Lành thay, nếu chúng ta được yết kiến một vị A-la-hán như vậy.

Rồi các người Kàlāmà ở Kesaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kàlāmà ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, và có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm của người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

- Đương nhiên, này các Kàlāmà, các người có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kàlāmà, các người có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các người đương nhiên khởi lên phân vân.

- Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta

nói; chớ có tin vì được Kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hơi hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo Sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị các người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận sẽ đưa đến bất hạnh khổ đau"; thời này Kàlāmà, hãy từ bỏ chúng!

- Các người nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kàlāmà, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các người nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng sân khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kàlāmà, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các người nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, lòng si khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kàlāmà, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật... có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các người nghĩ thế nào, này các Kàlāmà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

- Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là vậy...

- Này các Kàlāmà, chớ có tin vì nghe truyền thuyết... Chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kàlāmà, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp



này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận sẽ đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này các Kàlāmà, hãy đạt đến và an trú!

Phần tiếp theo, Đức Thế Tôn hỏi các Kàlāmà về các pháp không tham, không sân, không si và các Kàlāmà khẳng định khi không tham, không sân, không si nổi lên trong nội tâm người nào thì đều mang đến hạnh phúc an lạc cho người đó; rằng các pháp không tham, không sân, không si là các pháp thiện; rằng các pháp ấy là không có tội; rằng các pháp ấy được người trí tán thán; và khi được thực hiện, được chấp nhận, các pháp ấy đưa đến hạnh phúc, an lạc. Và Đức Thế Tôn nói tiếp:

- Nay các Kàlāmà, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Thánh đệ tử ấy, này các Kàlāmà, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được bốn sự an ủi:

"Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.

"Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, ngay trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.

"Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.

"Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.

- Thánh đệ tử ấy, này các Kàlāmà, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị ấy có được bốn an ủi này.

- Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, có được bốn an ủi này.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama thuyết giảng với nhiều pháp môn. Nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng".

Chú thích:

1. Kinh Các lễ Uposatha, Tăng Chi Bộ.
2. Kinh Một pháp, Tăng Chi Bộ.
3. Nguyễn Hiến Lê, *Lịch sử Văn minh Ấn Độ*, tr. 84.
4. T.W. Rhys Davids, *Lectures on some Points in the History of Indian Buddhism*, tr. 162.
5. Kinh Những người ở Kesaputta, Tăng Chi Bộ. ■

Chiêm bái ngọc Xá-lợi Phật

Bài và ảnh QUÁCH GIAO

Giữa chánh điện, các Phật tử quì hàng tư thẳng tắp. Dưới Phật đài, một chiếc kệ nhỏ nhắn được phủ bằng khăn vàng, bên trên có rải những cánh hoa cúc vàng tươi thắm. Bốn ngọn đèn lung linh, một lư hương lạng lẽ nhả khói trầm nghi ngút và những tấm lòng hồi hộp lắng chờ giây phút thiêng liêng.

Sau phút đồng niệm Phật, sư trụ trì nói về nghi thức chiêm bái Xá-lợi Phật và giảng giải:

Xá-lợi là những thánh thể linh hiển của các bậc đại sư đã đạt được những chứng đắc phi thường trong suốt quãng đời tu hành. Nền tảng của sự chứng đắc là sự huân tu giới luật thanh tịnh và công hạnh xả ly, một tâm thái hoàn toàn đoạn diệt với mọi ái dục thế gian.

Tất cả các ngọc Xá-lợi đều được thu góp từ nhiều nguồn vô cùng hy hữu. Xá-lợi là tinh hoa cốt lõi của công hạnh viên mãn. Nhờ vào tâm tuyệt đối thanh tịnh mà các bậc Thánh tăng sau khi nhục thân thiêu hóa biến thành tro bụi đã để lại cho đời những hạt lớn nhỏ như những viên ngọc trai đã kết tụ lại gọi là sarira (Xá-lợi).

Khi Đức Phật còn tại thế, chúng sanh có thiện duyên đã được chiêm ngưỡng kim thân của Ngài, được đánh lễ và thọ nhận giáo pháp của Ngài.

Khi thị tịch và nhập Niết-bàn, Ngài đã lưu lại Xá-lợi như những pháp bảo để tất cả hàng hậu sanh được trực tiếp chiêm bái.

Chính vì lòng đại bi thương xót mọi loài của Ngài mà hôm nay chúng ta có duyên may chiêm bái và đánh lễ bày tỏ lòng sùng kính pháp bảo của Đức Phật. Chiêm bái và đánh lễ Xá-lợi thì tâm chúng ta sẽ được thanh tịnh vì Xá-lợi là kết tinh của một đời giữ gìn giới luật. Lại nữa, tất cả chúng ta đều có Phật tánh và vốn có đủ công năng để lưu lại Xá-lợi.

Xá-lợi Phật có ba đặc tính:

Một là ai có phước, khi thờ Xá-lợi thì Xá-lợi sẽ lớn lên; ai vô phước thì Xá-lợi sẽ biến đi nơi khác.

Hai là Xá-lợi tự động di chuyển, khi thì chìm xuống, khi thì nổi trên mặt nước, khi thì kết nối lại, khi thì phân tán ra.

Ba là Xá-lợi có 5 màu. Đây là màu hào quang của Đức Phật.

Tiếp theo, sư trụ trì kể những câu chuyện trong và ngoài nước để chứng minh sự di chuyển của Xá-lợi.

Đạo tràng lắng im, bốn ngọn hoa đăng hiu hiu, hương trầm thơm phảng phất. Bên ngoài cây cỏ trong vườn xôn xao trước gió. Có tiếng xe chạy mơ hồ, tiếng

chim chích chòe hót gọi nhau trong lùm hoa sứ trắng. Tận cuối góc vườn xa xa, nơi lùm tre xanh tỏa bóng bên con suối nhỏ khô cạn nước, đôi chim bồ chao tranh nhau hót vang dội nắng chiều.

Buổi lễ chiêm bái bắt đầu. Tiếng niệm "Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật" vang lên đều đều, lời nối tiếp lời.

Bốn đệ tử quỳ nơi hàng đầu nghiêng mình nhìn chăm chú. Từ bốn chiếc bảo tháp thủy tinh trong vắt, những viên ngọc Xá-lợi được ủ kín trong chiếc bầu sắc vàng óng, có nắp đậy được đổ lên một tờ giấy thấm trắng tinh trải trên một chiếc đĩa sứ men trắng. Có năm loại ngọc Xá-lợi: Ngọc Xá-lợi toàn thân, ngọc Xá-lợi tóc, ngọc Xá-lợi xương, ngọc Xá-lợi máu, và ngọc Xá-lợi da. Tất cả đều nhỏ bé dưới con mắt nhìn thông thường. Nhỏ nhất là các viên ngọc Xá-lợi da, chỉ như một dùm bụi màu vàng cám. Lớn nhất là ngọc Xá-lợi xương, bằng một hạt tấm bình thường.

Trên kệ, hai chiếc cốc đầy nước tinh khiết, một bằng sứ trắng men trắng, một bằng bạc màu tinh khôi. Sư trụ trì dùng cây kẹp không rỉ, cẩn thận gắp từng viên Xá-lợi một nhẹ nhàng đặt lên trên mặt nước. Từng viên, từng viên lạng lẽ chìm xuống đáy cốc. Tiếng niệm Phật âm vang như từ xa vọng lại. Bốn đệ tử hàng đầu, tim như ngừng đập. Những hạt ngọc Xá-lợi vẫn lạng lẽ rơi xuống đáy cốc. Bỗng nhiên vang lên tiếng reo đầy sung sướng: "Thưa thầy nổi rồi". Tiếng đập nhẹ nhõm của bốn con tim. Trên mặt nước của chiếc cốc bạc, hạt ngọc Xá-lợi xương bỗng bóng như một chiếc hoa đăng trong ngày Vu-lan nhớ ơn mẹ. Rồi liên tiếp hai hạt ngọc khác cũng nổi theo. Khấp đạo tràng bỗng nhiên nổi cao lên lời niệm Phật tiếp ứng cho bốn đạo hữu đang cúi mình chiêm ngưỡng ngọc Xá-lợi. "Thưa thầy, ngọc kết thành bè". Ba hạt ngọc Xá-lợi từ từ chuyển lại gần nhau và cuối cùng dính chặt lấy nhau trên mặt nước. Kỳ diệu thay! Hạnh phúc vô ngần khi mắt mình nhìn thấy tận tường sự huyền diệu của ngọc Xá-lợi Phật.

Tự động bốn đạo hữu cung kính bái lạy rồi lắng lặng lui về cuối giảng đường. Bốn đạo hữu khác cung kính lễ bái rồi lắng lẽ quỳ kính xem tiếp hiện tượng huyền diệu của ngọc Xá-lợi.

Khi lớp Phật tử cuối cùng lên chiêm ngưỡng ngọc Xá-lợi Phật thì hiện tượng mây năm sắc nổi lên trong chiếc cốc sứ trắng men trắng. Tất cả những hạt ngọc Xá-lợi da, không một hạt nào chìm xuống đáy cốc mà



kết tụ lại với nhau thành một đám mây năm sắc bồng bềnh trên mặt nước. Đây là ẩn điển đến bù cho sự chờ đợi kiên nhẫn, bày ra hiện tượng huy hoàng mà cả đời con người chẳng bao giờ tưởng tượng được. Vào chùa, người Phật tử chỉ nhìn thấy năm ánh màu chớp mở sau lưng Phật, năm màu sắc trên hình ảnh. Giờ đây năm màu sắc từ các viên ngọc Xá-lợi long lanh trên mặt nước. Trên mặt giấy thấm thường, Xá-lợi chỉ là những hạt bụi đồng màu; nhưng khi phơi mình trên mặt nước thì Xá-lợi hiện ánh hào quang khiến lòng người không còn nghi ngờ đó là ảo ảnh. Ánh hào quang của Đức Phật hiện hữu khắp muôn nơi, chiếu nay hiện ra nơi vườn Thiền xa vắng, trong lòng cốc nước trong veo. "Ở đâu có tâm ở đó có Phật", sư trụ trì cười tươi khi đáp lại lời chào của các đạo hữu bái tạ thấy ra vẻ.

Có duyên được nán lại, tôi hạnh phúc được thấy tường tận những gì mà suốt cuộc đời dù có cố công đi tìm khắp mười phương cũng không thể nào tìm được. Đó là được dùng kính phóng đại để nhìn xem các hạt ngọc Xá-lợi ở dạng bồng bềnh trên mặt nước và ở dạng thể khô.

Trên mặt nước các viên ngọc Xá-lợi đa có năm màu. Dưới đáy cốc, năm màu càng sáng tỏ. Nhờ một ánh đèn pin chiếu sáng, lý ra dưới đáy cốc là một bóng mây của đám ngọc Xá-lợi in xuống, song trái ngược lại điều làm cho tôi ngỡ ngàng là không phải là bóng mây mà là đám mây ngũ sắc. Trên mặt nước, những viên ngọc Xá-lợi kết tụ thành hình tròn năm màu thì dưới đáy cốc lại là một vùng mây năm sắc. Không phải là hình bóng mà là màu sắc của nguyên hình ảnh.

Những viên ngọc nổi trên mặt nước dưới kính phóng

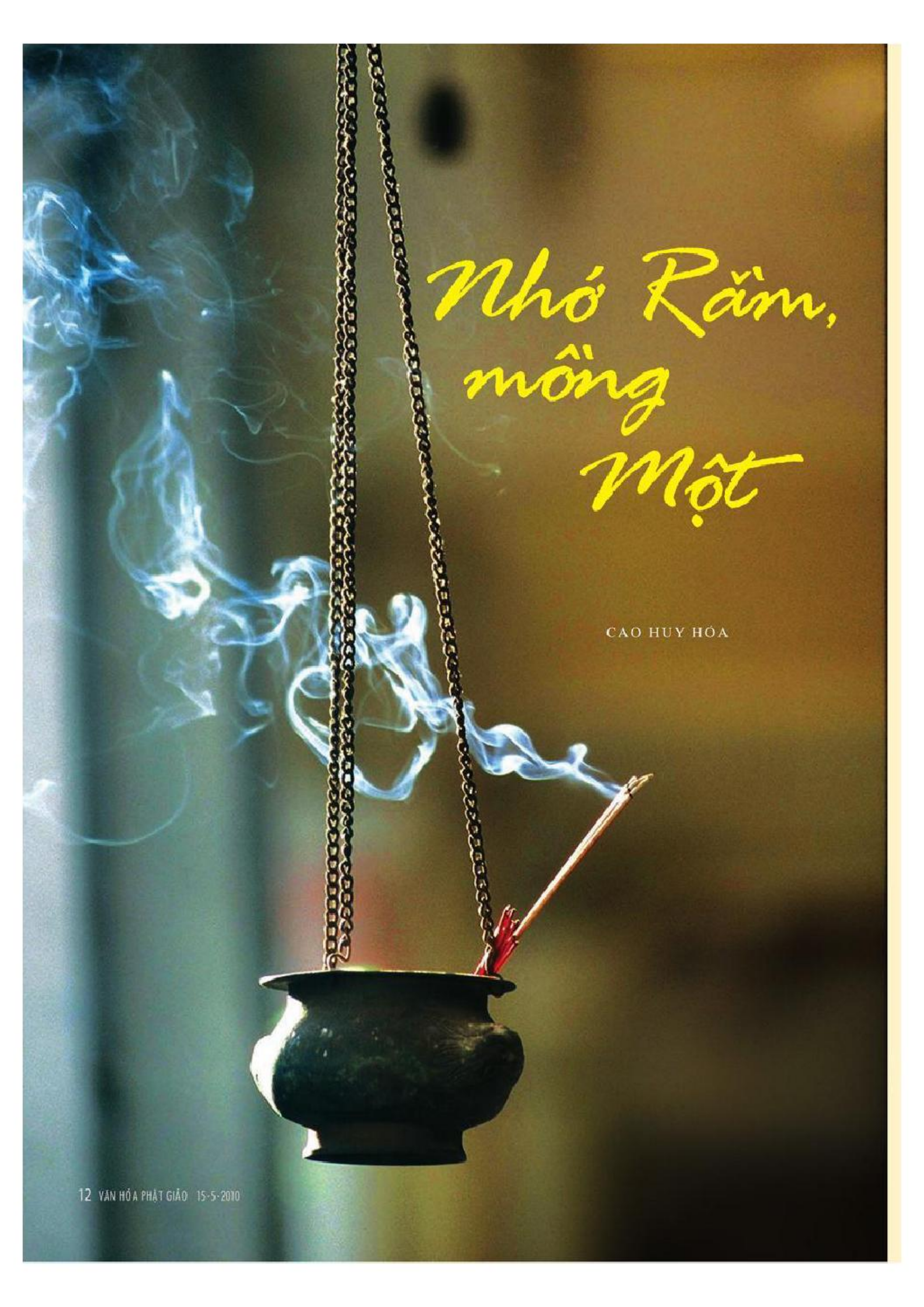
đại hiện rõ hình dáng của một khối ngọc long lanh đang chuyển từ thể khối này đến thể khối khác. Khối ngọc đang ở trạng thái động. Khối ngọc như đang nằm trên một trục xoay nhẹ nhàng từ từ để người chiêm ngưỡng nhìn thấy rõ hết các thể trạng. Từ hình trạng này qua hình thể khác liên tục khiến người ngắm như thấy được viên ngọc đổi hình, đổi dạng rồi đổi màu.

Khi vị sư trụ trì cẩn thận gắp từng viên ngọc dưới đáy cốc, sẽ đặt nhẹ lên mặt tờ giấy thấm trắng tinh, tôi lại được nhìn qua kính phóng đại để chiêm ngưỡng từng viên ngọc Xá-lợi. Đây là những khối đá có nhiều thể dạng, trong suốt, đôi viên có những vân màu linh động, nhẹ nhàng. Những viên ngọc Xá-lợi đa, lúc nổi trên mặt nước thì lóng lánh năm màu, nhưng khi nằm yên trên màn giấy mịn thì năm màu sắc như nằm ôm nhau ngủ giữa yên tĩnh hư không. Riêng về viên ngọc Xá-lợi toàn thân, nhìn mắt thường có hình dáng con thoi màu vàng sáng linh động song khi nhìn dưới kính hiển vi thì như một chiếc thuyền chứa đầy màu sắc hòa hợp cùng nhau. Từ trên nhìn xuống lại thấy như một chiếc bố đoàn hình thuẫn rắc đầy hoa cúng Phật. Khi nhìn từ trước ra sau thì thấy như một vòm động hoa vàng. Nhìn ngọc từ nhiều hướng càng nhận thấy như hình ảnh của tâm mình hiển hiện.

Thời gian trình ngọc để chiêm bái cũng dài như thời gian thu hồi an vị ngọc. Cuộc đời này có không nhiều duyên lành hội ngộ, tôi cúi đầu uống chén nước rửa ngọc với tâm hồn phơi phơi lâng lâng.

Ra về giữa trời khuya. Núi rừng hai bên đường như triu mến tiễn tôi suốt một dặm đường dài.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. ■

A bronze incense burner hangs from a chain, with a lit incense stick placed inside. Wisps of white smoke rise from the burner, drifting upwards and to the left. The background is a soft, out-of-focus gradient of light and dark tones.

Nhớ Rằm, mồng Một

CAO HUY HÒA

Một người Phật tử bình thường thể hiện nếp sống theo đạo Phật như thế nào? Đi chùa lễ Phật, quy y Tam bảo, giữ năm giới, biết tụng kinh, học và thực hành Phật pháp, hoặc... không có gì khác với người không có tôn giáo, chỉ cần tự mình biết là Phật tử? Thật khó để trả lời câu hỏi đó vì có nhiều câu trả lời. Theo tôi, dâng hương hoa trên bàn thờ Phật và ăn chay mỗi tháng hai ngày, rằm và mồng một âm lịch, một cách chín chắn, là sự thể hiện rất phổ thông của người Phật tử. Thật ra, người Phật tử có nhiều việc phải học, phải tu, nhưng đây là biểu lộ rõ nét nhất. Tuy giới đầu tiên trong năm giới không theo triệt để - hầu như đa số Phật tử cũng như vậy -, nhưng ít nhất hai ngày trong một tháng tự nhắc nhở mình về tâm từ bi, cố gắng không sát sinh, ngoài ra tâm hướng về Phật trong hai ngày đó cũng làm cho mình có ý thức giữ luôn các giới khác: không bê tha say sưa quá chén, không tà dâm, không nói dối, không trộm cắp,...

Tôi cũng chỉ là người Phật tử thể hiện nếp sống như thế, và được thừa hưởng truyền thống gia đình như thế. Thật ra, cha mẹ tôi có căn cơ vững vàng hơn tôi ngày nay rất nhiều. Cha tôi suốt đời cần mẫn đóng góp Phật sự, cuối đời lại say mê đọc kinh, còn mẹ tôi, tuy quanh năm suốt tháng ở nhà lo cho gia đình, nhưng bao giờ cũng giữ gìn trang nghiêm bàn thờ Phật, bàn thờ ông bà, lo hương hoa, cúng kỵ tuy đơn giản nhưng tươm tất, và tuy ít đi chùa nhưng lần nào đi cũng thành kính lạy Phật, dâng lễ chư tôn đức, chư Tăng Ni, thăm hỏi bà vải và chúng đệ tử, xong ra viếng tháp Tổ và tháp quý ngài trú trì trước đây.

Truyền thống ăn chay hai ngày rằm, mồng một và bâng bạc không khí thành kính hướng về Tam bảo là một tập quán của gia đình tôi, cũng như nhiều gia đình khác theo Phật, và tôi nghiệm ra rằng một gia đình bền vững cần phải có những tập quán tốt đẹp, kế thừa từ thế hệ này qua thế hệ khác, như là nền móng đạo đức, như là sợi dây êm ái liên kết mọi người trong gia đình; ngược lại, nếu thiếu tập quán tốt đẹp, gia đình sẽ dễ bị những vọng động bên ngoài kéo mỗi người một ngã. Suy rộng ra, một dân tộc thiếu bản sắc văn hóa hoặc dễ mất bản sắc văn hóa cũng dễ bị những thế lực văn hóa ngoại lai chi phối. Chính truyền thống ăn chay trong hai ngày rằm và mồng một, cùng với việc giữ tinh tấn thân, miệng, ý ít nhất trong hai ngày đó của người Phật tử đã góp phần vào bản sắc văn hóa ngàn đời của dân tộc. Còn riêng về Huế, một thời trước đây, thể hiện truyền thống đó rất rõ, tại chùa, tại nhà, và hơn nữa, tại đa số quán xá: ngày rằm, mồng một chỉ dọn chay; vì thế Huế có bản sắc riêng, đó là thành phố Phật giáo.

Ăn chay mỗi tháng hai ngày cho thật chí thành, xem ra không phải dễ, nhất là thời kỳ tuổi trẻ là tuổi chạy theo ngũ dục. Ngày trước, món ăn chay không phong phú như bây giờ, chủ yếu chỉ là tương, chao, xì

dầu, rau sống, vả, mít,... cho nên, tuổi còn nhỏ mà đến ngày ăn chay thì có phần kém phần khởi; rồi khi đi làm việc, bận bịu rủ rê hoặc gặp liên hoan, tiệc tùng thì dễ quên ăn chay; nhưng càng trưởng thành tôi càng cảm nhận rằng, ăn ngon không chỉ đến từ món ăn, mà do cảm nhận từ ý lành tôn trọng sự sống của muôn loài, và từ niềm vui được hưởng nguồn tinh khiết của thiên nhiên, và nhất là ăn chay làm cho tâm thanh tịnh. Bởi thế, thức ăn chay bao giờ cũng đảm bảo rất sạch sẽ, chén đĩa bao giờ cũng thật vệ sinh. Hơn thế nữa, người nấu và dâng cúng thức ăn chay phải tinh tấn, nghĩa là đem lòng thành kính trong từng động tác. Tinh tấn từ chuẩn bị hoa, quả, thức ăn, vật dụng cho đến tinh tấn thân khẩu ý, đó là bài học không lời mà cha mẹ tôi để lại cho con.

Khi cha tôi mất thì mẹ tôi càng chuyên tâm hướng về Phật. Hương hoa chu đáo trên bàn thờ Phật đã đành, cứ mỗi trưa rằm, mồng một, mẹ tôi còn làm mâm cơm chay để cúng cha tôi và tổ tiên, người thân quá cố, một việc mà trước đây không có khi còn cha tôi. Và sau này, mẹ tôi không còn nữa, tôi vẫn tiếp tục công việc đó để trước hết biết ơn Phật đã cho tôi sống trong chánh pháp, đồng thời biết ơn cha mẹ như là người con Phật chín chắn truyền tâm cho tôi.

Vào ngày rằm, mồng một và các ngày lễ, ngày vía, cha mẹ tôi thường đi chùa hoặc đến với khuôn hội; còn tôi, tôi không giữ được đều đặn như vậy. Hầu như thế hệ như tôi ít đi chùa hơn thế hệ trước; và thế hệ sau càng ít hơn nữa. Nhưng rồi duyên lành cũng đến. Ni sư trụ trì một ngôi chùa ngoại ô bảo tôi, cứ rằm, mồng một đến chùa, trước là lễ Phật, sau là dùng cơm chay với các Phật tử bốn đạo của ni sư, vui lắm.

Chùa ở ngoại vi thành phố, nằm khuất trong đường đất yên tĩnh. Từ một khoảnh đất trũng, lầy lội, ni sư đã đổ thêm đất, và hàng năm đất cao thêm nhờ ni sư mua đất phù sa do lụt lội, xây dựng thành ngôi chùa khang trang, chánh điện uy nghi, và vườn chùa vừa có cây cảnh thích hợp, có hồ sen xinh xắn, vừa có cây ăn trái và rau xanh mát mắt, êm dịu giữa mùa hè. Chùa chỉ có ni sư và một đệ tử; bình thường đệ tử đi học thì cảnh chùa vắng lặng. Một lần tôi đến chùa trong cảnh thanh tịnh đó, ni sư đắp y vàng, đọc kinh *Đại Bát Niết Bàn* ngoài hiên. Ni sư đang trong cảnh an tịnh tuyệt đối, còn tôi cảm nhận thời gian gõ nhịp đều đều trong không gian thoang thoang mùi hương; một hồi, khi nhận ra tôi, ni sư tươi cười: *"Hay thật! Đọc trong kinh, Đức Phật rằng mà thấy trước thời mạt pháp. Chừ mình cũng thấy những chuyện giống như rủa"*.

Khác với khung cảnh bình thường, chiều rằm, mồng một, chùa đông vui thấy rõ. Cũng như một số chùa ở Huế, chùa cúng thí thực, cô hồn vào hai buổi chiều đó, một cách rất chu đáo: mâm cúng cô hồn, mâm cúng đất đai, và đặc biệt một mâm bày ra dưới đất, tôi ngạc nhiên hỏi, thì ni sư cho biết mâm này dành cho những



người Chiêm Thành đã nằm xuống trên vùng đất này. Đây cũng là dịp để những Phật tử bốn đạo của ni sư về chùa lễ Phật. Phần lớn những bốn đạo này là các bác, các chị tiểu thương chợ Đông Ba. Cả ngày bận rộn chuyện buôn bán, cuối chiều thì mới thu xếp hàng hóa, kết toán tiền nong, cho nên lúc trời vào tối, các Phật tử này mới đến lễ chùa. Họ đều đứng tuổi, buôn bán đã lâu, xem như là "thành phần cơ bản" của chùa trong những ngày rằm, mồng một, trong thành phần này cũng có vài Phật tử hành nghề khác; còn tôi và một số vị nữa, người thì cán bộ nhà nước, người thì về hưu, người thì nghề tự do, cứ "đến hẹn lại lên" theo lời ni sư dặn, và thỉnh thoảng một vài vị xuất hiện, như là khách mời của chùa. Nhưng một thành phần đông đúc hiếm có là gia đình của "thành phần cơ bản" và bạn bè của những người trong thành phần này, từ em thiếu nhi đến bà cụ già, và nhất là nam nữ thanh niên, sinh viên học sinh. Tôi đam vui lây với lứa tuổi thanh xuân này: sao các em tìm cảnh thanh tịnh, đến chùa lễ Phật, chứ không chạy theo các thú vui phồn hoa?

Lễ Phật xong, cũng như mọi người, các em tản ra vườn, hoặc giúp chùa nấu nướng, sắp đặt hương hoa, mâm cỗ. Lễ xong, tất cả mọi người quây quần quanh hai dãy bàn dài, cùng ăn một cách tự nhiên. Ni sư rất ít cấm chén mà đi đi lại lại, thăm hỏi người này người khác. Câu chuyện trao đổi thường là chuyện gia đình, chuyện phố phường, xã hội, không mấy khi đã động chuyện quốc gia đại sự, và ni sư thường hay kể chuyện về nghiệp báo, nhân quả. Đó là điều tâm đắc của những bác, những chị tiểu thương, và tôi nghĩ rằng với nghề

buôn bán, đã tin một cách tiên thiên về nghiệp báo, nhân quả như thế thì làm sao buôn gian bán lận; và với tư cách người mẹ, tín tâm như thế thì làm sao không ảnh hưởng tốt đến đạo đức con mình? Cho hay, chỉ với một triết lý phổ thông như thế, đạo Phật đã góp phần xây dựng đạo đức con người vô cùng to lớn từ ngàn xưa; thế mà ngày nay, việc giáo dục bỏ qua triết lý đó, cho nên có người sẵn sàng dẫn thân vào tội ác, thậm chí giết người cướp của, có thanh thiếu niên hằng máu đâm chém, hành hung người khác mà lý do chẳng đâu vào đâu; tất cả những người như thế không hề nghĩ rằng mình sẽ chịu nghiệp báo.

Nhìn cảnh chùa hôm nay, tôi nhớ lại một thời khó khăn trong giai đoạn lịch sử vừa qua, ni sư đã hết lòng lo lắng về đời sống và học tập cho những trẻ em có hoàn cảnh không may, và bây giờ, tuổi đã cao, không còn xông pha công tác xã hội nữa, thì ngôi chùa mà ni sư tạo dựng là nơi hội tụ của những Phật tử bận rộn làm ăn, cũng như là bóng mát cuộc đời cho thanh thiếu niên trong một xã hội đầy cám dỗ và bất trắc. Trên đường về, tâm hồn thơ thới, cho dù trăng sáng hay rả rích mưa, cho dù trời dịu mát hay trở gió mùa đông bắc; đến trước ngõ tôi vẫn thấy phảng phất mùi hương, đúng là các chị buôn bán nhỏ bên lễ đường mới thắp hương khấn vái đâu đây. Như thế, tôi đã hưởng trọn vẹn ngày rằm, mồng một thật ý nghĩa: buổi trưa lễ Phật ở nhà, cúng cha mẹ, buổi tối đi chùa, lạy Phật, cung kính ni sư, gặp được những Phật tử thuần thành như cha mẹ mình hồi trước; thế thì làm sao tôi không nhớ ngày rằm, mồng một? ■

Một đồng tiền mất trong dòng sông sẽ được tìm thấy trong dòng sông

ZOKETSU NORMAN FISCHER*

Hôm nay tôi muốn nói về ngồi thiền, thiền định của Thiền. Ở đây Đạo Nguyên bắt đầu như sau trong *Phổ khuyến tọa thiền nghi*, bản văn nền tảng về ngồi thiền:

Đạo vốn hoàn hảo và hiện hữu khắp, làm sao nó có thể phụ thuộc vào thực hành và chứng ngộ? Thừa pháp thì tự do và vô ngại, cần gì nỗ lực tập trung? Thật vậy, toàn thân vốn lìa hẳn bụi bặm thế gian, ai có thể tin vào một phương tiện chùi sạch nó? Đạo không hề rời khỏi người ta, nó ở ngay chỗ người ta hiện hữu, rời đây hay kia để thực hành phòng có ích gì?

Ngồi thiền là một hoạt động căn bản là vô ích và vô mục đích. Một người sùng mộ việc ngồi thiền không phải bởi vì nó giúp cho cái gì hay nó là bình an hay thú vị hay bởi vì Đức Phật nói nên làm việc ấy – dù chúng ta có thể tưởng tượng nó giúp đỡ hay nó bình an hay thú vị – mà chỉ bởi vì người ta tôn sùng nó. Bạn không thể phản bác hay chứng minh nó hay biến nó thành cái gì tốt đẹp. Bạn chỉ làm nó bởi vì bạn làm nó. Thậm chí nó không có vấn đề thích hay không thích. Ngồi thiền vì ngồi thiền. Chim hót, cá lội, và người ta sùng mộ ngồi thiền thì ngồi thiền với lòng sùng mộ mọi lúc dù nó không cần điều đó.

Đời sống chúng ta đã tốt đẹp theo cách của nó. Mọi sự xảy ra là một biểu lộ của sự giác ngộ bốn nguyên của chúng ta dù chúng ta không biết điều đó. Chúng ta không cần có một điều kiện khác hay tăng thêm hay giảm bớt cái gì. Cơn mưa tử tế của Pháp rơi mọi lúc đều đặn và tự do trên mọi sự, và mỗi sự vật nhận mưa và dùng nó theo cách riêng, khác của mình. Toàn bộ thế giới mở ra trong sự phô bày hổ tương toàn hảo và đẹp đẽ của những năng lực. Có lẽ chúng ta có khó khăn hân thưởng điều này nhưng cuối cùng chúng ta chỉ là con người và tại sao chúng ta lại không có khó khăn? Sự khó khăn của chúng ta là thế này: tâm chúng ta

không thể thấy sự khác biệt mà không so sánh, không phê phán và không lấy bỏ. Chúng ta muốn hoặc là mọi sự đều như nhau, nó là vậy mặc dù chúng ta không thể kinh nghiệm như vậy, hay nếu những sự vật khác nhau thì chúng ta tranh đấu để sắp hàng chúng.

Loại khó khăn này chẳng đáng gì tới biết và suy nghĩ, cũng không liên hệ gì đến hiện thể thực sự của chúng ta. Chúng nào hiện thể thực sự của chúng ta vẫn được quan tâm, thì có khó khăn hay không, chúng ta vẫn tốt. Bấy giờ có gì ngu ngốc hơn ý tưởng trau dồi tôn giáo, hơn tư tưởng chúng ta cần thay đổi thân phận chúng ta để trở nên thánh hơn, bình an hơn hay thông thái hơn. Thật vậy, những tư tưởng như thế chỉ đưa chúng ta khỏi thánh tính, an lạc và trí huệ; chúng là tinh túy thực sự của mỗi khoảnh khắc đời sống chúng ta. Những phẩm tính này hiện hữu với chúng ta bất kỳ nơi nào chúng ta hiện hữu ngay trong hiện tại. Nỗ lực để sở đắc chúng nào có ích gì? Những nỗ lực như vậy chỉ dẫn dắt chúng ta vào chiều hướng sai lầm. Có lần có người hỏi Đạo sư Vân Môn, “Ngồi đứng và chiêm ngắm thực tại’ có nghĩa là gì?”. Vân Môn nói, “Một đồng tiền mất trong dòng sông được tìm thấy trong dòng sông”.

Chúng ta cần cảm nhận chân lý của những sự việc này để ngồi thiền. Nếu không cảm nhận được, sự ngồi thiền của chúng ta sẽ rất chụp giựt ham hố. Mọi sự khác trong đời sống chúng ta là ham hố bởi vì cảm thức tự ngã mạnh mẽ, quen thuộc luôn luôn đòi hỏi có được cái gì tốt từ mọi việc chúng ta làm. Chúng ta trở nên cạn kiệt vì những hoạt động ấy. Nhưng ngồi thiền là cái gì khác. Nếu chúng ta không cảm nhận tính vô ích nền tảng của nó, cái này đến từ tính vô sự vốn hoàn hảo của đời sống, chúng ta sẽ biến nó thành cái gì bận rộn chụp giựt, cũng như mọi việc khác ta làm.

Một câu chuyện khác từ Đạo sư Vân Môn:

Có lần một nhà sư hỏi, “Cái gì là tự ngã của con?”. Thiền sư Vân Môn nói, “Tôi, ông sư già này, đi vào bùn và

nước vì ông". Nhà sư nói, "Thế thì con cần bẻ xương và xé thân làm trăm mảnh để biết ơn". Thiền sư hét lớn. Ngài nói, "Nước của toàn thể đại dương ở trên đầu ông ngay lúc này. Nói đi! Nói đi!". Nhà sư không nói được. Thiền sư Văn Môn trả lời thay, nói từ quan điểm của nhà sư, "Con e rằng ngài không nghĩ con là nguyên sơ chân chất".

Vấn đề là chúng ta không có khả năng ngồi thiền như vô ích, vô sự bởi vì tâm chúng ta không thể chấp nhận tính nguyên sơ chân thật và vốn hoàn hảo căn bản của đời sống chúng ta. Thực sự chúng ta rất cưỡng chống với thực tại này. Chúng ta ghét nó bởi vì nó quá đơn giản và chúng ta cứ dai dẳng nghĩ chúng ta cần thêm nữa. Điều này không phải là một chi tiết hay một tình cờ của tâm ta; thậm chí nó không phải là một thói quen; nó là bản chất sâu xa của tâm ta. "Thức" tiếng Sanskrit là *vijnana*, có nghĩa là phân chia hay cắt. Để có cái mà chúng ta gọi là kinh nghiệm, chúng ta phải phân chia hay cắt mảnh thực tại. Tính nguyên sơ chân chất hay tính vốn hoàn hảo là tính toàn thể, tính không thể phân chia, thế nên nó không thể là một kinh nghiệm. Và thậm chí nếu chúng ta thực hành ngồi thiền và có một kinh nghiệm ngộ, chúng ta lập tức làm mình rối rắm. Một kinh nghiệm như vậy có thể là một bắt đầu hứa hẹn, nhưng chúng ta phải cẩn thận buông bỏ nó, không định nghĩa định danh nó, không biến nó thành một kỷ niệm yêu quý, thành một cái móc cho bản sắc cá nhân.

Đạo Nguyên tiếp tục trong *Phổ khuyến tọa thiền nghi*:

Thế nhưng, nếu có chút trái ngược nhỏ nhất, Đạo liền xa cách như trời với đất. Nếu có chút thích hay không thích sanh khởi, Tâm rơi mất trong mê mờ. Giả như người ta kiêu hãnh và hiểu biết và tự phụ vì ngộ của mình, thoáng thấy trí huệ suốt qua mọi vật, biết Đạo và sáng tỏ Tám, phát nguyện xông tới trời. Người ta đang dạo chơi ở những biên bờ nhưng vẫn còn thiếu cái gì trong đại đạo của giải thoát hoàn toàn.

Ngài nói tiếp:

Thế nên các ông cần ngưng sự thực hành căn cứ trên hiểu biết trí thức, theo lời theo chữ, và học bước thụt lùi, xoay ánh sáng vào trong để soi sáng chính các ông. Thân và tâm tự chúng sẽ rơi mất, và khuôn mặt bốn nguyên của các ông sẽ biểu lộ. Nếu các ông muốn đạt được tính Như, các ông cần thực hành tính Như không trì hoãn.

Cái "bước thụt lùi" này là một lời nói nổi tiếng của Đạo Nguyên. Nó là cái đối nghịch với biết hay kinh nghiệm – hay đúng hơn, "ở trước" biết hay kinh nghiệm. Không ở trước trong thời gian mà trong chiều sâu. Ở đây, mọi ngôn ngữ đều bất lực với chúng ta bởi vì tôi đang cố gắng diễn tả cái không liên hệ gì với không gian và thời gian, và mọi ngôn ngữ của chúng ta được xây dựng trên những ẩn dụ của không gian và thời

gian. Một học trò có một hình ảnh tốt đối với chuyện đó. Anh nói thức thì giống như cắt một củ hành. Cạnh của lưỡi dao tiếp xúc với lớp da ngoài củ hành và tức thời cắt nó, và củ hành bị phân chia. Mỗi khoảnh khắc chúng ta chia cắt thế giới như vậy, và cảm thấy tách biệt và cô đơn trong đó, bị phân chia khỏi chính mình, phân chia khỏi mọi sự, bị lưu đầy, lạc lõng. Và có người khác thêm vào – "Chúng ta kêu khóc vì điều này, cũng như chúng ta kêu khóc khi chúng ta chia cắt củ hành và giải phóng chất nước của nó vào không khí". Bước thối lui là khi cạnh của lưỡi dao chạm với da củ hành. Vào chính khoảnh khắc ấy, không có sự chia cắt – thậm chí không có phân chia giữa con dao và củ hành, để cho củ hành là củ hành. Chỉ có một vật tiếp xúc chính nó, tiếp xúc hoàn toàn với chính nó. Đây là đời sống của chúng ta hiện hữu trong khoảnh khắc hiện tại như thế nào – một vật tiếp xúc với chính nó, không quá khứ, không tương lai, và cả không hiện tại. Đây là bước thối lui. Dừng nghĩ trong cái bắt đầu nguyên sơ của hành động của thức.

Khi tôi nói điều này, có vẻ như tôi muốn hiểu rằng tất cả chúng ta cần cẩn thận phân tích tâm chúng ta và cẩn thận xem chừng mỗi hành vi của thức. Dù đây là một thực tập có ích, chỉ có thể được làm giữa và sau sự tu hành thiền định cẩn thận, thì nó vẫn là một thực tập căn bản là phù phiếm bởi vì nó đặt nền trên một ý niệm không gian thời gian của thức. Có thể nói trong Thiền, một đầu ngón tay không thể chạm chính nó, một lưỡi dao không thể cắt chính nó. Thật vậy, khoảnh khắc đầu tiên không thể phân chia của thức không thể thành lập trong tách biệt; nó thấm khắp toàn bộ thức. Toàn thể hành vi cắt củ hành, thậm chí những giọt nước mắt, là cái bắt đầu.

Trong thực hành Thiền, chúng ta làm hai điều: Chúng ta chỉ ngồi thiền và chú ý vào đời sống chúng ta. Chúng ta ngồi với một tinh thần ngồi không để làm gì, đi vào nó không phải như tự ngã chúng ta mà như ai đó lớn lao hơn chúng ta và bao trùm chúng ta. Chúng ta không cố gắng đảm đương cái gì về bất cứ cái gì. Chỉ ngồi, như Đạo Nguyên nói, "thẳng lưng đứng tư thế, không nghiêng bên trái bên phải, không ngả về trước về sau". Chỉ quyết tâm ở đó mà không có ý niệm lên hay xuống, trong hay ngoài, ta hay người, cho đến khi chuông rung hay bạn ngã ra chết, bất kể ai là người đến đầu tiên. Và rồi khi đứng lên và tiếp tục cuộc sống thì chỉ là tỉnh giác và giản dị. Hãy luôn luôn biết, như bạn đã khám phá một cách căn bản trong ngồi thiền, rằng cái gì đi qua trong tâm bạn chỉ là cái đi qua trong tâm bạn, rằng những tư tưởng và cảm nhận chỉ đơn giản là những tư tưởng và cảm nhận. Cái thực sự đang đi qua, những sự kiện mà những tư tưởng và cảm nhận quy chiếu vào và định nghĩa, thực ra không được biết. Chớ quên điều đó và khi bạn quên nó hãy tự nhắc nhở nhiều lần. Hãy chắc chắn bạn giữ được cảm thức hài

hước. Chớ vương nhiều vào cái xảy ra bởi vì khi bạn vương vào thì bạn bỏ mất cái gì đang xảy ra. Thế nên hãy chuyển động qua những sự vật, chỉ thẳng tiến, không có quá nhiều cần nhắc.

Khi chúng ta ngồi thiền, chúng ta xem xét tư thế và chú ý hơi thở. Khi thở vào chúng ta biết đây là hơi thở vào và khi thở ra biết đây là hơi thở ra. Chúng ta hiện mình với sùng mộ, sáng tạo và thương yêu lớn lao cho hơi thở và chúng ta để mọi sự khác ra đi mà không chối bỏ hay chôn vùi cái gì. Khi quên, chúng ta tự nhớ lại và trở lại. Nhưng chúng ta chớ biến hơi thở thành một cái gì và chớ làm cho sự kiện ngồi thiền thành một cái gì. Không có những thứ to chuyện trong ngồi thiền bởi vì mọi sự trong đời sống chúng ta và trong toàn thể giới đều to chuyện – thế nên có gì là đặc biệt đâu? Nếu mọi sự đều là một chuyện lớn thì không có cái gì là chuyện lớn cả. Thế nên chúng ta chớ lo lắng về việc ngồi thiền của mình và chớ nghĩ chúng ta đang làm đúng hay sai. Chúng ta chỉ làm nó. Đoạn đối thoại Thiền mà tôi thích, mà tôi trích ra bất cứ lúc nào tôi có cơ, là câu nói của Thiền sư Chao Jo. Khi một học trò hỏi, “Ngồi thiền là gì?”, ngài đáp, “Nó là không-ngồi-thiền”. Học trò nói, “Làm sao ngồi thiền có thể là không ngồi thiền?”, Chao Jo đáp, “Nó sống!”.

Trong Phổ khuyến tọa thiền nghi, Đạo Nguyên nói, *Ngồi thiền mà tôi nói đến thì không học thiền định. Nó đơn giản là cánh cửa Pháp của sự an nghỉ và lạc phúc, sự thực hành – chứng ngộ của giác ngộ vô thượng. Nó là sự biểu lộ của thực tại tối hậu. Những cạm bẫy không bao giờ có thể đến đó. Một khi nắm được tâm yếu, bạn giống như con rồng khi hút nước, như con cạp khi vào núi. Vì bạn phải biết rằng chỉ ngồi thiền như thế, Chánh pháp sẽ tự biểu lộ và ngay từ đầu, hôn trầm và phóng dật bị gạt qua một bên.*

“Thực tại tối hậu” nghe có vẻ là một ý niệm khả tán dương, nhưng thực sự thực tại tối hậu ở đâu? Nó ở dưới tấm đệm ngồi thiền của tôi? Nó chôn sâu trong óc não tôi? Nó trong một đám mây hay dưới đại dương? Tôi nghĩ nó ở trong mọi chỗ ấy và mọi nơi khác. Thế nên ngồi thiền hay không ngồi thiền không phải là sự chuẩn bị cho cái gì khác. Ngồi thiền của tôi, ngồi thiền của anh, ngồi thiền của Đức Phật đều như nhau – những biểu lộ của thực tại tối hậu. Nó không phải là một vấn đề thiền định hay không thiền định. Nó là một sự việc kỳ diệu bởi vì nó là một sự việc không thể hư hỏng. Những cạm bẫy không bao giờ có thể đạt đến nó. Thực tại là thực tại, bất kể người nào có làm hay không làm nó. Bạn không cần hiểu nó – bạn không thể hiểu nó. Tất cả điều bạn cần là tin nó. Một khi bạn ngồi xuống và có tự tin thật sự vào việc ngồi xuống – không phải bởi vì nó là cái gì kỳ diệu mà chỉ bởi vì nó không là gì cả và không ích lợi gì cả - không ích lợi một cách

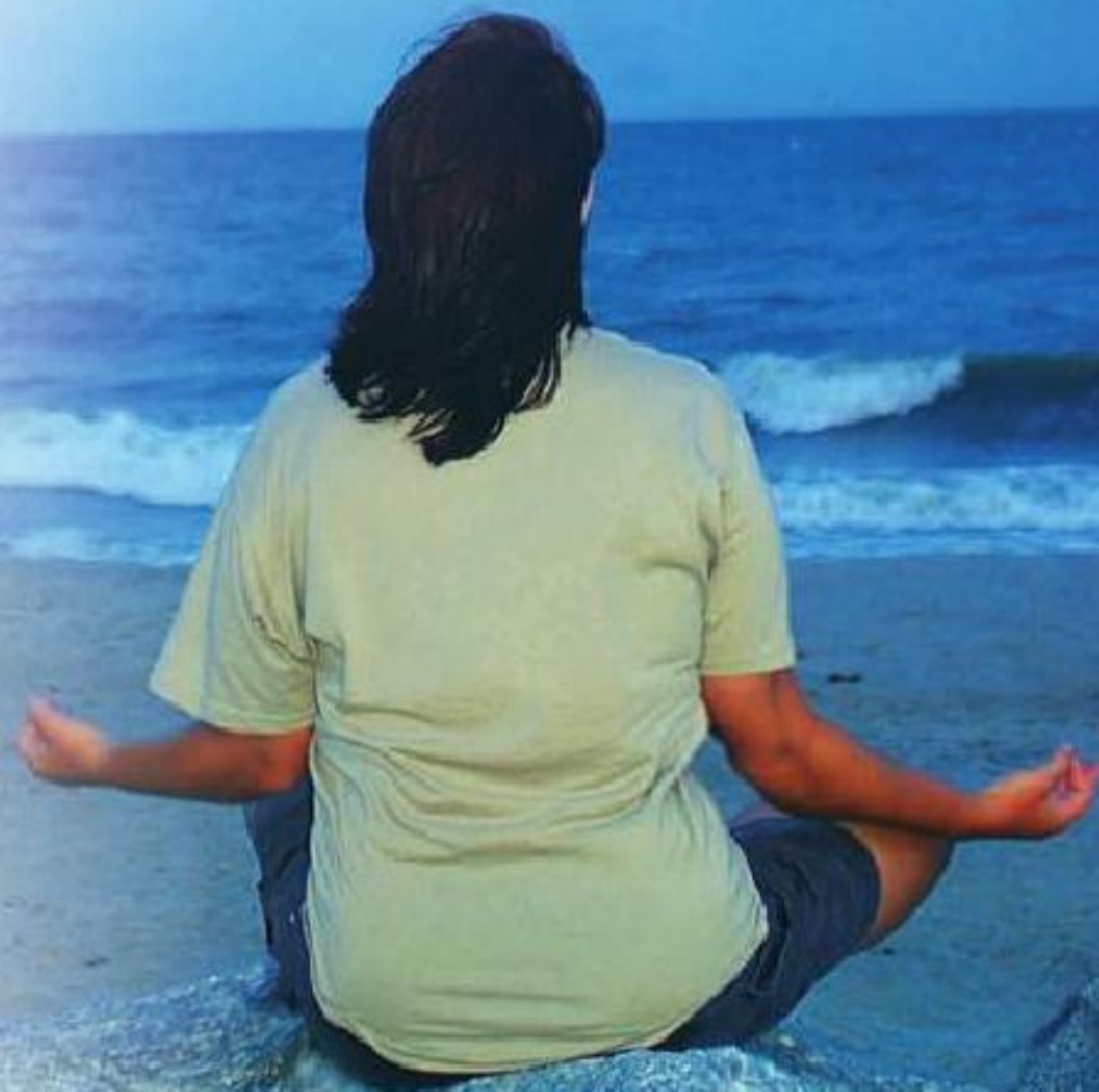
tối cao – bấy giờ bạn có tự tin thật sự vào đời sống của bạn. Sự vật chắc chắn là sẽ lìa bỏ ngày mai. Bạn có thể bị ghét bỏ, làm nhục và mất việc hay danh tiếng, chồng hay vợ, hay thân thể bạn. Nhưng vẫn hiện hữu thực tại tối hậu, nó vẫn là đời sống đích thực và nguyên sơ chân chất và bạn có thể mang lấy nó, hiện hữu với nó và nhìn sâu vào nó để biết nó là gì.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ lịch sử mà chúng ta hiểu rằng tất cả chúng ta cần ý thức và năng động trong thế giới của chúng ta. Không ai trong chúng ta không biết sự kêu gọi hành động này. Và tuy nhiên, nếu chúng ta không thực hành ngồi thiền, dù chúng ta gọi nó là ngồi thiền hay cái gì khác và làm nó như thế nào, chúng ta không thể hành động chính xác và cần thận. Đã có nhiều hành động – quá nhiều hành động. Điều chúng ta cần không phải là hành động thêm nữa, chúng ta cần hành động giác ngộ. Và điều này nghĩa là buông bỏ hành động.

Thiền Tri Thức dịch

Chú thích:

* Zoketsu Norman Fisher nhậm chức tu viện trưởng của Trung tâm Thiền San Francisco năm 1995. Ông bắt đầu thực hành ở Trung tâm năm 1970. Ông ở Tassajara từ 1976 đến 1981; từ 1981 đến nay ở Green Gulch Farm. Ông cũng là một nhà thơ có thơ xuất bản. ■





Phiên bản chuyện

Con cá và cần câu

hay

quy luật nhân quả trong cuộc sống

NGUYỄN CẢNH CHƯƠNG

Câu chuyện *Con cá và cần câu* là câu chuyện ngụ ngôn xưa, từng từng giai đoạn nó được chế tác thành “phiên bản” mới, mang ý nghĩa của thời đại. Từ “phiên bản” cũ để cao công cụ, rồi để cao phương pháp, nay tôi giới thiệu thêm “phiên bản” mới để cao thái độ sống – như là yếu tố khởi đầu cho một số phận.

Chuyện kể rằng, A đi câu cá, trên đường trở về, gặp một người ăn xin sắp chết đói. A thương tình nên bắt trong giỏ cá của mình vừa đi câu về cho người ăn xin một con cá. Người ăn xin đã nướng ăn và thoát được cơn đói. A về rất vui, gặp bạn mình là B, kể lại chuyện mình đã làm được một việc thiện. B lắc đầu bảo rằng A làm như vậy là không chắc tốt. “Không chỉ cho cá, cậu nên cho người ăn xin cần câu để anh ta có thể tự mình đi câu kiếm sống. Không tin, ngày mai cậu đi qua sẽ thấy người ăn xin đó vẫn bị cơn đói hành hạ” – B nói.

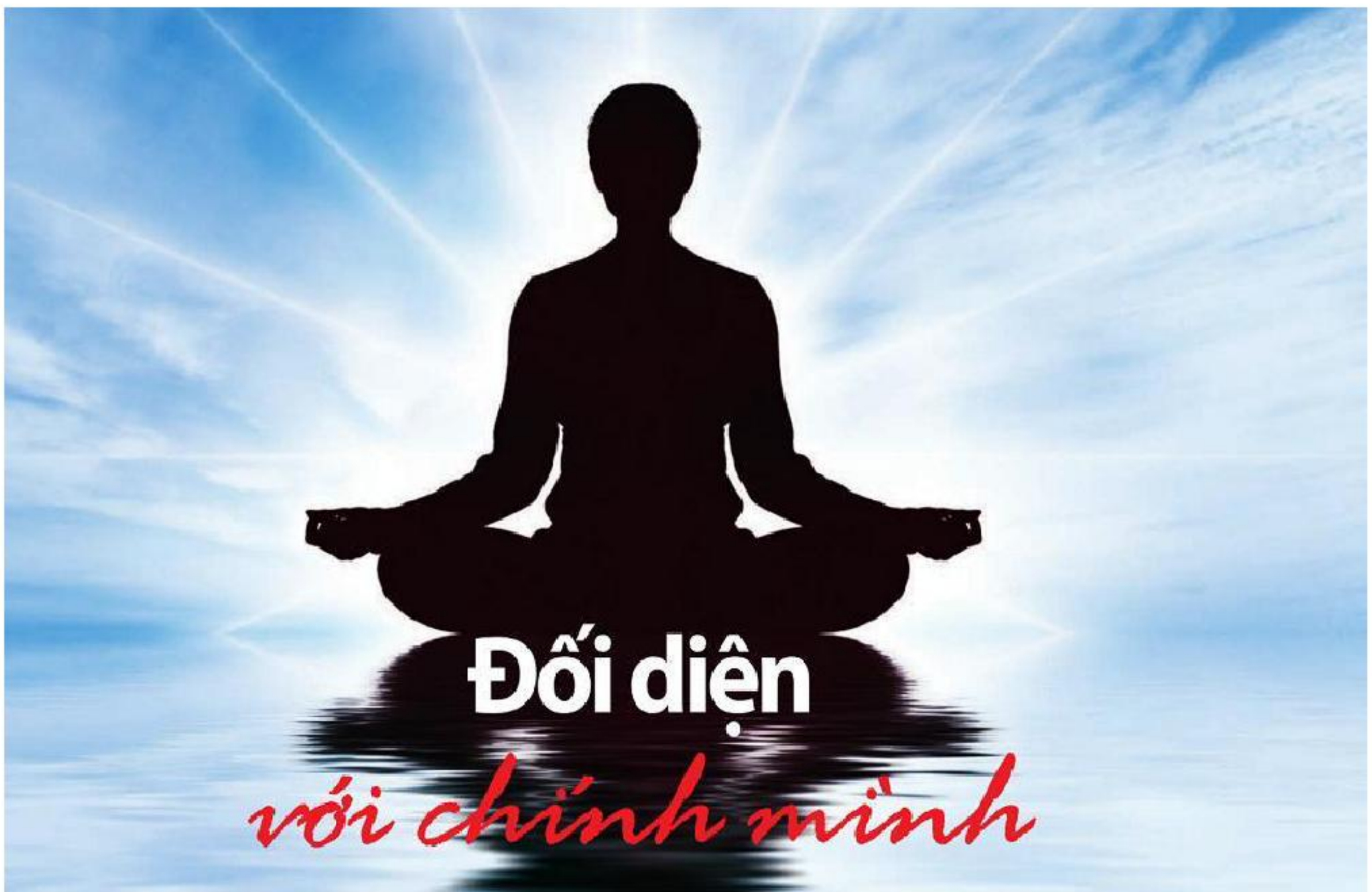
Ngày hôm sau A rủ B cùng đi câu. Khi trở về, quả đúng như lời B nói, hai anh em gặp lại người ăn xin đang nằm lả bèn vệ đường. A lại cho người ăn xin cá và B cho người ăn xin cần câu. A và B trở về nhà trong tâm trạng vui vẻ vì đã làm được việc thiện. Trên đường về, A và B gặp bạn là C. Cả A và B hào hứng kể cho C nghe chuyện vừa xảy ra. C lắc đầu nói: “Các cậu làm như vậy chưa chắc đủ. Cho người ăn xin cần câu rồi nếu không chỉ cho anh ta phương pháp câu thì chưa chắc anh ta đã câu được cá. Có thể ngày mai trở lại các cậu sẽ thấy người ăn xin vẫn bị đói”.

Ngày hôm sau A và B rủ C cùng đi câu. Khi trở về, quả đúng như lời C nói, ba anh em gặp lại người ăn xin đang nằm còng queo, quắp chiếc cần câu lả đi bên vệ đường. Thế là A lại cho cá, B sửa lại cần, C

giảng giải tỉ mỉ phương pháp câu cá, từ ngoắc mồi câu đến phương pháp câu từng loại cá, v.v... Thế rồi cả ba ra về trong tâm trạng đầy hưng phấn, tin chắc từ nay người ăn xin sẽ không sợ đói nữa. Khi ba người về gặp D, cả ba lại hào hứng kể lại chuyện người ăn xin. D ngẫm nghĩ một lát rồi lắc đầu nghi hoặc: “Các cậu đã làm đúng, thế nhưng tớ nghĩ chưa đủ. Tớ chỉ sợ thiếu một điều có lẽ còn quan trọng hơn đó là các cậu chưa chỉ cho anh ta thái độ sống tích cực, phù hợp. Chỉ e rằng anh ta sẽ chỉ lo bản thân trước mắt, không lo đến lâu dài, “tích cốc phòng cơ” khi mùa hạn tới không có cá để câu; thậm chí có khi anh ta còn có thái độ tiêu cực, không chịu đi câu, lại trở lại với nghề ăn xin”.

Cả A, B và C không tin lắm vào lời D, nhưng để kiểm tra, ngày hôm sau nữa, A, B và C rủ D cùng đi câu. Không ngờ rằng, trên đường về nhà, cả bốn anh em lại gặp người ăn xin ngày nọ trở về với nghề cũ của mình. A, B và C kéo D lại bảo D chỉ cho người ăn xin thái độ sống. D ngăn ngại: “Thái độ sống phải được tự đào luyện thường xuyên nhờ sự định hướng, tác động của gia đình, nhà trường và xã hội, không thể ngày một ngày hai mà có được”...

Phiên bản tân trang câu chuyện ngụ ngôn trên nghe có vẻ giản dị nhưng thật sâu sắc. Câu chuyện cốt yếu đem lại một sự khẳng định về tầm quan trọng của thái độ sống. Hóa ra công cụ, phương pháp đều quan trọng nhưng thái độ sống là điều quan trọng hơn cả trong cuộc sống. Có khi thái độ sống là khởi điểm cho châm ngôn của người xưa, là cái nhân cho kết quả số phận mỗi người: *Thái độ (sống) thúc đẩy suy nghĩ; suy nghĩ thúc đẩy hành động; hành động tạo nên thói quen; thói quen tạo nên tính cách; tính cách tạo nên số phận...* ■



CHOGYAM TRUNGPA

Biết lắng nghe sự thật, biết quan tâm khám phá chính mình, và ưa vui thiền định, người đó tôi gọi là một chiến sĩ.

Có nhiều trường hợp con người tìm đến tâm linh hay một lối sống nào đó là do sự yếu đuối. Khi không dám nhìn thẳng vào chính mình, con người có thể dùng tâm linh hay tôn giáo như một cách để nhìn vào mình mà không thấy gì về mình. Khi con người tự mình quấy rầy mình, khi đó không có vô úy, chỉ có sợ hãi. Nhưng người nào thật sự muốn nhìn vào chính mình để khám phá và thực hành sự tỉnh giác, người đó tôi gọi là một chiến sĩ.

"Chiến sĩ" ở đây có nghĩa là "người có lòng can đảm". Truyền thống chiến sĩ ở đây là truyền thống về đức tính can đảm và không sợ hãi.

Tinh thần chiến sĩ đặt nền tảng trên sự vượt qua lòng sợ hãi và cảm giác bị tổn thương. Khi cảm thấy có thể bị tổn thương, chúng ta sẽ sợ cố người đến chữa vết thương cho chúng ta. Có thể chúng ta bị những mảnh xóc đâm vào, nhưng chúng ta không dám để người khác lấy chúng ra. Việc của người chiến sĩ là đối mặt với mọi sự sợ hãi và lòng yếu hèn. Mục tiêu của tinh thần chiến sĩ là không sợ hãi, nhưng môi trường của tinh thần chiến sĩ là sự sợ hãi. Để có được sự không sợ hãi, chúng ta cần hiểu rõ sợ hãi là gì.

Sợ hãi là trạng thái hoảng loạn, bối rối, một cảm giác

hụt hẫng, thấy rằng chúng ta không đủ khả năng ứng phó với những vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Chúng ta có cảm giác rằng cuộc sống quá sức chịu đựng. Chúng ta có thể dùng thuốc an thần hay tập yoga để ngăn chặn sự sợ hãi, cố gắng để nổi lơ lửng trong cuộc sống. Hoặc chúng ta dùng những thời gian nghỉ ngơi để ngồi quán cà phê, đi dạo phố. Chúng ta dùng nhiều mảnh lối và phương tiện với hy vọng có được cảm giác không sợ hãi chỉ bằng cách trốn tránh khỏi môi trường sợ hãi.

Sợ hãi đến từ tình trạng bối rối, hoảng loạn. Bối rối, hoảng loạn đến từ sự không hài hòa hoặc không đồng bộ giữa tâm và thân. Khi tham thiền, nếu ngồi không đúng tư thế, ta không thể có được sự hài hòa giữa tâm và thân. Ta không có ý thức về nơi chốn hoặc tư thế của mình. Điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta. Khi không cảm thấy vững chãi hoặc không có vị thế thích hợp trong thế giới, chúng ta không thể có sự kết nối với cuộc sống hoặc với phần còn lại của thế giới.

Vấn đề rất dễ hiểu. Khi thân và tâm không ăn nhịp, chúng ta cảm thấy như có một bức tranh biếm họa về chính mình, gần giống như một người khờ nguyên thủy hay một anh hề. Trong hoàn cảnh đó, chúng ta rất khó kết nối với phần còn lại của thế giới.

Đây là một lối giải thích đơn giản về điều được coi như trạng thái tâm lý "mặt trời lặn": hoàn toàn đánh mất dấu vết của sự hòa điệu tự nhiên căn bản của con người.

“Mặt trời lặn” là mặt trời đã chìm mất trong thế giới của chúng ta, và chúng ta chơi vơi trong bóng tối. Chúng ta cảm thấy chỉ có sự khốn khổ, mây mù, tù ngục, đời sống là nơi bùn lầy nước đọng. Để gỡ lại, chúng ta tìm đến một căn hầm với ánh sáng tối tẻ hơn, ở đó chúng ta say mềm. Chỗ đó được gọi là club, câu lạc bộ. Chúng ta nhảy múa như một con vượn say không còn nhớ đến chuối và nơi cư ngụ của mình trong rừng sâu lúc trước. Nó yến tiệc với bia, rượu, và lắc lư chiếc đuôi. Không có gì sai trong việc nhảy múa, nhưng đó là một hình thức trốn tránh sự sợ hãi. Thật đáng buồn. Đó là mặt trời lặn. Đó là ngô cụt, một ngô cụt không lối ra.

Ngược lại, Mặt Trời Lớn Phương Đông là một mặt trời nhô lên trọn vẹn trong đời sống của chúng ta. Đó là mặt trời tỉnh thức, mặt trời phẩm giá của con người. Nó lớn vì nó đại diện cho sự thăng hoa, mở rộng và nhẹ nhàng. Chúng ta có cảm giác được nâng lên về tư thế hay nơi chốn trong thế giới của mình, mà chúng ta gọi là đầu và vai đúng tư thế. Nó ở phương Đông vì chúng ta có một nụ cười trên mặt. Phương Đông là khái niệm về bình minh. Khi chúng ta nhìn ra ngoài lần đầu tiên vào buổi sáng, chúng ta thấy ánh sáng rọi đến từ phương Đông, ngay cả trước khi mặt trời mọc. Như vậy, phương Đông là nụ cười chúng ta có được khi mới thức dậy. Mặt trời sắp mọc. Không khí trong lành đang đến với bình minh. Như vậy, mặt trời là *phương Đông* và nó là *lớn*.

Ở đây, Mặt Trời là mặt trời đã mọc lên trọn vẹn, mặt trời mà chúng ta thấy trên bầu trời vào khoảng mười giờ sáng. Nó trái ngược với hình ảnh con khỉ say rượu nhảy múa vào nửa đêm dưới ánh sáng của những bóng đèn mờ ảo. Sự trái ngược thật đáng kinh ngạc và khác thường! Mặt Trời Lớn Phương Đông thì làm thăng hoa và thức tỉnh, tạo sự tươi mới và rõ ràng.

Chúng ta có thể đi sâu thêm vào chi tiết, nhưng trước tiên, chúng ta cần thảo luận về nền tảng của sự sợ hãi và không sợ hãi. Một trong những trở ngại chính cho sự không sợ hãi là những thói quen khiến chúng ta tự đánh lừa mình. Thông thường, chúng ta không để cho chúng ta trải nghiệm về mình một cách trọn vẹn. Điều đó có nghĩa là chúng ta sợ phải đối diện với chính mình. Trải nghiệm cái cốt lõi sâu thẳm nhất của sự hiện hữu của mình là điều khó khăn nhất đối với nhiều người. Nhiều người cố gắng tìm một con đường tâm linh, ở đó họ không phải đối diện với chính họ mà có thể giải phóng họ – giải phóng họ ra khỏi chính họ. Trong thực tế, điều này không thể xảy ra. Chúng ta phải thành thật với chính mình. Chúng ta phải nhìn thấy ruột gan của mình, thấy rác rưởi thật sự của mình, những bộ phận không mong muốn nhất của chúng ta. Chúng ta phải thấy những thứ đó. Đó là nền tảng của tinh thần chiến sĩ, cũng là nền tảng để chiến thắng sự sợ hãi. Chúng ta phải đối diện với sự sợ hãi của chúng ta; chúng ta phải nhìn vào nó, học hỏi nó, làm việc với nó, và tu tập với nó.

Chúng ta cũng phải từ bỏ ý tưởng về một vị cứu rỗi

thần thánh, dù ở tôn giáo nào, về một người hay một sự vật có thể giúp chúng ta vượt qua sự đau khổ mà không có sự tham dự của chúng ta. Từ bỏ loại hy vọng hảo huyền đó là bước đầu tiên. Chúng ta phải bước đi với đôi chân của chính mình. Chúng ta phải là những con người thật. Không có việc khua gõ xung quanh bụi cây để chờ đợi điều tốt đẹp nhất xảy ra. Nếu thật sự muốn bước đi với đôi chân của chính mình, chúng ta phải không sống theo loại đời sống kép đó. Học hỏi tư tưởng, tiếp thu kỹ thuật, hiểu biết về mọi thứ chỉ để trốn tránh chính mình. Đó là điều chúng ta gọi là chủ nghĩa vật chất tâm linh: hy vọng có được một giấc ngủ ngon bằng thuốc gây mê, và khi thức dậy, vết thương đã được khâu lại đầu vào đó, mọi sự đều được chữa lành và chúng ta không phải trải qua sự đau đớn hay hay khó khăn nào.

Trên con đường rèn luyện tâm linh chân thật, chúng ta không thể đi theo cách đó. Chúng ta có thể tự thuyết phục rằng có một số kỷ luật tôn giáo có thể đưa thẳng chúng ta vào trạng thái xuất thần. Chúng ta có thể nói rằng thế giới này không hiện hữu, chỉ có thế giới tinh thần mới hiện hữu. Nhưng rồi chắc chắn chúng ta sẽ bị dội ngược, vì không ai có thể đánh lừa quy luật nền tảng là nghiệp hay nhân quả.

Chúng ta phải đối diện, phải xả bỏ. Chúng ta phải thực hiện điều đó nếu chúng ta muốn tử tế với chính mình. Ngược lại, nếu muốn làm tổn thương chính mình bằng việc chạy theo chứng loạn thần kinh mặt trời lặn, đó là việc của chúng ta chứ không của người nào khác. Không ai có thể cứu chúng ta ngoài chúng ta.

Thường chúng ta thích tự làm tổn thương chính mình. Dường như chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn khi chạy theo những thói quen. Chúng ta có thể đã nghe thấy cô giáo khuyên nên học hành chăm chỉ; có thể cha mẹ đã bảo chúng ta hãy ăn hết thức ăn trong đĩa; vì những điều đó tốt cho chúng ta... Khi nghe những lời khuyên đó có thể chúng ta cảm thấy khó chịu. Tuy nhiên, sự chính thống và kỷ luật có những yếu tố chân thật trong đó.

Chúng ta phải quyết định nhìn vào mình và nhận thức về mình một cách trung thực. Có thể một số người trong chúng ta có những hoàn cảnh rất khốn khổ và bất hạnh trong khi những người khác có những hoàn cảnh sáng sủa và tốt đẹp. Dù ở trong trường hợp nào, dù sự khám phá của chúng ta đem đến niềm vui hay nỗi sợ, chúng ta hãy nhìn vào mình. Chúng ta cần tìm thấy chúng ta, đối diện với chúng ta. Bên cạnh đó, hãy từ bỏ sự riêng tư, giới hạn của chúng ta.

Từ bỏ sự riêng tư, đó là thời điểm duy nhất chúng ta trở về với chúng ta. Chúng ta nói: “Tôi cần sự riêng tư”. Khi nhốt mình vào cái được gọi là riêng tư, chúng ta thấy mình đi vào một con đường riêng. Nhưng không có cái riêng tư như vậy. Cái riêng tư không hiện hữu. Lúc đó, chúng ta sống hoàn toàn với cảm xúc và niệm tưởng, những thứ này lấy mất cơ hội cho chúng ta gặp gỡ và dừng nghỉ nơi chính mình một cách trọn vẹn. Khi từ bỏ

cái riêng tư, chúng ta mở tâm và toàn bộ đời sống của chúng ta cho phần còn lại của thế giới, và khi đó chúng ta tìm thấy một cái riêng tư lớn hơn. Chúng ta thấy thành hình một sự khám phá thực tiễn về chính mình.

Cách duy nhất để có thể dừng nghỉ nơi chính mình là mở lòng. Từ đó, chúng ta có cơ hội để thấy được mình là ai. Kinh nghiệm này giống như mở một chiếc dù bay. Khi nhảy ra khỏi máy bay và mở dù, chúng ta ở đó một mình trong bầu trời. Đôi khi cảm thấy sợ hãi, nhưng sau khi thực hiện bước này, toàn bộ khung cảnh, toàn bộ cuộc hành trình trở nên có ý nghĩa. Cứ thực hành và chúng ta sẽ hiểu. Từ bỏ cái riêng tư không phải là một tiến trình giáo dục và lý luận. Nó xảy ra tức thì bằng việc thực hành.

Từ bỏ sự giới hạn không có nghĩa là trở nên phô trương. Chúng ta trở nên thật với chính mình khi từ bỏ những hàng rào ngăn ngại. Từ bỏ sự riêng tư, cảm giác e thẹn, và những ý tưởng về một “cuộc hành trình” cá nhân không có nghĩa là chúng ta sẽ trở thành những con người

phô trương. Nhưng chúng ta sẽ trở thành những con người thật. Khi bỏ hút thuốc, chúng ta không cần tuyên bố việc chúng ta làm. Có thể không ai lưu ý đến điều đó. Chúng ta chỉ việc không hút thuốc nữa. Khi từ bỏ sự riêng tư, chúng ta sẽ đứng và bước đi trên hai bàn chân của một con người. Chúng ta nhìn vào vũ trụ với hai con mắt. Và như vậy là đủ. Lần đầu tiên chúng ta trở thành một con người tao nhã, nhưng chúng ta không cần phải tuyên bố điều đó. Chúng ta dừng lại ở đèn đỏ. Chúng ta tiếp tục đi khi đèn xanh. Chúng ta sống trong một thế giới không có sinh khí. Hãy bước bước chân đầu tiên. Rồi chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta vẫn còn giữ nguyên thể đứng. Điều đó đôi khi khủng khiếp, đôi khi tốt đẹp. Nhưng vẫn đứng vững. Và đôi khi rất buồn cười, có thể đau đớn. Dù trường hợp nào, hãy chào đón thế giới của người chiến sĩ.

Rồi chúng ta dần dần nhận ra rằng trong chúng ta có sẵn một thứ gì đó rất nền tảng. Cái đó vượt ngoài ý niệm tốt hay xấu. Một cái gì đó đáng trân trọng và lành mạnh hiện hữu trong mỗi chúng ta. Đó là lần đầu tiên chúng ta nhìn thấy Mặt Trời Lớn Phương Đông. Tánh giác mở ra khi chúng ta phát hiện cái thấy về Mặt Trời Lớn Phương Đông. Đó là tánh giác căn bản, nguyên thủy mà tất cả chúng ta đều sẵn có. Tánh giác này đồng nghĩa với can đảm. Nó luôn luôn ở đó. Bất cứ khi nào chúng ta nhìn thấy một màu sắc tươi sáng và đẹp đẽ, chúng ta đang chứng kiến tánh giác vốn có của chúng ta. Bất cứ khi nào chúng ta nghe một âm thanh ngọt ngào và du dương, chúng ta đang chứng kiến tánh giác vốn có của chúng ta. Bất cứ khi nào chúng ta nếm thứ gì đó ngọt hay chua, chúng ta đang trải nghiệm tánh giác căn bản của chúng ta. Khi

chúng ta mở cửa phòng bước ra ngoài và bắt gặp một cơn gió nhẹ bất ngờ của không khí trong lành thoáng đến, kinh nghiệm đó có thể kéo dài chỉ một giây, nhưng đó là mùi vị của tánh giác nền tảng.

Sự việc như vậy luôn luôn xảy đến với chúng ta, nhưng chúng ta đã không nhận biết, nghĩ rằng đó cũng chỉ là những thứ thể tục, không quan trọng, là sự ngẫu nhiên bình thường. Tuy nhiên, chúng có giá trị đem đến cho chúng ta cơ hội tiếp cận với tánh giác. Chúng ta bắt đầu nhận ra một sự thanh bình, hòa điệu hiện diện chung quanh trong đời sống của chúng ta. Chúng ta cảm nhận sự luôn luôn tươi mới trong việc hiện diện trong tánh giác của chúng ta.

Nhưng chúng ta không thể chạy trước phát súng lệnh. Trước tiên, chúng ta hãy nhìn vào mình. Nếu chúng ta đặt toàn bộ con tim của chúng ta trong việc đối diện với chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ có sự kết nối với tánh giác nền tảng này. Trái lại, nếu chúng ta chỉ đặt năm

mươi phần trăm, chúng ta đang tìm cách trả giá, chắc chắn sẽ không có gì nhiều xảy ra. Khi chúng ta chân thật trong ý nghĩa đầy đủ nhất của nó, chúng ta không cần quan tâm đến sự phê phán tốt hay xấu, nhưng chúng ta thực sự đang đi trên con đường đúng.

Khi đối diện với chính mình một cách thích đáng, đầy đủ, chúng ta sẽ thấy một cái gì khác hiện hữu ngoài sự đối diện đó. Một sự tỉnh thức, một niềm phấn chấn, một sự hiện hữu nền tảng. Bây giờ, chúng

ta không còn phải lừa dối chính mình. Chúng ta đã tìm ra vàng ròng một trăm phần trăm. Theo Phật giáo, đó là thấy được tánh Phật trong chúng ta. Tánh Phật, tiếng Phạn là *Tathagatagarbha*, là cốt tủy của các Như Lai, của chư Phật, hiện hữu trong tất cả chúng ta.

Từ căn bản, chúng ta đã giác ngộ. Đó không chỉ là một tiềm năng. Nó còn hơn là một tiềm năng. Dĩ nhiên, chúng ta sẽ còn do dự trong việc tin tưởng điều này. Chúng ta có thể nghĩ rằng điều tốt đẹp này chỉ là một huyền thoại đời xưa, một trò lừa để cổ vũ chúng ta. Nhưng không. Đó là sự thật. Tánh Phật hiện hữu trong chúng ta, và đó là lý do chúng ta ở đây. Tánh Phật của chúng ta đem chúng ta đến đây.

Con đường dường như duy nhất để nhận ra điều này là ngồi xuống và tham thiền. Thiền là chìa khóa để thấy chính mình cũng như thế giới. Nhìn thấy chính mình là việc đầu tiên, với mọi thứ khủng khiếp xảy ra trong đó. Khi thực hiện việc này, chúng ta đang làm một người thành thật. Rồi sự thành thật sẽ cho phép chúng ta nhận ra sự tốt đẹp của chúng ta. Chúng ta sở hữu Đức Phật trong tâm chúng ta.

Thị Giới dịch (từ Shambhala Sun) ■





Bức tranh số 6 ở cung An Định vẽ gì?

TRẦN VIỆT ĐIỀN

Trong bài *Bí ẩn tranh tường cung An Định*, đăng trên báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* số 46-2003 ngày 23.11.2003, tác giả Ngô Minh đặt vấn đề: Sáu bức tranh tường ở cung An Định, 5 bức vẽ các lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Tự Đức, lăng Đồng Khánh, còn bức tranh thứ 6 họa sĩ vẽ công trình kiến trúc gì? Câu hỏi không dễ trả lời, tính đến nay đã có vài nhà nghiên cứu đưa ra các ước đoán nhưng chưa thuyết phục.

Sáu bức tranh được bố trí đăng đối qua đường thần đạo của cung An Định; trên hai mảng tường tả hữu có 4 bức và mặt trong hai mảng tường hai bên

cửa chính có 2 bức. Tính từ trong ra, 6 bức tranh được chủ nhân bố trí trang trọng, có dụng ý cung kính lăng mộ của “liệt thánh” triều Nguyễn: Tranh 1: vẽ lăng vua Gia Long; Tranh 2: Vẽ lăng vua Minh Mạng; Tranh 3: Vẽ lăng vua Thiệu Trị; Tranh 4: Vẽ lăng vua Tự Đức. (Bốn bức tranh này cùng có kích thước 1,6m x 1,4m). Tranh 5: Vẽ lăng vua Đồng Khánh; Tranh 6: chưa rõ chủ đề. (Hai bức tranh này cùng có kích thước 1,8m x 1,1m).

Xin lược trình các kiến giải:

Kiến trúc sư **Phùng Phú**, Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế ước đoán bức tranh 6 vẽ “một phủ



Ảnh của Ph. Eberhardt (A)



Tranh tường thứ 6.(B)

đệ nào đó, có tầm quan trọng đặc biệt với gia đình và bản thân Bửu Đảo".

Tiến sĩ **Trần Đức Anh Sơn**, nguyên Giám đốc Bảo tàng cổ vật Huế lại suy đoán: "Có thể bức tranh đó vẽ lăng Khải Định đang ở dạng phác thảo trên bản vẽ. Lúc khánh thành cung An Định, vua Khải Định 33 tuổi, đã bắt đầu cho thiết kế lăng. Sở dĩ bức họa không giống với lăng Khải Định hiện nay vì sau chuyển đi Pháp về, Khải Định đã cho thay đổi thiết kế theo kiểu phương Tây, đồ sộ hơn nên không còn giống với bức tranh đã vẽ".

Nhà nghiên cứu **Nguyễn Đắc Xuân** vào cuộc, giám định bức tranh 6 vẽ gì bằng những lý lẽ bác bỏ đoán nhận của Phùng Phú và Trần Đức Anh Sơn. Trước khi giám định, ông đã đề xuất 4 đặc điểm của "công trình kiến trúc cổ" mà họa sĩ phải thể hiện ở bức tranh 6:

- (1) : Phải là một cái lăng vua;
- (2) : Thân thiết nhất đối với vua Khải Định;
- (3) : Ra đời trước năm 1917;
- (4) : Đối được với khu lăng mộ vua Đồng Khánh đã vẽ.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân tìm được tấm ảnh *Porte d'entrée du tombeau de Dong Khanh* (Cửa vào lăng vua Đồng Khánh) của Ph. Eberhardt, rà soát bức ảnh và thấy công trình được chụp trong ảnh hội đủ các đặc điểm nêu trên, ông kết luận bức tranh 6 vẽ khu tấm điện lăng vua Đồng Khánh.

So sánh (A) và (B) thấy phía trái có điểm giống nhau là ngôi nhà được chụp và được vẽ nhưng phía phải hoàn toàn khác nhau. Thật vậy, ở (A) hướng cửa vào tấm điện là vuông góc với hướng ngôi nhà (hữu tòng tự chẳng hạn), còn trong (B) hướng cửa song song với hướng phương đình. Cửa ở (A) là cửa chính còn cửa ở (B) là cửa phụ. Theo luật viễn cận của hội họa thì thấy trong (B) cấu kiện có mái che, gần cửa bên phải, chung đường thần đạo với phương đình, có khả năng là một "cung môn" mà tầng dưới có cửa vào phương đình... Như thế kiến giải của nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, trên cơ sở bức ảnh chụp khu tấm điện lăng Đồng Khánh của Eberhardt, là chưa khớp với công trình kiến trúc được vẽ trong bức tranh 6.

Chúng tôi xin trình bày một kiến giải mới về bức tranh 6.

Trước hết phân tích tranh vẽ thứ 6: Công trình kiến trúc gồm có hai tường thành, ôm phương đình, phía trước có một cửa phụ phải, ở giữa có một cung môn nằm trên đường thần đạo với phương đình. Do tính đăng đối, bên trái cung môn phải có một cửa phụ trái, đã bị tàng cây che khuất. Cửa dưới cung môn bị hai tường thành che khuất. Do hai bậc cấp và một trụ lan can được vẽ quanh một góc sân rộng, nên có thể suy đoán công trình kiến trúc được vẽ là một bộ phận quan trọng nằm trong quần thể kiến trúc lớn hơn. Phương đình nằm giữa hai thành bao, phía trước có cung môn cao và hai cửa phụ khiến người xem tranh liên tưởng khu vực này có lăng mộ của vua. Họa sĩ quan sát công trình từ phía sau, bên phải khu có mộ vua để vẽ.

Như thế, ngoài bốn tiêu chí do Nguyễn Đắc Xuân đề xuất, chúng tôi xin bổ sung một tiêu chí nữa: **Công trình kiến trúc lăng vua, phù hợp với bức tranh được nhìn từ phía sau, bên phải, có ít nhất hai tường bao hình chữ nhật, có một phương đình, trước có một cung môn khá cao, hai bên có hai cửa phụ thấp hơn, tất cả đối xứng qua đường thần đạo của công trình kiến trúc.**

Chúng tôi khảo sát điển đã ở các lăng thì thấy nửa sau khu lăng mộ ở An Lăng của vua Dục Đức và Từ Minh hoàng thái hậu hội đủ năm tiêu chí nói trên. Thật vậy:

1. An lăng rõ ràng là lăng Công Tôn Huệ hoàng đế và Từ Minh hoàng thái hậu. Sau khi lên ngôi năm 1889, vua Thành Thái liền truy phong vua Dục Đức là Công Tôn Huệ Hoàng Đế và cho xây lăng mộ của vua cha đằng hoàng và đặt tên là An lăng. Đến tháng 7 năm Thành Thái thứ 11 (8-1899), điện Long Ân bên phải khu



Ảnh chụp khu mộ có nhà huỳnh ốc, cửa tam quan, cửa phụ phải, hai tường bao bằng gạch

vực lăng mộ vua Dục Đức được xây dựng để thờ Dục Đức. Trong khuôn viên này có xây dựng thêm Tả, Hữu phối đường, Tả Hữu tòng viện dành cho 7 bà vợ thứ của vua Dục Đức ở để lo phụng thờ tiên đế. Năm 1906, bà Từ Minh tạ thế, triều đình Thành Thái cho quy hoạch lại khu vực lăng mộ vua Dục Đức, làm thành một khu lăng kép, xây mộ bà gần mộ ông theo kiểu “song táng”, “càn khôn hiệp đức”.

2. Vì vua Dục Đức và vua Đồng Khánh đều là con nuôi của vua Tự Đức, nên Dục Đức là bác của vua Khải Định. Đối với vua Khải Định thì An lăng là lăng của bá phụ (Dục Đức) và bá mẫu (Từ Minh). Trước khi vua Khải Định lên ngôi thì đã có hai đời vua Thành Thái [1889-1907] và Duy Tân [1907-1916] cho xây dựng và tôn tạo An lăng, sau đó, lăng này được triều đình đưa vào điển thờ. Vì vậy, vua Khải Định và Tôn nhân phủ vẫn coi trọng An lăng, vẫn thường xuyên phụng tự Cung Tôn Huệ hoàng đế và Từ Minh hoàng thái hậu. Vậy thì trong thâm tâm vua Khải Định không “hờ hững” với An lăng được. Khi vua Thành Thái bị lưu đầy, gia cảnh gặp khó khăn, vua Khải Định thường xuyên giúp đỡ. Thế thì không vì lý do gì mà vua Khải Định bỏ qua An lăng.

3. An Lăng được xây dựng từ 1889, mở rộng năm 1899 khi dựng thêm điện Long Ân, quy hoạch lại năm 1906 khi Từ Minh hoàng thái hậu băng vào năm này. Rõ ràng An lăng được dựng trước năm 1917.

4. Vợ chồng vua Dục Đức là bác của vua Khải Định được táng ở An lăng còn vua Đồng Khánh là cha của vua Khải Định được táng ở Tư lăng, nên tranh vẽ hai ngôi lăng đủ điều kiện để đặt đối nhau trong cung An Định. Vậy không còn lý do nào để vua Khải Định không cho vẽ An lăng.

5. Để khách quan, xin trích nguyên văn đoạn giới thiệu khu lăng mộ của An lăng do Wikipedia cung cấp: “Khu lăng mộ có diện tích gần 3.500m², la thành chu vi 136m, cao 3,7m, dày 0,5m. Mặt trước la thành trở 1 cửa

vòm xây gạch, trên có 2 tầng mái giả ngói (trước kia có 2 cửa hông nhưng đã bị xây bít). Sau cửa là sân Bái đình lát gạch. Hai bên sân không có tượng đá như ở lăng mộ các vua khác. Tiếp đến là 1 cửa tam quan đồ sộ 3 tầng, hình thức như cửa Trường An ở cung Trường Sanh trong Hoàng thành. Đây là cửa chính của vòng tường thành thứ hai, chu vi 142m, cao 2m, dày 0,5m. Bên trong lại có vòng tường thứ ba, chu vi 106m, cao 1,5m, dày 0,4m bao bọc lấy mộ vua, mộ hoàng hậu và nhà Huỳnh ốc. Ở vị trí trung tâm trong vòng tường thứ 3 là nhà Huỳnh ốc làm theo lối phương đình, mái lợp ngói lưu ly vàng, đặt trên 1 bệ hình vuông, mỗi cạnh dài 7m. Trong nhà có sập thờ, án thờ đều làm bằng đá dùng để trấn thiết các đồ thờ cúng. Hai bên ngôi nhà này là hai ngôi mộ, một của vua Dục Đức và một của hoàng hậu Từ Minh nằm đối xứng với nhau. Mộ đều xây bằng đá Thanh, theo kiểu 5 hình khối chữ nhật chồng lên nhau, tổng chiều cao mộ là 0,85m. Trước 2 mộ đều có bình phong đắp nổi hình chữ Thọ, chữ Song Hỷ”.

Chúng tôi thấy khu vực lăng mộ của An lăng có bình đồ rất giống bình đồ công trình kiến trúc được vẽ trong bức tranh 6. Do vua Thành Thái bị phế truất và lưu đầy, tiếp theo vua Duy Tân cũng bị phế truất và lưu đầy nên vào các đời vua sau, chắc chắn hoàng tộc có sửa lại các cửa hông trái phải vào khu lăng mộ, khiến khu vực lăng mộ không còn những cửa hông như trong tranh vẽ. Chúng tôi đã phát hiện ở thành bao II dấu vết một cửa hông, được bít lại bằng các loại gạch khác kích cỡ, không được ngay hàng như phần lớn mảng tường gạch khác. Còn “cung môn” cũng thay bằng cổng tam quan 3 tầng. Tuy nhiên những cấu kiện có thay đổi ấy không làm biến đổi bình đồ của công trình kiến trúc, khớp giữa tranh vẽ và hiện trạng ở An lăng.

Đành rằng vua Dục Đức chỉ làm vua 3 ngày nhưng đó là vì quyền thần phế truất và hãm hại, chứ hoàng tộc triều Nguyễn vẫn không cho vua Dục Đức là người có tội. Hơn nữa, con của vua Dục Đức là vua Thành Thái, cháu nội của vua Dục Đức là vua Duy Tân, đã xây dựng và tôn tạo An lăng, đã truy phong vua Dục Đức, đưa An lăng vào điển thờ. Vì thế mà vua cháu Khải Định vẫn cho vẽ khu lăng mộ của An lăng, đăng đối với Tư lăng và có mặt cùng với Thiên Thọ lăng, Hiếu lăng, Xương lăng, Khiêm lăng trong cung An Định. Vua Khải Định không cho vẽ An lăng với lý do gì? Sợ Tây chăng? Nếu sợ rắc rối thì vua Khải Định đã không giúp đỡ tiền bạc cho ông vua bị Tây phế truất và lưu đầy như vua Thành Thái. Nếu hằng năm triều đình vẫn tế lễ tại điện Long Ân ở An lăng thì việc vua Khải Định cho vẽ lăng vua bác và tôn trí trang trọng ở cung An Định cũng là việc hợp đạo lý mà thôi. Không ngại kiến thức về Huế còn nông cạn, lại tha thiết cầu học, chúng tôi mạo muội trình bày kiến giải của mình nhằm góp phần trả lời một câu hỏi làm day dứt giới nghiên cứu ở Huế. Rất mong được sự chỉ giáo của các nhà nghiên cứu. ■



ĐỂ TÌM LẠI CHÍNH MÌNH

TUỆ LÃNG

Du lịch tâm linh?

Tìm đến nơi phát tích những suối nguồn tâm linh của loài người luôn luôn là một thôi thúc đối với mọi tín đồ. Mà trong chúng ta, ai chẳng là tín đồ của một hình thức rèn luyện tâm linh nào đó? Cho nên, xưa cũng như nay, các cuộc hành hương luôn luôn mời gọi con người lên đường. Các hình thức du lịch tín ngưỡng xuất phát từ nhu cầu rất tự nhiên đó. Gần đây, một hình thái du lịch cao cấp hơn đang được phát triển, đó là du lịch tâm linh. Ở Việt Nam trong vài năm gần đây, người ta đã chú ý đến du lịch tín ngưỡng và bước đầu hướng đến du lịch tâm linh.

Du lịch tín ngưỡng là một hình thức du lịch từ lâu đã phát triển rất mạnh ở nhiều quốc gia trên thế giới. Du khách tham gia loại hình du lịch này thường tìm đến các đình, chùa, nhà thờ, các thắng tích tôn giáo để văn cảnh, cúng bái, cầu nguyện,... Tại đây, du khách sẽ hòa vào dòng tín đồ để cảm nhận về yên bình, thanh thản ở những thắng tích tôn giáo nổi tiếng.

Do nhu cầu về việc tìm lại chính mình của con người, gần đây, du lịch tâm linh cũng đã hình thành và đang phát triển ở những quốc gia châu Á; đặc biệt những quốc gia theo Phật giáo như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan. Hàng năm, các cơ quan tôn giáo Nhật Bản kết hợp với các công ty lữ hành tổ chức các chuyến đi cho trên vài ngàn khách hành hương từ Nhật Bản đến các thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar; các nước châu Âu hàng năm cũng đã tổ chức nhiều đoàn du khách tham gia các lễ hội tôn giáo, các khóa tìm hiểu và nghiên cứu tôn giáo, các khóa tu thiền tại các quốc gia châu Á từng in dấu chân của Phật Thích-ca Mâu-ni lúc sinh thời. Đặc biệt, đầu năm 2004, Ấn Độ đã tổ chức hẳn một cuộc hội nghị các lãnh tụ Phật giáo thế giới trong đó có bàn đến việc phát triển du lịch tâm linh đến các thắng tích ở Ấn Độ.

Khác với hình thái du lịch tín ngưỡng hay các cuộc hành hương đơn thuần, việc đến các thánh tích tôn giáo của du khách trong loại hình du lịch tâm linh không chỉ

đơn giản là văn cảnh, hay tìm hiểu một nền văn hóa khác. Với họ, các thánh tích, Phật tích là những nơi giác ngộ, nơi có thể trao tặng cho họ các thông điệp tuyệt vời, nơi chứa đựng minh triết giác ngộ, sự hòa hợp giữa con người với thế giới, nơi mà qua khóa tu thiền tại chỗ, họ có thể giải mã ít nhiều bản thể cá nhân bí ẩn liên quan đến nghiệp nhân, nghiệp quả của chính mình...

Cựu Tổng thống Ấn Độ, Tiến sĩ A.P.J Abdul Kalam phân biệt rạch ròi rằng: *"Du lịch tâm linh hoàn toàn khác với việc tham quan các địa danh và ngắm nhìn các chiều kích vật lý. Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng trái tim và tâm trí của những bậc hiền triết..."*. Bởi vậy mà có vị Tỳ-kheo từng đề nghị đổi tên gọi "du lịch tâm linh" thành "du lịch chánh pháp", vì theo ngài khái niệm "pháp" chỉ cho thực tại, trong khi khái niệm "tâm linh" đã hàm ý nhị nguyên. Du lịch chánh pháp có nghĩa là cuộc hành trình với chánh pháp, đồng hành với chánh pháp. Du khách thông thường chỉ đi trên con đường (*walk on a path*) trong khi du khách trong du lịch tâm linh thì thực hành con đường (*walk a path*).

Du lịch tâm linh đến các Phật tích sẽ giúp con người tháo gỡ được các cảm xúc khổ đau, vun bồi tâm hành hướng thiện và phát triển và tinh thần minh triết. Du lịch tâm linh rất cần thiết cho tinh thần con người trong xã hội hiện đại. Nó bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Làm trỗi dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch tại những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các chuyến du lịch tâm linh.



Điều lý thú của du lịch tâm linh còn ở chỗ mọi du khách trong chuyến đi đều như nhau trong vai trò của một tín đồ, không phân biệt thành phần xã hội, giai cấp, không phân biệt sang hèn, giới tính, tuổi tác, địa vị xã hội,... Du lịch tâm linh vì vậy có thể giúp mỗi người gỡ bỏ vai diễn kẻ lạ mặt (*l'étranger* – chữ của Albert Camus) trong đời để sống hòa hợp tự nhiên như tất cả mọi chúng sinh trên mặt đất.

Ngài Dalai Lama đã từng có tâm sự: *"Cơ hội tham quan các điểm hành hương của các truyền thống tôn giáo khác đã giúp tôi nhận chân rằng du lịch tâm linh đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi lớn sự hiểu biết và thiết lập sự hòa hợp liên tôn. Tôi tin tưởng rằng chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn nữa để đảm bảo rằng các tôn giáo lớn trên thế giới sẽ liên kết tiềm năng con người lại, nhằm phục vụ nhân loại và cứu sống hành tinh chúng ta một cách tốt đẹp hơn. Đồng thời, thông qua đó, chúng ta cùng nỗ lực giảm thiểu tối đa các xung đột dưới danh nghĩa tôn giáo"*.

Khi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, xã hội càng hiện đại thì con người ta lại càng có nhu cầu nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần. Cho nên sự phát triển của du lịch tâm linh trong tương lai không xa là nhu cầu tất yếu, nhất là đối với quốc gia có nền văn hóa Phật giáo đậm nét như Việt Nam.

Chương trình của các chuyến du lịch tâm linh vì thế gần như sinh hoạt của các khóa tu với giờ giấc cụ thể, với các chương trình: *Ngồi yên và tụng kinh; Pháp đàm; Thiền trà; Dự lễ xuất gia; Trò chơi dân gian; Tham vấn; Đi thiền; Pháp thoại; Thiền ca; Thiền buông thư...*

Và bạn cũng chú ý điều này, phần lớn các thánh tích nằm ở những vùng núi cao, hẻo lánh với khí hậu thường khác biệt với duyên hải, phố phường, vì vậy trong những chuyến đi cụ thể, công ty du lịch thường yêu cầu du khách chuẩn bị túi ngủ, chăn mền, áo ấm, khăn quàng cổ, nón, đèn pin, áo quần và vật dụng cá nhân. Đôi khi, để tham gia các lễ hội theo tập tục địa phương hoặc theo nghi thức tôn giáo, du khách còn được người thiết kế chương trình chuyến đi đề nghị mang theo trang phục truyền thống như áo dài, khăn đóng, áo tứ thân... Du khách nếu có sức khỏe tốt, có yêu cầu cắm trại ngoài trời, công ty sẽ chuẩn bị lều trại và các vật dụng liên quan khác. Đặc biệt ở các chuyến du lịch tâm linh, rõ ràng du khách không được hút thuốc hay uống rượu, không mang theo các trò chơi điện tử, những đồ dùng quý giá, các loại thức ăn không thích hợp (chẳng hạn, thức ăn mặn nếu đến các thánh tích Phật giáo)...

Như vậy chính là du lịch tâm linh. Bạn đã chuẩn bị tinh thần cho một chuyến du lịch như vậy chưa, một chuyến du lịch đi xa mà lại trở về chính mình?

Bài học từ Ấn Độ

Ấn Độ được mệnh danh là đất nước của tôn giáo và triết học. Quốc gia này là nơi khởi nguyên của nhiều



tôn giáo lớn trên thế giới trong đó nổi bật là Phật giáo; bởi vậy rải rác khắp đất nước này là hàng ngàn Phật tích, danh thắng liên quan đến Phật giáo. Với hơn một tỷ tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới, Ấn Độ đương nhiên trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất cho du lịch tâm linh. Hiểu rõ điều này nên từ rất sớm Chính phủ Ấn Độ đã chú ý xây dựng chính sách liên kết du lịch Ấn Độ với tâm linh Phật giáo.

Để các Phật tích thu hút du khách, Chính phủ Ấn Độ thiết lập các đường bay mới từ các thủ đô của các bang quan trọng đến thẳng các thánh địa Phật giáo, xây dựng thêm các chuyến xe lửa độc lập dành cho du khách hành hương đến đất Phật. Trong vùng phụ cận các thánh tích, họ cho xây dựng nhiều khách sạn đủ loại và các căn hộ cho thuê để du khách có thể lưu trú nhiều ngày tại đây. Các nhà hàng cũng đã có nhiều loại thực phẩm châu Á để giúp cho du khách chưa quen với hương vị thực phẩm Ấn Độ có thể ăn uống được dễ dàng. Họ còn thiết lập các điểm dịch vụ y tế, đáp ứng kịp thời và đảm bảo sức khỏe cho du khách.

Mặc dù Chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đầu tư phát triển công nghệ du lịch, nhưng không cho các yếu tố thương mại hóa chi phối du lịch tâm linh. Nói khác đi, một mặt chính phủ tạo phương tiện đầy đủ và tiện nghi cho du khách như nâng cấp đường sá, thiết lập thêm các phương tiện giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường ở những nơi công cộng và các sân ga, đặc biệt là những khu phụ cận các Phật tích, nhưng mặt khác khuyến khích và tạo điều kiện cho các Giáo hội Phật giáo trên khắp thế giới mở các khóa tu thiền trong

khuôn viên của các Phật tích, giúp cho du khách thanh lọc thân tâm trong những ngày ở trên đất Phật.

Chẳng hạn, tháp Bồ-Đề Đạo Tràng là một trong số 84.000 công trình chùa tháp và kiến trúc Phật giáo được Đại đế A-dục kiến lập vào khoảng 218 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn tại đất nước Ấn Độ. Chính quyền Ấn Độ đã cho xây dựng quanh toàn bộ quần thể Bồ-Đề Đạo Tràng một hàng rào theo lối kiến trúc Phật giáo thời kỳ Gupta, vừa đảm bảo được an ninh trong khuôn viên, vừa đảm bảo được tính tương thích của hai giai đoạn kiến trúc xưa và nay. Để biến Bồ-Đề Đạo Tràng thành thánh địa linh thiêng nhất của Phật giáo, Chính phủ Ấn Độ chọn ngày rằm tháng 4, ngày Phật đản sinh làm ngày hành hương Phật giáo. Lễ hội hành hương về Bồ-Đề Đạo Tràng được truyền hình và đưa tin trực tiếp trên khắp thế giới.

Việt Nam đã chuẩn bị gì cho loại hình du lịch này?

Việt Nam là một quốc gia rất giàu có các thánh tích: chùa Trấn Quốc (Hà Nội), chùa Hương (Hà Tây), Yên Tử (Quảng Ninh), Luy Lâu (Bắc Ninh), Thánh thất Cao Đài (Tây Ninh), Trà Kiệu (Quảng Nam), La Vang (Quảng Trị), Phát Diệm (Ninh Bình),... Thế nhưng, du lịch Việt Nam cũng chỉ mới để ý đến du lịch tín ngưỡng, một loại hình du lịch nhìn ngắm, thăm viếng.

Các thánh tích ngày càng được chú ý đầu tư nâng cấp, cải tạo, tu sửa khang trang, bề thế hơn, nhưng lại ít quan tâm đến phương diện chuẩn bị các điều kiện cho du khách theo loại hình du lịch tâm linh như: nơi ở, thiền thất, thánh thất, các trang bị sinh hoạt khóa tu, nhu yếu

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2010

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2010, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 34 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Đại đức Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến & Tâm Hoa	
(California - USA)	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
PT. Diệu Đình	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Đình Thị Hoa Trâm	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
PT. Phạm Thị Kim Anh	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
PT. Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **473 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập

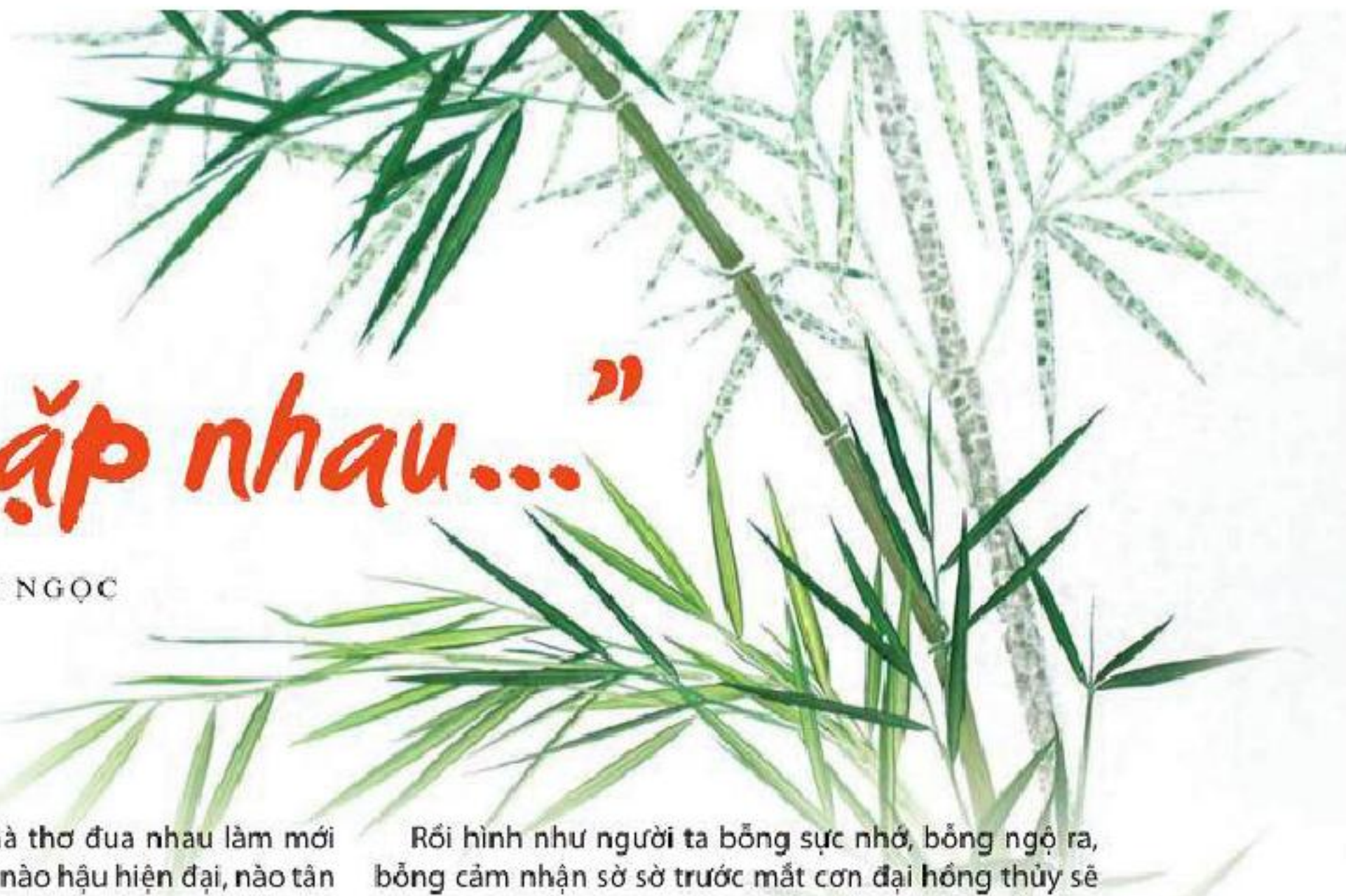


phẩm, đặc biệt là con người. Chưởng hạn, núi chùa Bái Đính nằm cách trung tâm thành phố Ninh Bình 12km, cách cố đô Hoa Lư 5km được xem là khu du lịch tâm linh mới của Việt Nam. Điện Tam Thế có tượng Tam Thế đức bằng đồng, nặng tới 50 tấn; Điện Pháp Chủ với tượng Thích-ca Mâu-ni nặng 100 tấn; hai quả chuông đồng nặng 36 tấn và 27 tấn đồng, cổng Tam quan, hồ Phóng sinh... Xung quanh hai bên lối đi là 500 tượng La hán bằng đá Ninh Vân – Ninh Bình. Ngoài ra, núi Bái Đính cũng là nơi đặt khu tháp mộ sư, bảo tháp 14 tầng, khu bảo tàng Phật giáo Việt Nam, khu thờ Mẫu... Khách có thể nghỉ ngơi trong công viên yên tĩnh nơi trồng nhiều cây dược liệu, cây quý hiếm hoặc dạo thuyền vào thăm khu hang động Tràng An cách chùa không xa, nơi có tới 50 hang động dưới lòng núi đá vôi đã phát lộ. Khu du lịch này rộng 510ha, được xây dựng với nhiều hạng mục lớn, nhưng gần như chỉ chú ý cho du khách văn cảnh.

Là một trong 3 thiền viện vào hàng lớn nhất Việt Nam, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên thuộc xã Đại Đình, huyện Tam Đảo được xây dựng ngay bên cạnh Khu di tích danh thắng Tây Thiên cổ tự. Thiền viện, có diện tích rộng 4,5ha, rừng ngoại vi rộng 50ha, là một công trình mang tầm cỡ quốc gia đã chính thức hoàn thiện và được khánh thành cuối năm 2005, nhưng hàng ngàn Phật tử, du khách trong và ngoài nước hành hương về “cội nguồn Phật giáo Việt Nam” này cũng chỉ để thấp hương khấn Phật và thưởng ngoạn cảnh đẹp rừng núi Tây Thiên hơn là tìm lại chính mình.

Ở phía Nam, du khách có thể đến Thiền viện Bát Nhã tại huyện Bảo Lộc, Lâm Đồng. Đây là nơi thu hút đông khách đến để tu học, gỡ bỏ mọi gánh nặng cuộc sống để tìm về sự bình yên của tâm hồn. Thiền viện tọa lạc giữa mênh mông rừng thông và trà như một đóa sen tinh khiết giữa cao nguyên. Đến đây, trên từng bước đi, trong lòng hướng Phật, thân tâm đắm mình trong thiền lặng giữa một không gian bát ngát thiền ân, du khách sẽ cảm thấy cảnh vật thanh tịnh lạ lùng, chỉ nghe tiếng suối róc rách, thông reo và tiếng chuông thiền ngân nga, vang vọng, lúc ấy bạn sẽ như nghe được tiếng nói nội tâm của chính mình. Đây là một địa chỉ có thể triển khai được du lịch tâm linh.

Mới đây, trên bản đồ du lịch, trên các kênh quảng bá, xúc tiến, người ta đã bắt đầu nhắc đến hình thái du lịch tâm linh. Tuy nhiên, có vẻ về phương diện tổ chức và thiết kế chuyển đi, hình thức du lịch cũng không khác trước bao nhiêu. Được biết gần đây nhất, dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư ATS liên doanh với các đối tác Hoa Kỳ và Trung Quốc đang có tham vọng biến vùng quanh hồ Yên Trung thuộc Yên Tử, Quảng Ninh thành một khu du lịch tâm linh trên một diện tích cả ngàn hecta với dự kiến hoàn thành vào năm 2015. Hy vọng với dự án này, hoạt động du lịch tâm linh ở Việt Nam sẽ có một bước phát triển quan trọng để đánh thức các địa chỉ tâm linh khác trên cả nước. ■



“Còn gặp nhau...”

ĐỖ HỒNG NGỌC

Giữa lúc nhiều nhà thơ đua nhau làm mới thơ, “lạ hóa” thơ, nào hậu hiện đại, nào tân hình thức... thì mấy câu thơ rất đời thường như một sự buột miệng, một tiếng thở dài, một lời tự nhủ của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương có vẻ như... lạc điệu mà bỗng xuất hiện hằng loạt trên lịch, trên thiếp xuân, trên Agenda và cả thư pháp các loại với đủ mọi chất liệu đá, cát, giấy, lụa... không khỏi làm cho ta phải ngạc nhiên! Có chút gì đó trái ngược trong thi phú buổi này chăng?

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui

Chuyện đời như nước chảy hoa trôi

Lợi danh như bóng mây chim nổi

Chỉ có tình thương để lại đời...

(Tôn Nữ Hỷ Khương)

Và cứ thế, “Còn gặp nhau...”, “Còn gặp nhau...” lặp đi lặp lại, những lời tuồn tuột tự đáy lòng, có vẻ gì đó như một giật mình, thảng thốt, bùi ngùi trong những buổi hàn huyên giữa những bạn bè gần xa. Thơ như nói, như chẳng hề có chút đeo gót, dụng công...

- tạm gọi là “thơ nói” - cũng đã có từ xưa xa:

Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn người tới chốn lao xao...

(Nguyễn Bình Khiêm)

Làm sao mà những câu “thơ nói” đó rung động lòng người, khiến người ta giật mình đánh thót, mà ngộ, ai cũng nhớ, cũng thuộc, và mỗi khi có dịp thì lẩm nhẩm: còn gặp nhau, còn gặp nhau...

Thì ra giữa thời buổi trái đất chỉ còn là một hòn bi xanh, một “thế giới phẳng” nhỏ xíu trong lòng bàn tay, mọi chuyện trên trời dưới biển gì cũng mồn một trước mắt, truyền thông đa phương tiện tràn ngập đến không còn chút thông dong, người người vẫn thấy nhau, vẫn “thơ thốt nói cười” với nhau mà hình như chẳng bao giờ *gặp nhau*!

Rồi hình như người ta bỗng sức nhớ, bỗng ngộ ra, bỗng cảm nhận được cái mong manh của đất trời, của thiên hà trong ngàn tỷ thiên hà trời dạt, của kiếp người sương khói trong bối cảnh lạ lùng chiến tranh, dịch bệnh, bão lũ, sóng thần, động đất... triển miên!

Rồi hình như người ta bỗng sức nhớ, bỗng ngộ ra, bỗng cảm nhận sờ sờ trước mắt cơn đại hồng thủy sẽ ập tới vì trái đất nóng lên, con người đua nhau hủy diệt thiên nhiên, môi trường sống của mình, để rồi đâu đâu cũng thấy “*những cảnh sửa sang tâm thường giả dối/ hoa chắm cỏ xén lối phẳng cây trồng*” (Thế Lữ) với dừa giả, cau giả, hoa giả, đối giả, núi giả...!

Thú vị là những câu thơ dung dị đó của Hỷ Khương được nhiều người thuộc lòng, buột miệng nói ra... đến nỗi người viết thiếp cũng viết, in lịch cũng in, đọc đã cũng đọc... mà chẳng cần biết tác giả là ai. Tôi nghĩ chẳng bao lâu nữa nó sẽ trở thành những câu ca dao như “*Trèo lên cây bưởi hái hoa/ Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân...*” bởi thế hệ nào mà chẳng có người trèo lên cây bưởi, thế hệ nào mà chẳng có người kêu lên “Còn gặp nhau...”?

Có lẽ Tôn Nữ Kỳ Khương mang cái gien của phụ thân, cụ Ứng Bình Thúc Giã. Những câu hò “*Chiều chiều trước bến Văn Lâu/ ai ngồi ai câu/ ai sầu ai thảm/ ai thương ai cảm/ ai nhớ ai mong... thuyền ai thấp thoáng bên sông/ đưa cái mái đẩy chạnh lòng nước non...*” nhiều người vẫn thuộc mà vẫn tưởng là một khúc hát dân gian, chẳng nhớ tác giả là ai! Cụ Ứng Bình cũng đã viết nên những câu thơ tưởng như câu nói bình nhật:

Thuở ra sân khấu không làm rộn

Khí hạ vai tuồng ít hổ người!

để nói về một thuở làm quan của mình.

Hay:

Biết đủ dầu không chi cũng đủ/

Nên lui đã có dịp thì lui...

lúc ung dung trở gót.

Do đâu mà những câu thơ của nhiều ngàn năm trước trong *Kinh Thi* vẫn còn làm cho lòng ta xao động? Ấy bởi vì nó nói từ nỗi lòng, “thốn tâm thiên cổ”, nên dù được viết dưới bất cứ dạng ngôn ngữ nào, hình thức nào thì cái hồn của thơ vẫn là cái cảm xúc nhân tình. Chu Hy, ngàn năm trước, viết tựa *Kinh Thi* đã nói: Thơ tại sao mà làm ra? (Thi hà nhi chi tác dã?) Để rồi trả lời: vì nó là tiếng kêu của cõi lòng!

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui!... ■

Như bóng không rời hình

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Thí dụ là một thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ dùng một hình ảnh cụ thể hay một trường hợp điển hình để minh họa cho một vấn đề mới. Trong các thời thuyết giảng của Đức Phật, Ngài luôn có những hình ảnh thí dụ để minh họa cho giáo lý và pháp môn tu tập. Rõ ràng việc sử dụng thủ pháp nghệ thuật này làm cho nội dung thuyết giảng được giải bày cụ thể, trong sáng, súc tích và giúp cho người học đạo nhận thức được vấn đề một cách trực tiếp.

Kinh Pháp Cú, bản kinh Pàli rất phổ biến và được ứng dụng rộng rãi trong đời sống thực tiễn của người Phật tử, có dấu ấn sử dụng thủ pháp nghệ thuật “thí dụ” trong ngôn ngữ. Các thí dụ trình bày trong bản kinh này đều gắn gũi với sự vật, hiện tượng xảy ra, liên hệ

trực tiếp đến đời sống con người. Hay nói cách khác, sức hấp dẫn của bộ kinh này là được trình bày dưới hình thức các bài kệ đơn giản, súc tích, giàu hình ảnh với những thí dụ sinh động, thật mộc mạc, quen thuộc; nhưng khi đọc lên có thể thấy được âm vang toàn bộ giá trị tư tưởng, giáo lý nhà Phật được thể hiện qua những pháp hành cụ thể.

“Như bóng không rời hình, Như xe chân vật kéo, Như cây yếu trước gió, Như núi đá trước gió, như trăng thoát mây che...” là các hình ảnh thí dụ tiêu biểu, vừa có tính hình tượng văn học vừa mang ý nghĩa biểu trưng cho một kết cấu nhân quả - nghiệp báo, nhưng đồng thời cũng là một câu kết rất có giá trị của một trong những bài kệ của *Kinh Pháp Cú*, tạo nên một dấu ấn tâm linh cho người học đạo. Điều đó chứng tỏ, lời dạy của Thế



Tôn trong bản kinh này thật là giản dị, hình như ai cũng hiểu được, nhưng những người có căn trí cao, càng suy ngẫm càng cảm thấy ý tứ thâm trầm. Sau này, các vị bác học đa văn, tuy có diễn giải khá dài về thuyết nhân quả nghiệp báo, nhưng thiết nghĩ không thể nào thay được những lời dạy giản dị đầy ẩn dụ, thí dụ của Đức Phật trong *Kinh Pháp Cú* và một số kinh khác.

Khi thuyết pháp, Đức Phật thường dùng nhiều thí dụ, đúng hơn là những ảnh dụ, bởi vì những thí dụ mà Đức Phật dùng thường gợi lên hình ảnh, có những hình ảnh thật là đẹp và nên thơ, có sức gợi cảm mạnh, như chúng ta sẽ thấy trong các câu kệ trích dẫn trong bài này: “*Ý dẫn đầu các Pháp, Ý làm chủ, ý tạo, Nếu với ý ô nhiễm, Nói lên hay hành động, Khổ nào bước theo sau, Như xe, chân vật kéo*”.

Phật giáo cho rằng, “Con người là chủ nhân ông của nghiệp, là người thừa tự nghiệp”. Nghiệp là hành động tạo tác có tác ý. Do đó, một người làm điều ác hay nói điều ác, là do ở nơi tâm nghĩ ác trước. Vì vậy mà kinh nói “*Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo*”. Ở đây ý chính là tâm. Các pháp chỉ các hành động thiện hay ác. Tất nhiên, từ *pháp* trong đạo Phật có nhiều nghĩa, nhưng ở đây, các pháp chỉ các điều thiện hay ác thể hiện ở lời nói hay hành động. Kinh nói rằng, nếu nói hay làm với tâm ác (tức là tâm ô nhiễm, không trong sạch), thì bị khổ liền tức khắc, cũng như hình ảnh bánh xe lăn theo sát chân con bò kéo vậy. Tất nhiên, có quả khổ xảy ra sau này nữa, nhưng người ta vừa nói ác và làm ác thì lập tức trong tâm bồn khoăn, sợ hãi, còn mọi người thì chê cười... Đó là cái khổ xảy ra hiện tiền. Trái lại, nếu nói

lời lành, làm điều lành với tâm thiện lành, thì có ngay niềm vui, niềm an lạc, cũng như bóng không bao giờ rời hình: “Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng không rời hình” (Kệ 2).

Cũng như cha ông ta nói “gieo gió thì gặt bão, ở hiền thì gặp lành”, đó qui luật nhân quả thuộc phạm trù đạo đức. Cho nên, hễ ai có thái độ sống bất thiện, phóng túng không kiểm soát thân tâm, thì sẽ thiếu tự tin khi đối diện những vấn đề nan giải, có nguy cơ bị đọa lạc, sụp đổ, chẳng khác nào cây yếu sẽ bị đổ trước gió: “Ai sống nhìn tịnh tướng, Không hộ trì các căn, Ẩn uổng thiếu tiết độ, Biếng nhác, chẳng tinh cần, Ma uy hiếp kẻ ấy, Như cây yếu trước gió” (Kệ 7). Trái lại, đối với người có lối sống thiện lành thì sẽ an trú trong thế giới an lạc, vững vàng trước mọi thử thách, tự tin đi vào đời, chẳng khác nào hình ảnh kiên cố của núi đá trước gió: “Ai sống quán bất tịnh, Khéo hộ trì các căn, Ẩn uổng có tiết độ, Có lòng tin, tinh cần, Ma không uy hiếp được, Như núi đá trước gió” (Kệ 8).

Tịnh tướng là thế giới đầy đủ màu sắc của cuộc sống. Con người có thẩm thức, có khả năng cảm nhận cái đẹp; khi bước ra khỏi vòng hệ lụy khát ái và chấp thủ, khiếu thẩm mỹ ấy làm phong phú thêm cho sự an lạc; nếu không thì dẫn đến kết quả khổ đau. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, một người có thái độ sống phóng dật, buông lung, lười biếng, không có lòng tin ở lẽ phải, ở điều thiện, ở các bậc Thánh và những lời dạy của các bậc Thánh, không biết tri túc thì dễ bị dục vọng thấp hèn lôi cuốn, sai khiến. *Kinh Pháp Cú* dùng từ *ma* để chỉ những dục vọng thấp hèn, chứ không phải chỉ ma quỷ.

Trái lại, người có trí biết rèn luyện tâm mình, khiến cho tâm luôn luôn nghĩ điều lành, không nghĩ điều ác, nhờ vậy, lời nói cũng như việc làm cũng điều thiện lành. Con người khéo tu tâm như vậy, *Kinh Pháp Cú* ví với mái nhà khéo lợp, nước mưa không thấm vào được. Đối với tâm khéo tu tập, những dục vọng thấp hèn xấu xa cũng không chi phối được: “Như ngôi nhà khéo lợp, Mưa không xâm nhập vào, Cũng vậy, tâm khéo tu, Tham dục không xâm nhập” (Kệ 14).

Rõ ràng các thí dụ Đức Phật dùng để thuyết pháp vừa nêu, một mặt nó khái niệm được vấn đề, một mặt gợi cho người học một ảnh tượng cụ thể, minh họa cho thế giới thực tại đang diễn ra hết sức sinh động, nó tùy thuộc vào kết quả vận hành của tâm. Một tâm thức trong sáng, tinh tấn hành thiện, tích lũy việc thiện, người đó chắc chắn sẽ được an lạc. Thế nên, trong cuộc sống, nếu có kẻ ngu tìm cách hại người hiền thiện, thì kẻ ngu đó xử sự không khác gì đứng ngược gió mà tung bụi, bụi sẽ làm bẩn mặt kẻ ngu, chứ không thể làm bẩn người hiền thiện: “Hại người không ác tâm, Người thanh tịnh không uế, Tội ác đến kẻ ngu, Như ngược gió tung bụi” (Kệ 125).

Kẻ ác làm điều ác rồi, tưởng có thể cao chạy xa bay, nhưng *Kinh Pháp Cú* nói rõ, kẻ ác làm điều ác, mà không quyết tâm sửa chữa thì dù có trốn trên trời hay dưới biển, cũng không tránh được quả báo ác sẽ đến với mình: “Không

trên trời dưới biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên trời, Trốn được quả ác nghiệp” (Kệ 127).

Luật nhân quả là khách quan, nhưng không phải là máy móc. Trong sách Phật, có khái niệm chuyển nghiệp. Bằng những hành động thiện tạo ra thường xuyên và mạnh mẽ, chúng ta có thể hạn chế, tiến tới triệt tiêu những nghiệp nhân bất thiện được tạo ra từ trước. Vì vậy, mà *Kinh Pháp Cú* nói: “Ai sống trước buông lung, Sau sống không phóng dật, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che” (Kệ 172) và “Ai dùng các hạnh lành, Làm xóa mờ nghiệp ác, Chói sáng rực đời này, Như trăng thoát mây che” (Kệ 173).

“Trăng thoát mây che” là thí dụ đặc trưng của thủ pháp nghệ thuật này, nó cũng là một hình ảnh đẹp để giải trình cho một kết cấu nhân quả khách quan trong triết lý nhân sinh, cũng như trong đời sống thực tại. Điều đáng nói khi Phật sử dụng thủ pháp nghệ thuật thí dụ để diễn đạt chân lý thì chân lý càng hiển lộ nhiều hơn. Trường hợp Angulimala - một tên cướp khét tiếng giết người là một thí dụ điển hình, ông là người được Phật giác ngộ và cho xuất gia. Sau đó, Angulimala không những trở thành một tu sĩ hiền và từ bi, mà còn chứng quả A-la-hán. Điều đó có nghĩa một người phạm trọng tội, nếu biết bỏ ác theo lành cũng chứng đắc quả vị, hưởng hỷ là những người bình thường. Có thể nói, đối với đạo Phật, cửa giác ngộ và giải thoát mở rộng cho mọi người, không phân biệt người thiện hay kẻ ác, thậm chí kẻ rất ác, miễn là người đó thật thà cải tà, quy chánh, bỏ ác, làm lành. Cho nên nói “biển khổ vô biên, quay đầu là bờ” là vậy.

Thế nên, trong đời sống hiện thực đầy biến động này, con người dễ dàng dao động và hệ lụy với thế giới hình tướng mỹ miều bên ngoài. Nếu không may thiếu sự tỉnh thức mà bị lầm lạc, hay bị đọa lạc bởi những hành động bất thiện thì không nên chán nản, thất vọng. Tâm lành, hành động lành có công năng chuyển hóa và tiêu hủy các tội lỗi mà chúng ta không lường hết được. Điều đó giúp cho ta có một sức mạnh nội tại và khẳng định lòng tin tín của mình trong cuộc hành trình tìm về cội rễ giải thoát. Giải thoát và giác ngộ chính là sự nghiệp của mỗi người, không ai làm thay ai được cả.

Đến đây, như bóng theo hình, như trăng thoát mây che... trong các câu kệ trong *Kinh Pháp Cú* không chỉ là các thí dụ văn học Phật giáo mang tính điển hình, đầy giá trị thẩm mỹ, chuyển tải nội dung thông điệp đạo lý nhân quả - nghiệp báo khách quan nữa mà thực sự trở thành pháp hành cụ thể cho mỗi người. Thiết nghĩ, nếu chưa từng đọc, bạn hãy bắt đầu đọc kinh, nếu đã đọc rồi, chắc sẽ như tôi càng đọc càng thấm thía, càng đọc và suy ngẫm, tâm càng trở nên yên tĩnh trong sáng. Rõ ràng, lời Phật dạy là lời bao giờ cũng có giá trị, văn hay, ý đẹp và thâm trầm, mà khi bạn đọc hằng ngày; càng đọc càng thấy hay, và nếu thực hành lại càng thấy hay vô cùng, lợi lạc vô cùng trong đời sống thực nghiệm tâm linh. ■



Ghi chép và suy nghĩ về

Nguồn gốc giống nòi và tình tự dân tộc

HÀ THỨC HOAN

Vào những ngày cuối tháng Tư năm nay, lễ giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức với nghi thức có phần đổi mới so với những năm về trước. Sáng ngày 19 tháng 4, tại đền thờ Lạc Long Quân tọa lạc trên núi Sim thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng (Phú Thọ) đã diễn ra lễ giỗ Quốc tổ Lạc Long Quân. Đây là năm đầu tiên lễ giỗ Quốc tổ Lạc Long Quân trở thành nghi lễ chính thức trong Lễ hội Đền Hùng. Sáng ngày 22 tháng 4, tại TP.HCM, nhiều gia đình đã treo cờ trong khi chính quyền khai mạc lễ giỗ Tổ Hùng Vương với chủ đề "Phương Nam hướng về đất Tổ". Đây cũng là lần đầu tiên người Sài Gòn treo

Quốc kỳ trong ngày lễ giỗ Tổ, và treo cờ cho đến ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5, để bày tỏ lòng tưởng nhớ và biết ơn Quốc tổ Lạc Long Quân cùng các anh hùng dân tộc đã có công dựng nước và giữ nước.

Chuyện cổ kể rằng hơn hai ngàn năm trước Tây lịch, Kinh Dương Vương làm vua ở phương Nam, lấy con gái chúa Động Đình mà sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi vua, xưng là Lạc Long Quân, rồi lấy con gái vua Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra một bọc gồm trăm trứng, trăm trứng nở thành một trăm người con. Một hôm Long Quân nói với Âu Cơ: "Ta thuộc dòng giống rồng, nàng là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được.

Nay đã được một trăm con, nàng hãy đem năm mươi đứa lên núi, ta đem năm mươi đứa xuống biển". Riêng người con trưởng được Long Quân cho làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu, lập nên họ Hồng Bàng với 18 đời vua¹.

Theo đúng truyền thuyết này, đồng thời để làm rõ ý nghĩa cụm từ "con Rồng cháu Tiên", Lễ hội Đền Hùng năm nay có thêm nghi thức chính là lễ giỗ Quốc tổ Lạc Long Quân ở đền thờ trên núi Sim như đã nói trên.

Chuyện cha rồng Long Quân kết duyên với mẹ tiên Âu Cơ để sinh trăm con là một huyền thoại. Huyền thoại không cần phải đúng sự thật, nhưng ý nghĩa của huyền thoại thì luôn luôn có thật. Điều mà chúng ta phải quan tâm tìm hiểu khi đọc truyện thần thoại, nghe sự tích con Rồng cháu Tiên, chính là cái ý nghĩa có thực ấy.

Chỉ tiết một bọc sinh trăm trứng muốn nói rằng tuy là trăm nhưng vẫn là một. Muôn triệu người Việt đều từ một bào thai của mẹ Âu Cơ mà sinh ra. Người Việt gọi những công dân của đất nước mình là "đồng bào" để nói lên ý nghĩa đó. Năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển có nghĩa là dù ở trên núi cao hay dưới biển sâu, dù ở nơi thôn dã yên tĩnh hay chốn thị thành náo nhiệt, dù lên tới đỉnh vinh quang hay đang mang thân phận thấp hèn của kẻ sa cơ thất thế, tất cả người Việt Nam đều là một phần máu thịt của mẹ Việt Nam. Dù có ở nơi góc biển chân trời thì dòng máu Việt vẫn chảy trong huyết quản người Việt, làm cho những người Việt Nam xa xứ không khi nào người khuấy nổi niềm thương nhớ và quý trọng giống nòi.

Người Á Đông quan niệm rồng là biểu tượng của người anh hùng. Khi chưa gặp thời, người anh hùng sống mai danh ẩn tích như con rồng ngủ yên dưới ba đào của đại hải. Khi thời cơ đã đến, người anh hùng có tài kinh bang tế thế vẫy vùng ngang dọc như cá gặp nước, như rồng gặp mây. Tiên là biểu trưng của cái đẹp lý tưởng. Trong tâm thức người Việt, nàng tiên ở cảnh bóng lai có nét diễm kiều không tàn phai theo với thời gian. Tự nhận là con Rồng cháu Tiên, người Việt Nam đã thể hiện lòng tự tin và nỗi tự hào khi giải thích nguồn gốc của dân tộc mình: Sự kết hợp giữa trai tài và gái sắc đã tạo nên dân tộc Việt.

Nỗi tự hào này cần thiết để trải qua lịch sử ngàn năm, dân tộc Việt Nam có đủ niềm tin và sức mạnh mà đối đầu với tham vọng chiếm cứ và đồng hóa của nhiều kẻ thù văn minh và giàu mạnh hơn mình...

Vào những ngày cuối tháng Tư này, khác với nhiều năm trước, các bài viết kỷ niệm ngày toàn thắng 30



Đền Hùng tại Tp.HCM

tháng 4 trên nhật báo *Tuổi Trẻ* cũng có nét mới với nội dung đề cao tình tự dân tộc.

Trong *Hai câu chuyện của người chính ủy*, tác giả Thu Uyên thuật lại việc đại tá Đinh Hữu Tấn, nguyên là chủ nhiệm chính trị trung đoàn 48 (E48), sau khi đánh chiếm Cheo Reo (Phú Bổn) vào tối ngày 19-3-75, đã đáp lại lời van xin khẩn thiết của "một người còn mặc nguyên bộ đồ lính cộng hòa" có vợ sắp sanh, bằng cách

tìm y tá và phân công chiến sĩ bảo vệ để y tá yên tâm giúp đỡ sản phụ sinh con đầu lòng. Sáng sớm ngày 21-3, người lính cộng hòa này quay lại tìm ông Tấn để cảm ơn và xin phép đặt tên con là Nguyễn Giải Phóng. Sau khi làm chủ Cheo Reo, nghe báo cáo có nhiều trẻ em bị lạc cha mẹ trong cảnh mùa khô nắng gắt, nước uống hiếm hoi đến mức một bi đồng đổi được một chỉ vàng, ông Tấn ra lệnh lập tức tập trung trẻ lạc dọc đường và trong rừng núi, đưa các em ra mặt đường để trung đoàn cử xe đi đón. Đến chiều tối, hai xe GMC đẩy những đứa trẻ lạc được đưa về thị xã Cheo Reo giao cho Ama Thương, người từ hôm sau thay ông Tấn làm trưởng ban quân quản².

Ở bài báo có tiêu đề *Đứa con nuôi của đại tá*, tác giả Thu Uyên viết tiếp: "Trong số những đứa trẻ được đồng đội ông đưa về Cheo Reo chiều hôm đó có một cậu bé khôi ngô, một tay cầm hai phong lương khô của bộ đội cho, tay kia cầm túi ni lông đựng 300 đồng bạc chế độ cũ. Chú bé rất lễ phép, xưng con, bảo tên là Phước, cha là sĩ quan quân đội Sài Gòn chết do đạn pháo, còn mẹ chết do xe lấn...". Thấy cháu Phước không chịu ở lại với những đứa trẻ cùng cảnh ngộ để được bộ phận dân sự chăm sóc mà nhất thiết đòi lên xe nhà binh để lên đường cùng với các anh bộ đội, đại tá Tấn – vị sĩ quan rong ruổi theo trận mạc từ thời kháng chiến chống Pháp, đã 40 tuổi mà thời gian chung sống với vợ con chỉ được mấy chục ngày – đã nhận Phước làm con nuôi, mang em theo trên đường hành quân về Tuy Hòa rồi sau đó quay trở lại Buôn Ma Thuột. Bị phê bình là "Mất lập trường. Chính ủy mà đi nuôi con kẻ thù!", ông đại tá có tâm từ bi không phân biệt thù bạn đã trả lời: "Nó 6 – 7 tuổi, con nít như con mình"³.

Tác giả Thu Uyên còn viết thêm một bài báo thứ ba, bài *Con chúng ta máu đỏ da vàng*, kể chuyện ngày 28-3-75 người lính văn công Nguyễn Ngọc Trường cùng đồng đội đi bộ xuôi đường 7 về tới xã Cà Lúi, đầu huyện Sơn Hòa. Nghe tiếng khóc yếu ớt của một đứa trẻ, lấn vào bụi tranh cách đường 3-4m thì thấy một bé gái chừng ba tuổi đã kiệt sức, ông Trường đã ôm ngay lấy cháu bé, lấy bọc dù đỡ nó nằm ngang trên vai. Ông

nói: “Người tôi phía trước là súng đạn, phía sau là ba lô, giờ thêm một đứa bé. Chính tôi không còn thời gian để nghĩ nó là con ai, con cách mạng hay phía bên kia, chỉ biết nó là đứa trẻ máu đỏ da vàng đang gặp hiểm nguy và cần cứu sống”⁴.

Trong bài *Ký ức ngày giải phóng*, các tác giả Võ Thành và Hà Phương viết: “Có một câu chuyện mà mãi đến tận 35 năm sau thiếu tướng Mai Năng mới kể lại cho chúng tôi nghe bên giường bệnh. Một lần, sau khi giải phóng một mục tiêu trong quần đảo Trường Sa, chỉ huy trưởng Mai Năng đã gặp và hỏi những binh sĩ Sài Gòn về lý do họ quyết định đấu hàng dù trước đó đã có sự chống trả. Câu trả lời thật sự khiến ông bất ngờ: Sau khi đã nhận biết đối phương qua giọng nói thì chúng tôi bình tĩnh hơn, vì lực lượng giải phóng đảo là quân đội miền Bắc, đều là đất nước Việt Nam cả”⁵.

Chính vì lẽ anh lính giải phóng ở miền Bắc và anh lính cộng hòa ở miền Nam đều là “máu đỏ da vàng”, đều là con dân của “đất nước Việt Nam cả”, cho nên những người lính chiến cộng hòa vô danh cách đây 35 năm ở Trường Sa đã tự giác, tự nguyện buông súng đầu hàng. Nếu “nhận biết đối phương qua giọng nói” không phải là ngôn ngữ của dân tộc, chắc chắn những binh sĩ Sài Gòn năm xưa ấy đã tiếp tục chiến đấu và chiến đấu đến viên đạn cuối cùng để bảo vệ biển đảo quê hương... Quả thật hành động của những người lính cộng hòa ở đây không có gì là “bất ngờ”, chẳng có gì là khó hiểu. Đó là một cách thực hành bài học về tình dân tộc, về nghĩa đồng bào mà các anh đã được học lý thuyết từ khi còn mài đũng quần trên ghế nhà trường:

*“Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau...”*

Không phải chỉ riêng người lính chiến vô danh của của miền Nam mà một vị tướng có danh tiếng của miền Nam thuở ấy là Dương Văn Minh cũng đã thấm vào máu thịt bài học về tình dân tộc và nghĩa đồng bào. Cho nên, sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, theo tiếng gọi của tâm tử bi, ông đại tướng Phật tử đã có nhiều phen thử thách qua trận mạc mà vẫn giữ được tình tự dân tộc đã ra lệnh cho đồng đội buông súng. Để cho Sài Gòn gần như được nguyên vẹn trong ngày đất nước thống nhất. Để cho dòng máu đỏ của những người con da vàng của Quốc phụ Long Quân và Quốc mẫu Âu Cơ ngừng chảy trong ngày Việt Nam có hòa bình⁶...

Có phải vì tình tự dân tộc ấy mà nhà giáo – nhà văn Trần Kiêm Đoàn, một cựu huynh trưởng của Gia đình Phật tử Huế, dù đã thành đạt ở xứ người và đã định cư ở nước ngoài gần 30 năm, nhưng hồn vẫn mãi hoài vương vấn “*ngõ Huế xưa*”, còn lòng thì không nguôi khuây mong ước “*Ta về ta tắm ao ta / Dù trong dù đục...*”? Có phải vì tình tự dân tộc ấy mà ngày xưa, ở trên còi tiên, mỗi lần nghe vang vọng từ trần gian tiếng gà gáy vào buổi sáng, tiếng chài cá trên sông vào buổi chiều, hai chàng Lưu Nguyễn đã nhớ nhà và cuối

cùng phải giã từ thiên thai với những nàng tiên để tìm đường trở về quê cũ?

Như một dòng sông chảy đến đâu thì thích ứng với địa thế ở đó và ôm giữ vào lòng cảnh vật ở hai bên bờ, Phật giáo đã du nhập đất nước Việt Nam, hòa đồng với Nho giáo và Lão giáo đã trở thành sức mạnh tinh thần của dân tộc Việt. Phật tử chúng ta đều biết nhờ tin Phật mà các vua đời Lý đã xây dựng đất nước thái bình thịnh trị, nhờ thực hành chánh pháp mà các vua triều đại nhà Trần đã kiến thiết quốc gia hùng cường đã ba lần chiến thắng giặc Nguyên Mông là đạo quân có sức mạnh vô địch những khi tung vó ngựa chinh phục châu Á và một phần châu Âu. Trải qua những thăng trầm trong các đời nhà Lê và nhà Nguyễn, Phật giáo được chấn hưng vào giữa thế kỷ XX và lý tưởng phụng sự dân tộc – đạo pháp trở thành định hướng hành động của hàng triệu Phật tử Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua. Ngàn năm trước Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc, ngàn năm sau Phật giáo vẫn gắn bó thủy chung với dân tộc, cho dù phải liên tục làm nạn nhân của những thế lực phi dân tộc và phản dân tộc ở trong và ngoài nước...

Chú thích:

1. Nhiều chi tiết nêu ra ở đây được trích dẫn theo Trần Trọng Kim (*Việt Nam sử lược*, quyển 1, TTHL xb, Sài Gòn, 1971, tr. 11 – 13)

2. Nhật báo *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 26 – 4, tr. 10 – 11.

3. Nhật báo *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 27 – 4, tr. 10 – 11.

4. Nhật báo *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 28 – 4, tr. 10 – 11.

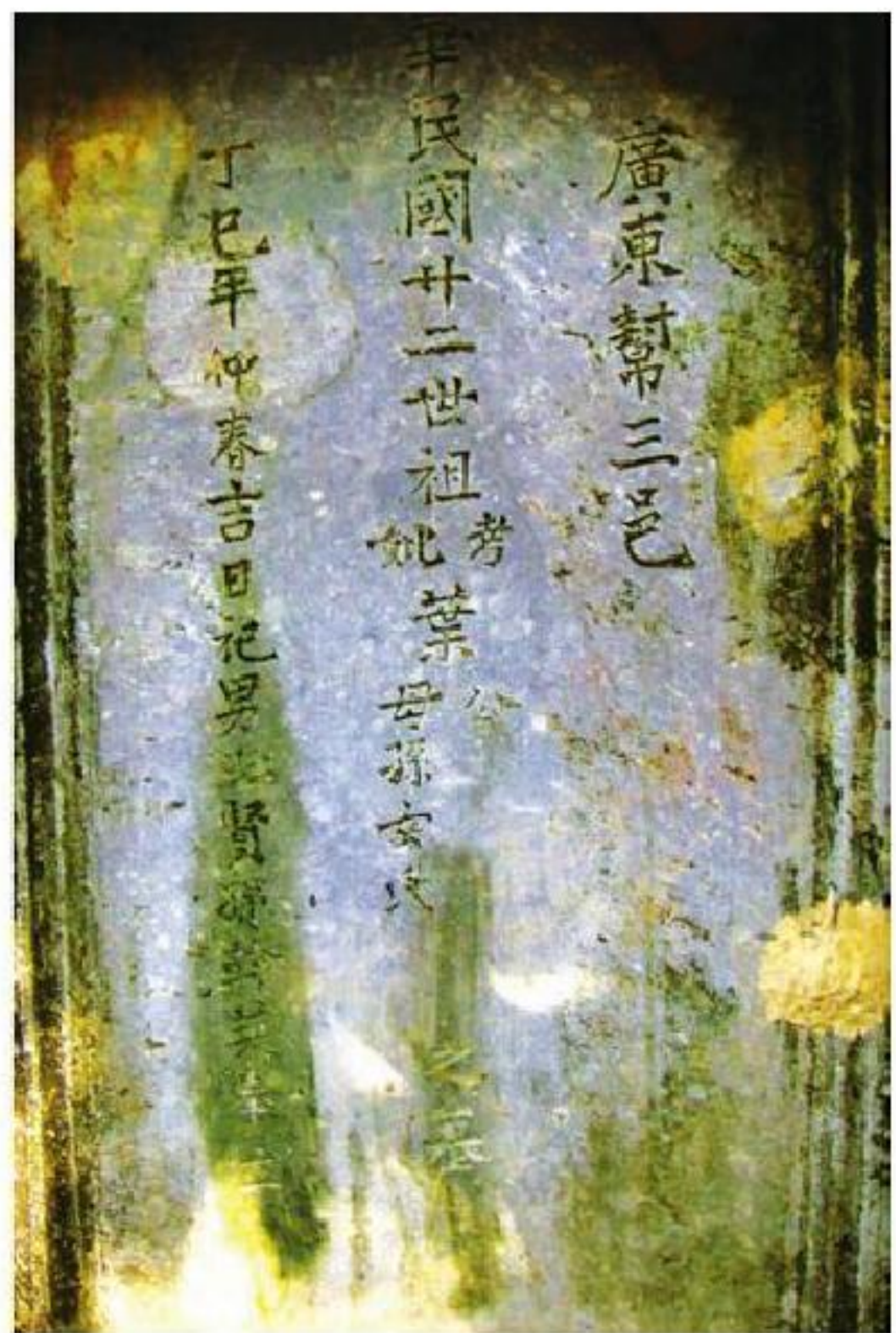
5. Nhật báo *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 24 – 4, tr. 10 – 11.

6. Sáng 30-4, gia đình chúng tôi vừa đến tạm trú tại một ngôi nhà ở cuối đường Nguyễn Minh Chiêu (nay là Nguyễn Trọng Tuyển) được mấy hôm. Trong khi nhiều tiếng súng nổ nghe rất lớn và rất gần ở phía sau nhà thì một chiếc xe jeep chở sĩ quan dù dừng lại ở trước nhà, còn trên tầng một của những nhà lầu ở bên kia đường đã xuất hiện nhiều lính dù đang chuẩn bị chiến đấu! Vậy là ngôi nhà gia đình chúng tôi đang nung nấu đã ở giữa một chiến trận! Vì không có phương tiện di chuyển và cũng chẳng biết di chuyển về đâu, cả gia đình chỉ còn biết ẩn núp dưới một cái cầu thang và cầu xin sự cứu độ nhiệm mầu của chư Phật. Và giây phút mầu nhiệm đã đến. Đó là lúc tướng Minh “lớn” ra lệnh cho lính cộng hòa ngừng bắn!

7. Xin độc giả chớ vội dùng tinh thần duy lý khách quan để phê phán tổ tiên đã thiến cận, cố chấp và “mất vệ sinh” khi truyền khẩu câu thơ dân gian này. Hãy đọc lại lịch sử nước nhà để tìm thấy ở đây cái bí quyết tồn tại của của một dân tộc có lịch sử ngàn năm thường trực đối đầu với sự xâm lăng của những kẻ thù có ưu thế hơn mình nhiều lần về quân sự, kinh tế, văn hóa, v.v. Và lại, nếu “*ao ta*” là quê mẹ thì lẽ nào ta không nhớ quê vì quê ta còn nghèo, không yêu mẹ vì mẹ ta già nua xấu xí? ■



Bia do ông Diệp Kinh Đường lập.



Bia do con cháu lập, ghi theo lối người Hoa.

Bàn thêm về “TỔ KHAI SƠN” chùa Thiên Minh – HUẾ

TRẦN ĐÌNH SƠN

Nghỉ lễ Lao động, các anh Trần Tuấn Mẫn, Châu Văn Thuận và tôi hẹn gặp nhau hàn huyên chuyện mây nước ở quán cà-phê Vườn Xuân. Chia tay, anh Mẫn cho tôi số báo Văn Hóa Phật Giáo 104 (1-5-2010) dẫn về xem kỹ bài “Cung chiêm tháp mộ ngài khai sơn chùa Thiên Minh” của tác giả Trần Viết Điển, và góp ý về thắc mắc do tác giả nêu ra.

Qua bài nghiên cứu, người đọc thấy tác giả với thiện ý đã bỏ công sức, thời gian tìm hiểu về người sáng lập chùa Thiên Minh, bà Sa-d-ni Hưởng Thiện được khắc bia dựng ở tháp mộ là “Khai sơn Thiên Minh tự”. Từ đó, nêu ra thắc mắc về tiêu chí “khai sơn” và việc Tăng chúng truy tôn ngài Quảng Huệ làm Tổ khai sơn của chùa Thiên Minh. Chúng tôi nhận thấy phần đọc bia của tác giả có đôi chỗ nhầm lẫn cho nên phần dịch nghĩa cũng chưa xác đáng.

Chúng tôi xin mạn phép các bậc tôn đức, chư thiện tri thức trình bày ý kiến nhằm góp thêm tư liệu về ngôi chùa nổi tiếng hiện nay tại cố đô Huế và hy vọng giải đáp được thắc mắc rất chính đáng của tác giả Trần Viết Điển.

Khoảng đầu thế kỷ XX, bà Công Tôn Nữ Hưởng Thiện, trưởng nữ của công tử Nguyễn Phước Hồng Vinh (Phòng Phú Bình công Miên Áo) kết duyên với ông Diệp Kinh Đường, một Hoa kiều giàu có, nguyên quán ở Tam Ấp – Quảng Đông, thường gọi là bà Lạc Xam.

Bà rất sùng mộ đạo Phật, mua một sở nhà bên trái đường lên Nam Giao, gần các Tổ đình Báo Quốc, Từ Đàm để thuận tiện tu tập tại gia. Sau đó bà phát tâm thọ Sa-di giới nên sửa sang nhà thành ngôi chùa Thiên Minh (cải gia vi tự), sinh hoạt thờ tự có tính cách gia tộc.

Năm 1917, bà mệnh chung được gia đình an táng gần viên tẩm ngài Phú Bình công. Con, cháu bà dựng bia ghi theo thể thức của người Hoa. Âm: “Trung Hoa

Dân Quốc – Tráp nhị thể Tổ Tĩ Khảo (Hàng giữa) – Diệp - mẫu Tôn nữ thị (bên trái) – công (bên phải)...chỉ mộ”.

Lạc khoản: “Quảng Đông bang, Tam ấp” (bên trái).

“Đinh Tĩ niên, trọng xuân, cát nhật – **Tự nam** Ngọc Hiến, **tôn** Cán Anh phụng lập” (bên phải).

Dịch nghĩa: “Trung Hoa Dân Quốc – Họ Diệp đời thứ hai mươi hai - Phần mộ của mẹ, Bà Tôn nữ thị – cha, Ông... (chưa khắc tên). [Đây là kiểu mộ song táng, nhưng cụ ông chưa mất nên chưa ghi tên]

Lạc khoản: “Bang Quảng Đông – Tam Ấp”

“Con trai Ngọc Hiến, cháu nội Cán Anh thành kính lập bia mộ vào ngày tốt, tháng hai năm Đinh Tĩ – 1917”¹.

Đến năm 1923, gia đình xây tháp cho bà gần bia trước mặt tháp ghi rõ hơn:

Âm: “Hoàng triều Phú Bình công phủ – Công Tôn nữ đệ nhất nương, khai sơn Thiên Minh Tự, Sa-di ni giới **hiệu** Hường Thiện pháp danh Trùng Giáp chi tháp”. (ở giữa).

Lạc khoản: “- Khải Định bát niên, ngũ nguyệt cát nhật” (Bên phải).

- “Thiên Minh tự chủ **Diệp** Kinh Đường phụng lập” (Bên trái).

Chúng tôi nghĩ do bia lâu ngày đã mờ nên tác giả Trần Viết Điển đọc nhầm chữ Diệp thành chữ Thiển – Diệp Kinh Đường là tên của phu quân bà Hường Thiện, bia này do ông lập.

Nghĩa: “Tháp của bà thọ giới Sa-di ni, hiệu Hường Thiện, pháp danh Trùng Giáp kiến tạo chùa Thiên Minh. Con gái đầu, Công Tôn nữ thị thuộc phủ Phú Bình công của Hoàng Triều (Nguyễn)”.

Lạc khoản: “Triều vua Khải Định – ngày tốt tháng 5, năm thứ 8 (1923).

– “Chủ chùa Thiên Minh, Diệp Kinh Đường kính lập”.

Để giải thích thuật ngữ khai sơn, chúng tôi căn cứ Phật điển: “Khai sơn, vốn chỉ cho việc khai sáng chùa viện. Thời xưa các chùa viện thường được xây cất ở những nơi rừng núi tĩnh mịch, cho nên khai quang rừng núi để kiến thiết chùa viện gọi là khai sơn. Vị trú trì đời thứ nhất của chùa viện cũng được tôn xưng là Khai sơn.

Khai sơn lại có: Khuyến thỉnh khai sơn và Sáng kiến khai sơn.

Sáng kiến khai sơn là tự khai sáng chùa viện và làm trú trì. Còn Khuyến thỉnh khai sơn là tự mình đứng ra sáng lập chùa viện rồi thỉnh vị Tăng có đức về làm trú trì.

Ngoài ra người sáng lập một tông phái cũng gọi là Khai sơn, Khai tổ, Khai sơn tổ, Khai sơn Tổ sư. (Xem Phật Tổ Thống Kỳ. Quyển 14).

Như vậy, căn cứ vào tiêu chí trên thì bà Hường Thiện tuy sáng lập ra chùa Thiên Minh nhưng chỉ là một Sa-di-ni chưa thọ đại giới (cụ túc giới), không thể giữ chức vụ trú trì một ngôi chùa để “thuyết pháp, an chúng và tu tạo” (Theo *Thiền lâm tượng khí*, quyển 7). Bà chỉ là chủ một ngôi chùa riêng, có tính cách gia đình, không có sự truyền thừa đúng theo quy củ thiền gia, nên không thể tôn xưng là “Sáng kiến khai sơn”. Trong lúc

sanh tiền, bà cũng chưa thỉnh một vị Tăng nào giới đức đầy đủ về làm trú trì để hoàng dương Phật pháp, tiếp chúng độ Tăng, truyền thừa pháp phái lâu dài, nên cũng không thể xưng là “Khuyến thỉnh khai sơn”.

Sau khi bà mất 13 năm (1917-1930), Thiên Minh vẫn là cảnh chùa nhỏ riêng tư, không có Tăng chúng đúng pháp, chỉ sinh hoạt nội bộ gia tộc và số ít người quen biết lui tới, theo hình thức một “phổ”.

Năm 1930, những người thừa kế của bà mới chính thức cúng chùa cho môn phái Tây Thiên (bà có pháp danh Trùng Giáp), cung thỉnh Đại sư Quảng Huệ (1903-1950) về làm trú trì đầu tiên của chùa. Ngài là bậc danh tăng đương thời, hết lòng phục vụ Giáo hội trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo. Không những được các bậc tôn túc trong môn quý trọng, ngài còn được giới trí thức, văn nghệ sĩ thời đó cảm phục lui tới đàm đạo, học hỏi như Phan Văn Hùm, Vũ Ngọc Phan, Lưu Trọng Lư, Thanh Tịnh... khiến cho Thiên Minh nhanh chóng trở thành một địa chỉ văn hóa tại kinh đô Huế. Đúng như người xưa nhận định:

“Sơn bất tại cao, hữu Tiên tắc danh,

Thủy bất tại thâm, hữu Long tắc linh”².

Năm 1949, sau khi Sư tổ Giác Bốn viên tịch, Giáo hội và Trưởng lão Hòa thượng Giác Nguyên, trưởng pháp phái Tây Thiên quyết định công cử Đại sư Quảng Huệ vào chức vị trú trì Tổ đình Từ Quang kiêm nhiếp Thiên Minh.

Ngày mồng 8 tháng 5, Canh Dần (1950), Ngài hết nhân duyên, xả báo thân viên tịch tại Thiên Minh. Đệ tử nối pháp là Đại sư Mãn Giác (Huyền Không), cũng là bậc danh tăng Việt Nam.

Một số chùa xưa ở Huế, ban đầu do các nhà quyền quý tạo lập riêng cho gia đình thuận tiện việc cúng bái cầu nguyện. Về sau hiểu rõ Phật pháp, họ thường dâng cúng cho các tổ đình, xin thỉnh chư Tăng về trú trì để y chỉ tu tập đúng theo chánh pháp. Tiêu biểu như chùa Trúc Lâm, nguyên do bà Tỳ-kheo-ni Diên Trường tạo lập, nhưng sinh thời bà quyết định cúng cho Tổ Tây Thiên rồi cầu thỉnh Hòa thượng Giác Tiên nhận chức vị trú trì đầu tiên. Đương nhiên sau khi ngài viên tịch, Tăng chúng suy tôn làm “Tổ khai sơn Trúc Lâm tự”. Đây cũng là trường hợp của khá nhiều chùa ở Huế như: Chùa Phò Quang, chùa Diệu Hỷ, chùa Vạn Phước, chùa Long Quang, chùa Bửu Vân... Như vậy, việc Hòa thượng trú trì và Tăng chúng chùa Thiên Minh niệm tưởng công đức của ngài Quảng Huệ để truy tôn làm “Tổ khai sơn” của chùa Thiên Minh là việc làm chính đáng, hợp giới pháp, đúng theo truyền thống Phật giáo vậy.

Ghi chú:

1. Bia này ghi theo truyền thống người Hoa, hơi khác với thể thức người Việt.

Ở đây bên phải, bên trái lấy theo vị trí người đọc, từ ngoài nhìn vào.

2. Núi không phải vì cao, nổi tiếng vì có Tiên.

Nước không phải do sâu, linh thiêng vì có Rồng. ■

Người lắng nghe đá lên trong mình

THẢO VY

*Người tìm về đầu non
Nhưng rừng đã bỏ hoang
Rối người bỗng hết buồn
Đã hết buồn*

Người lắng nghe đá lên trong mình
(Trịnh Công Sơn - Dư mục)

1. Đa số các bạn trẻ 8X, 9X khi nghe nói đến chữ “quy y” thì thường không hiểu ý nghĩa của nó. Những người có một chút hiểu biết về từ Hán-Việt thì thường cho đó là một “danh từ chuyên môn” của Phật giáo. “Quy y” được hiểu là “quy y của Phật”, “quy y Tam bảo”, nghĩa là mang đặc tính Phật giáo. Những người không phải Phật tử thì cho rằng mình không phải quy y. Họ đâu biết rằng quy y là hành động thường ngày của họ.

2. Theo gốc nghĩa từ Hán-Việt, “quy” có nghĩa là quay về, “y” có nghĩa là nương tựa. Nói theo nghĩa bình dân thì “y” có nghĩa là “dựa dẫm”. Sự quy y nghĩa là *sự quay về nương tựa*. Sự nương tựa (hay nói ngắn là sự dựa) vào một đối tượng là sự lấy đối tượng đó để thỏa mãn một nhu cầu hay làm căn cứ hoặc chuẩn mực cho suy nghĩ và hành động. Trong đời sống bình thường, do giới hạn của các hiểu biết và năng lực, nên con người bắt buộc phải nương tựa vào người khác hay dựa vào các hiểu biết (mà biểu hiện đỉnh cao của nó là các lý thuyết, chủ nghĩa) để suy nghĩ và hành động. Cái được nương tựa đó có thể gọi là các căn cứ. Căn cứ này có thể là *căn cứ riêng biệt tạm thời* hay là *căn cứ gốc* cho hành vi. Các căn cứ gốc về lý thuyết có thể gọi là *nhân sinh quan, thế giới quan hay lập trường, quan điểm*. Vậy thì “quy y” mang một ý nghĩa rộng rãi, không phải chỉ các Phật tử mới có.

3. Một người tìm chỗ nương tựa vì có *nhu cầu* và có *lòng tin* rằng các căn cứ mình dựa vào sẽ đáp ứng được các nhu cầu đó. Một doanh nhân đi đến Bà Chúa Kho để cầu buôn may bán đắt vì có nhu cầu kiếm lãi và có lòng tin rằng Bà Chúa Kho có thể giúp doanh nhân đó thỏa mãn nhu cầu này. Bà Chúa Kho là một chỗ “quy y”

của doanh nhân đó. Một cặp vợ chồng hiếm muộn đến Phủ Tây Hồ vì có nhu cầu sinh con và có lòng tin rằng việc cầu tự ở Phủ Tây Hồ là có hiệu quả. Các vị được thờ cúng ở Phủ Tây Hồ là chỗ “quy y” của cặp vợ chồng này.

4. Nhiều thanh niên thế hệ 8X, những người đang tràn đầy nhựa sống, cho rằng mục đích đời mình là kiếm được nhiều tiền. Họ “quy y” vào tiền bạc với quan niệm “có tiền mua tiên cũng được”. Có tiền cũng chỉ để có cảm giác hạnh phúc. Tuy nhiên, có tiền cũng không thể mua được một gia đình đầm ấm, con cái ngoan hiền. Vì thế, sự “quy y” vào tiền bạc không phải là sự nương tựa đúng đắn. Có những người khác nương tựa vào quyền lực, sự ảnh hưởng đến người khác tạo ra cảm giác thỏa mãn, hạnh phúc. Tuy nhiên quyền lực ấy cũng chỉ có hiệu lực trong cuộc đời này và không giúp gì cho người ấy khi đau bệnh và chết.

5. Thông thường thì có 3 căn cứ gốc để “quy y” bao gồm: 1/ người sáng lập chủ thuyết, 2/ chủ thuyết và 3/ cộng đồng theo chủ thuyết đó. Một người bệnh lao phổi sẽ “quy y” (quay về nương tựa) bác sĩ (tựa như người sáng lập chủ thuyết), thuốc (giống như chủ thuyết) và sự điều dưỡng của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch (cộng đồng theo chủ thuyết đó) để chữa bệnh. Điều quan trọng lúc đó là sự tin tưởng vào bác sĩ, tuân thủ các phác đồ điều trị của bệnh viện. Trong các ví dụ này, có thể thấy rõ vai trò của ba căn cứ gốc. Nếu bác sĩ kém, việc chữa bệnh sẽ kém. Nếu thuốc không tốt, việc chữa bệnh cũng kém. Cuối cùng nếu điều dưỡng kém, kết quả có thể vẫn kém cho dù bác sĩ và thuốc tốt. Vì thế, cần phải xem xét cả ba căn cứ làm chỗ dựa cho suy nghĩ và hành động.

6. Người sắp chết đuối cũng phải “quy y”. Họ dựa vào đâu? Họ dựa vào 1/ thuyền trưởng đội cứu hộ (người lập thuyết), 2/ tàu cứu hộ (chủ thuyết), 3/ đội cứu hộ (cộng đồng tin theo chủ thuyết đó). Có nhiều quan điểm biện hộ cho sự khiếm khuyết của các căn cứ “quy

y". Theo các biện hộ đó, một chủ thuyết tốt (thuyết tốt) có thể được một người có những khiếm khuyết về đạo đức (thuyết trưởng tội) lập nên. Hay một chủ thuyết tốt (thuyết tốt) trong khi cộng đồng theo chủ thuyết đó có những hành vi không tốt (đội cứu hộ tội). Vì thế mới có những quan điểm biện hộ cho lý thuyết rằng: "lý thuyết là đúng (thuyết tốt), chỉ có cách thực hiện là sai (đội cứu hộ tội)".

7. Nếu chữa bệnh mà "quy y" sai thì rất nguy hiểm. Bình luận về điều ấy, Đức Phật giảng: *Ai khuyến khích chấp nhận một chủ thuyết được thuyết giảng vụng về, này các Tỷ-kheo, thời người khuyến khích cũng như người tuân hành, tất cả đều đem lại nhiều vô phước. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng vụng về. Ai khuyến khích chấp nhận một chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo, này các Tỷ-kheo, thời người khuyến khích cũng như người tuân hành, tất cả đều đem lại nhiều phước đức. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo.*

Trong một chủ thuyết được thuyết giảng vụng về, này các Tỷ-kheo, người tinh cần tinh tấn sống đau khổ. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng vụng về. Trong một chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo, này các Tỷ-kheo, người biếng nhác sống đau khổ. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo.

Trong một chủ thuyết được thuyết giảng vụng về, này các Tỷ-kheo, ai sống biếng nhác, người ấy sống sung sướng an lành. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng vụng về. Trong một chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo, này các Tỷ-kheo, ai sống tinh cần tinh tấn, người ấy sống sung sướng an lành. Vì có sao? Vì chủ thuyết được thuyết giảng khéo léo".

8. Sự thuyết giảng [được xác định là] vụng về nếu nó có tiến để vụng về, triển khai vụng về hay kết quả vụng về. Giả sử có một vị bác sĩ tốt bụng, nhưng do hạn chế trình độ nên chọn cách điều trị sai. Có hai bệnh nhân cùng tham gia điều trị. Một bệnh nhân hết lòng tin tưởng bác sĩ, tin tưởng vào phương thuốc điều trị, mong mỏi được hết bệnh nên chấp hành nghiêm chỉnh, uống thuốc đầy đủ, kết quả là bệnh không khỏi, lại bị thuốc công phạt. Đó chính là "trong một chủ thuyết được thuyết giảng vụng về, này các Tỷ-kheo, người tinh cần tinh tấn sống đau khổ". Bệnh nhân kia, không tin tưởng bác sĩ cho lắm, lại không tin tưởng vào phương thuốc điều trị, phần nào cũng... làm biếng nên chẳng chịu uống thuốc, vì thế không bị thuốc công phạt. Đó chính là "trong một chủ thuyết được thuyết giảng vụng về, này các Tỷ-kheo, ai sống biếng nhác, người ấy sống sung sướng an lành".

9. Người đang "quy y" giống như người dựa vào một bức tường. Bỗng nhiên tường bị đổ, người "quy y" kia sẽ rơi vào trạng thái "không còn điểm tựa" hay "không trọng lượng". Trong văn chương, chuyện "mất điểm tựa" vẫn thường thấy. Kim Dung tiên sinh có kể lại một chuyện ly kỳ trong trường thiên tiểu thuyết *Thiên Long*



Ảnh: Trần Thanh Vỹ.

Bát Bộ. Tiêu Viễn Sơn bị Mộ Dung Bác lập mưu giết vợ con mình. Suốt mấy chục năm sau đó, chỗ "quy y" của Tiêu Viễn Sơn là việc báo thù những người đã lập mưu thâm sát gia đình ông. Ông lấy đó làm ý nghĩa cuộc đời mình. Khi Mộ Dung Bác đột nhiên bị chết (lâm sàng), chỗ "quy y" của Tiêu Viễn Sơn đột ngột mất đi. Ông rơi vào trạng thái "mất điểm tựa" và đã tự tử.

10. Trong thời hiện đại, cũng có doanh nhân đem hết sức mình để xây dựng một khu nghỉ dưỡng. Anh mong ước được góp phần vào việc nâng cao trình độ và đời sống của người lao động. Anh muốn họ được thụ hưởng những tiện ích mà người dân các nước giàu có đang được hưởng. Anh đem cả sức lực và tài sản mình để hoàn thành công việc. Công việc là điểm tựa cho đời sống của anh. Đó là chỗ anh "quy y". Rồi đột nhiên anh phát hiện ra mình bị ung thư và bị khủng hoảng tinh thần vì nỗi lo sinh tử. Trong thời điểm khó khăn này, anh sẽ "quay về nương tựa" vào điều gì?

11. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn cũng tìm nơi "quy y". Ông "tìm về đầu non", những tường có thể tìm ra nơi dung thân yên ổn. "Đầu non", còn gọi là "đỉnh cô phong", đã là nơi đỉnh chóp của ngọn núi, nơi ông ở một mình mà ngẫm nghĩ sự đời, vui với rừng cây, theo cách của Nguyễn Bình Khiêm "ta đại ta tìm nơi vắng vẻ". Tuy nhiên mọi thứ trên đời này có sinh ra, tồn tại và tan rã. Nương tựa vào đâu rồi cũng phải... chấm dứt. Khi đó, con người ta sẽ mất chỗ "quy y". Nhạc sĩ muốn "đội ngọn cô phong" nhưng chợt phát hiện ra rằng "rừng đã bỏ hoang". Vì thế mà ông cũng chẳng biết "quy y" vào đâu. Cuối cùng, dường như ông đã tự mình làm hòn đá tảng cho mình để thành nơi nương tựa.

Rồi người bỗng hết buồn

Đã hết buồn

Người lặng nghe đá lên trong mình. ■



Chuyện hai người

đi buôn

TẤN NGHĨA

Thưở xưa, trong nước Kà-si, tại thành Ba-la-nại, có vị vua tên là Bramadatta. Khi ấy Bồ-tát được sanh trong một gia đình thương gia làm chủ đoàn lữ hành, và tiếp tục lớn lên, đi chỗ này chỗ kia buôn bán với năm trăm cỗ xe, khi thì đi từ Đông qua Tây, khi thì đi từ Tây qua Đông. Tại thành Ba-la-nại có một chủ đoàn lữ hành khác còn trẻ và ngu si, không giỏi tùy cơ ứng biến.

Lúc bấy giờ, sau khi chất đầy năm trăm cỗ xe với hàng hóa có giá trị lớn, Bồ-tát sẵn sàng lên đường. Người chủ đoàn lữ hành trẻ và ngu kia cũng chất đầy hàng hóa tương tự trên năm trăm cỗ xe khác, sẵn sàng lên đường. Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu người chủ đoàn lữ hành ngu si và trẻ này đi với ta, với một ngàn cỗ xe, cùng đi một lần trên

con đường, thì con đường sẽ không thể chịu nổi; thật sẽ khó tìm được củi, nước cho đoàn người, và cỏ cho các con bò. Hoặc là nó, hoặc là ta phải đi trước".

Ngài nhắn tin mời người ấy đến, trình bày sự việc và nói:

- Hai chúng ta không thể đi cùng một lần được. Vậy bạn sẽ đi trước hay đi sau?

Kẻ ấy suy nghĩ: "Nếu ta đi trước, sẽ có nhiều lợi ích. Ta sẽ đi con đường chưa bị hư phá; các con bò sẽ ăn cỏ chưa bị động chạm; còn các người nhà ta sẽ hái được các ngọn lá nấu cà-ri chưa bị động chạm, nước được trong lặng; và sau cùng định giá bán theo sở thích, ta sẽ bán các hàng hóa".

Nghĩ vậy, kẻ ấy nói:

- Nay bạn, tôi sẽ đi trước.

Còn Bồ-tát thấy đi sau có nhiều lợi ích vì ngài lý luận

như vậy: “Những người đi trước sẽ san bằng con đường chưa được san bằng. Ta sẽ đi con đường đã được họ đi qua. Các con bò của họ sẽ ăn cỏ đã chín đã cứng, còn các con bò của ta sẽ ăn cỏ mới mọc và ngọt; người của ta sẽ tìm được các lá ngọt nấu cà-ri mới mọc tại chỗ lá đã được hái đi. Tại chỗ không có nước họ phải đào để lấy nước, chúng ta sẽ uống nước trong các giếng đã được đào lên. Việc định giá giống như sát hại mạng sống con người, ta đi sau sẽ bán theo giá thông thường đã quy định”.

Khi thấy những lợi ích như vậy, Bồ-tát nói:

- Này bạn, bạn hãy đi trước.

(Tiền thân Apannaka, Jataka số 1)

Theo các suy nghĩ phổ biến trong nhiều người, đạo Phật là đạo “tu hành, diệt dục, xuất thế gian” và làm các công việc thế tục như kinh doanh là phải thủ đoạn, tính toán, đi ngược với việc “tu hành”. Chỉ mới trong thời gian gần đây, các tư tưởng Phật giáo mới được áp dụng trong giới kinh doanh. Ít người biết rằng, các vấn đề về kinh doanh được bàn tới rất nhiều trong các kinh điển Phật giáo. Đoạn văn nói trên trong Jataka số 1 đã đề cập đến vài suy nghĩ trong kinh doanh và trong cuộc sống.

Khi Bồ-tát mời người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi đến, ngài đã cho vị trẻ tuổi này quyền chọn lựa đi trước hoặc đi sau: *“Hai chúng ta không thể đi cùng một lần được. Vậy bạn sẽ đi trước hay đi sau?”*. Điều này rất khác lạ so với nhiều quan điểm của một số doanh nhân hiện nay. Thương trường được ví với chiến trường. Dĩ nhiên, trên chiến trường thì kinh nghiệm hay được nói tới là “tiên hạ thủ vi cường”, nghĩa là “thời cơ cần phải chớp lấy trước các đối thủ cạnh tranh”. Sách dạy kinh doanh cũng nói tới quan điểm “win-win”, nghĩa là cả hai cùng thắng. Tuy nhiên “cả hai” đây có nghĩa là “ta và đối tác của ta”, chứ ít khi (hoặc chưa thấy) nghe thấy ý nghĩa “ta và đối thủ cạnh tranh của ta”. Trường hợp như Bồ-tát và vị trẻ tuổi có thể diễn tiến như thế nào trong thời đại ngày nay? Nếu cạnh tranh là “lành mạnh”, hai đoàn sẽ bắt thăm xem ai đi trước. Nếu không có thỏa thuận gì thì sắp xếp khởi hành càng sớm càng tốt, cố gắng trước đoàn kia. Nếu cạnh tranh không lành mạnh thì một đoàn sẽ tìm cách ngăn cản đoàn kia bằng cách hủy hoại tài sản, phương tiện vận chuyển của họ.

Hành động của Bồ-tát không chỉ đơn thuần là “lòng tốt”. Theo nguyên lý nhân quả, muốn có kết quả là người khác giúp mình thì mình phải gieo nhân bằng cách giúp nhiều người. Vì thế, khi cho vị trẻ tuổi chọn lựa, Bồ-tát đã gieo một cái nhân tốt mà quả của nó ở tương lai sẽ là được nhiều người giúp đỡ. Có người sẽ lập luận rằng: “Việc nhường quyền chọn này sẽ làm cho Bồ-tát bất lợi”. Theo luật nhân quả, hành vi tốt sẽ đem lại kết quả tốt, hành vi xấu sẽ đem lại kết quả xấu. Vì thế nếu cho rằng việc “nhường quyền chọn” (hành vi tốt) đem lại bất lợi (kết quả xấu) thì lập luận này là một suy nghĩ phủ định luật nhân quả. Người suy nghĩ phủ định luật nhân quả như vậy, trong tương lai sẽ

phải sinh sống trong một môi trường mà trong đó mọi người hay có các hành động vi phạm luật.

Nếu Bồ-tát gặp một điều bất lợi trong chuyến đi buôn này, giải thích theo luật nhân quả, thì đó không phải là hậu quả của việc nhường quyền chọn này mà là do những hành vi xấu của Bồ-tát trong quá khứ. Cũng vậy, nếu một doanh nhân dùng một thủ đoạn để kiếm được lợi nhuận thì cần phải phân định rõ: 1/ Thủ đoạn: gieo một cái nhân sẽ gây hậu quả xấu trong tương lai, 2/ Kiếm được lợi nhuận: đó là quả, có được do những hành vi tốt trong quá khứ, không phải do các thủ đoạn trên. Có những người cũng có những thủ đoạn như vậy nhưng lại bị thất bại, tù đầy, nghĩa là không kiếm được lợi nhuận.

Sau khi người chủ đoàn lữ hành trẻ tuổi chọn đi trước, chúng ta có thể thấy một loạt các suy nghĩ của Bồ-tát. Thông thường, khi gặp phải một tình huống mới, người ta thường hay nghĩ tới những điều bất lợi của tình huống và, sau đó, buồn phiền, lo lắng. Đó là khuynh hướng suy nghĩ tiêu cực. Cũng theo quan niệm thông thường, nhiều người cho rằng đạo Phật là “yếm thế”. Các suy nghĩ này đều là các suy nghĩ hời hợt. Trong Phật học, các suy nghĩ được nhấn mạnh là phải tích cực. Chúng ta thấy, khi gặp tình huống khởi hành sau, Bồ-tát suy nghĩ đến những điều tích cực của tình huống này. Đây là một trong các đặc điểm quan trọng của lối suy nghĩ mà Phật học hướng dẫn chúng ta. Đức Phật giảng rõ về lối suy nghĩ này:

Nếu một người kết nối với một khía cạnh của sự vật hiện tượng làm phát sinh các suy nghĩ truy cập đến các điều sai xấu liên hệ với ham muốn, liên hệ với tức giận, liên hệ với ngu muội; thì, này các Tỷ-kheo, người ấy cần phải kết nối với các khía cạnh khác không phải khía cạnh ban đầu. Nhờ cách kết nối đó, các truy cập xấu ác đi đến chỗ diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng mà hoạt động của các thành phần của cái biết đi đến chỗ trú ngụ an ổn, trong sáng và tập trung. Ví như một người thợ mộc lành nghề hay học trò của người ấy dùng một cái nệm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nệm khác.

(Kinh An trú tám, Trung Bộ 1, tr. 270)

Đoạn suy nghĩ của Bồ-tát cũng làm rõ quan điểm của Phật học về vấn đề kinh doanh. Làm sao vừa kinh doanh vừa giữ được tinh thần từ bi, trí tuệ. Kinh doanh là để kiếm lợi nhuận. Vì để kiếm lợi nhuận, việc định giá trên thị trường “giống như sát hại mạng sống con người”. Vậy các Phật tử phải làm sao trong môi trường khắc nghiệt này? Nếu định giá rẻ thì sẽ bị cộng đồng doanh nhân lên án là “bán phá giá”. Nếu bán giá cao thì lại bị lỗi “sát hại mạng sống”. Vậy thì, câu chuyện đưa ra lời giải đáp: *“Ta đi sau sẽ bán theo giá thông thường đã quy định”*. Nếu bán theo giá thông thường thì có gì là tử tế? Cái tử tế nằm ở chỗ chất lượng hàng hóa phải tốt, dịch vụ hậu mãi phải tốt, cung cách phục vụ phải tốt. Nói khác đi, các dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cho hàng hóa phải được thực hiện hoàn hảo. ■

Chữ tâm

trong chữa bệnh

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Một người bề ngoài trông có vẻ khỏe mạnh với vóc dáng hấp dẫn, diện mạo phương phi nhưng nếu trong lòng có điều phiền muộn, bất ổn về tâm lý thì không thể xem là có sức khỏe toàn diện. Và yếu tố tâm lý luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì, bảo vệ sức khỏe.

HIỆU ỨNG PLACEBO

Trong quyển sách "Nơi không có bác sĩ" (*Where there is no doctor*), ở ta dịch và xuất bản với tựa đề: "Chăm sóc sức khỏe", bác sĩ David Werner, tác giả cuốn sách, đã kể lại một trường hợp: "Có lần tôi thấy một bệnh nhân nhức đầu dữ dội. Một phụ nữ đưa cho anh ta miếng khoai mài và bảo rằng đây là thuốc giảm đau rất mạnh. Anh ta tin lời, đã ăn nó và kết quả là khỏi đau nhanh chóng". Ở đây, yếu tố tâm lý của người bệnh đã được tác động để

phát huy tác dụng tích cực của nó. Khi người bệnh được cho dùng một chất nào đó không phải là thuốc, nhưng nếu người đó có sự tin tưởng tuyệt đối đó là thuốc thật, dùng chất đó và khỏi bệnh thì hiện tượng đó được gọi là "hiệu ứng placebo". Trong chừng mực nào đó, có thể ghi nhận hiệu ứng placebo để giải thích những vụ việc liên quan đến việc chữa bệnh "kỳ lạ" mà nhiều người cho rằng khoa học khó có thể giải thích được. Đó là việc dùng nước lạnh, bùa chú, hay bất cứ thứ nào không phải là thuốc, nói chung là dùng những phương tiện, phương cách không theo y học chính thống, nhưng có sự tin tưởng của người bệnh vào tác dụng của chúng, vẫn có thể chữa được bệnh.

"Placebo" có nguyên nghĩa là "tôi làm vui lòng", ý nói bác sĩ sẽ tác động đến yếu tố tâm lý của người bệnh, tạo cho họ sự phấn khởi, tin tưởng để mau hết bệnh. Trong quá trình điều trị bệnh, thấy thuốc thường khai thác tối đa yếu tố tâm lý để giúp quá trình bệnh diễn tiến tốt. Bác sĩ có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình, giải thích rõ ràng căn cứ, sẽ giúp cho bệnh nhân ổn định về mặt tâm lý và giúp việc điều trị bằng thuốc hoặc bằng phương thức trị liệu nào đó đạt kết quả nhanh và tốt hơn. Không hiếm trường hợp đã xảy ra chỉ vì một lời nói của bác sĩ mà làm cho bệnh của bệnh nhân nặng hơn hoặc giảm đi rõ rệt. Có một số phương thức điều trị không dùng thuốc mà dựa hẳn vào yếu tố tâm lý như thôi miên, tự kỷ ám thị, thiền định... để ổn định tâm lý.

Nếu stress đã được chứng minh là có thể làm giảm sức đề kháng của cơ thể thì ngược lại, những biện pháp giúp ổn định tâm lý, gây sáng khoái về mặt tinh thần sẽ giúp nâng cao sức đề kháng của cơ thể để chống lại bệnh tật. Người ta ghi nhận các rối loạn liên quan đến triệu chứng cơ năng (như bệnh suy nhược thần kinh) rất dễ chữa khỏi bằng các biện pháp tác động đến yếu tố tâm lý. Tuy nhiên, ta cần xem việc chữa bệnh bằng yếu tố tâm lý chỉ



là biện pháp hỗ trợ, chứ không thể thay thế cho tất cả các phương thức trị liệu của nền y học chính thống.

Trong quá trình điều trị bệnh, bác sĩ điều trị có thể cho một thứ thuốc để khai thác hiệu năng placebo, thí dụ, bệnh nhân bị rối loạn không cần dùng đến thuốc nhưng lại có tâm lý không thể cưỡng là phải được dùng thuốc, bác sĩ có thể cho dùng vitamin để khai thác tác dụng tích cực của yếu tố tâm lý. Và thuốc trong trường hợp này là chất không có tác dụng chữa bệnh thực sự, được gọi là placebo (ở ta, thường được dịch là “giả dược” hoặc “thuốc vờ”). Người bệnh dùng placebo do tin tưởng đó là thuốc chữa bệnh thật và có thể khỏi bệnh.

ỨNG DỤNG TRONG NGÀNH DƯỢC

Đối với ngành dược, các dược sĩ có thể tác động đến yếu tố tâm lý trong việc dùng thuốc. Ở nhà thuốc, khi tiếp xúc với người bệnh đến mua thuốc, lời hướng dẫn tư vấn dùng thuốc tận tình, thân ái của dược sĩ có thể khơi dậy niềm tin ở người bệnh vào tác dụng chữa bệnh của thuốc. Còn ở các công ty dược phẩm sản xuất thuốc, các dược sĩ không chỉ quan tâm đến việc bảo đảm chất lượng thuốc mà còn chú ý hoàn thiện những chi tiết tác động đến tâm lý của người dùng thuốc. Thuốc được chứa trong bao bì trình bày đẹp mắt, sáng sủa bao giờ cũng dễ tạo mối thiện cảm, làm người dùng thuốc có ấn tượng thuốc được sản xuất trong điều kiện tốt nhất. Dạng thuốc bào chế tiện sử dụng, bảo quản được lâu, được áp dụng kỹ thuật bào chế hiện đại sẽ có tính thuyết phục: “dùng thuốc như thế sẽ mau hết bệnh”.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu để tìm ra và sản xuất một thuốc mới, người ta phải loại bỏ hoàn toàn yếu tố tâm lý trong các giai đoạn thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc. Bởi vì, theo định nghĩa, thuốc là những chất có tác dụng thực sự dùng để điều trị, phòng bệnh và chẩn đoán bệnh. “*Có tác dụng*” nghĩa là thuốc có tác dụng vật chất vào cơ thể sau khi được bài tiết để đạt hiệu quả chữa bệnh, phòng bệnh, chẩn đoán, chứ không phải chỉ dựa vào tin tưởng nào đó mà khỏi bệnh.

Khi nghiên cứu tác dụng của một thuốc mới, để loại trừ yếu tố tâm lý, người ta thường sử dụng *phương pháp mù đôi* (double blind study).

PHƯƠNG PHÁP MÙ ĐÔI

Trong phương pháp mù đôi, những người bệnh tham gia nghiên cứu được chia làm hai nhóm ngẫu nhiên và giống nhau ở một số đặc điểm (như tuổi tác, điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm lâm sàng, có khi là giới tính...). Một nhóm sẽ được điều trị bằng thuốc cần được thử nghiệm trong nghiên cứu, nhóm thứ hai được điều trị bằng placebo có hình dạng, kích cỡ, màu sắc, mùi vị giống như thuốc thật. Thuốc mới thử nghiệm chỉ được đánh giá là có tác dụng thật sự khi nhóm một có tỷ lệ tính theo thống kê là khỏi bệnh, trong khi nhóm hai có tỷ lệ được xem là không khỏi bệnh. Gọi là “*mù đôi*”

vì cả người bệnh lẫn bác sĩ chỉ định thuốc và theo dõi điều trị không biết thuốc nào là thuốc thật, thuốc nào là placebo (người bệnh nhóm hai không được cho biết là dùng placebo, cứ đinh ninh là dùng thuốc thật). Cần loại bỏ yếu tố tâm lý của cả bệnh nhân dùng thuốc lẫn bác sĩ chỉ định thuốc thì việc nghiên cứu về tác dụng của thuốc mới thật khách quan.

Trước khi có phương pháp mù đôi, người ta dùng phương pháp mù đơn, không loại trừ yếu tố tâm lý của bác sĩ, bác sĩ biết thuốc nào là thuốc thật và thuốc nào là placebo. Như vậy chỉ cần nhận định của bác sĩ bị ảnh hưởng bởi tâm lý là có thể làm sai lệch kết quả nghiên cứu. Tác giả Wolf đã kể lại một ví dụ như sau: “Một viện bào chế được phẩm nghiên cứu cho ra đời một thuốc trị hen suyễn. Đến giai đoạn thử nghiệm lâm sàng có nhờ một vị bác sĩ chủ trì thử nghiệm mù đơn xem hiệu quả của thuốc. Bác sĩ đã cho nhận xét: Thuốc thật cho kết quả rất tốt trong khi placebo không có hiệu quả. Nhưng sau đó, viện bào chế thông báo là đã có sự nhầm lẫn, hai thứ thuốc được cung cấp cho bác sĩ đều là thuốc thật. Chính sự tin tưởng của bác sĩ đối với thuốc thật và sự nghi ngờ đối với placebo đã làm ông ta có thiên kiến và đi đến nhận xét như trên!”.

Để loại trừ tâm lý của thầy thuốc trong việc đánh giá tác dụng của thuốc, ngày nay người ta dùng phương pháp thử nghiệm “*mù đôi, ngẫu nhiên và có kiểm soát*”. Gần đây, ta thường nghe bác sĩ, dược sĩ chỉ tin cậy thông tin từ “*y học thực chứng*” (evidence-based medicine, viết tắt EBM), tức là các bác sĩ, dược sĩ chỉ tin dùng các thuốc đã chứng minh tác dụng hiệu quả thực sự khi đã trải qua các thử nghiệm lâm sàng đúng quy cách khoa học và được thông tin từ y văn đáng tin cậy.

Đối với thầy thuốc, rất cần xem người bệnh là tập hợp không chỉ gồm các yếu tố lý hóa và sinh học mà cả yếu tố tâm lý xã hội (tức phải xem người bệnh bao gồm cả cái thân và cái tâm). Riêng yếu tố tâm lý nhiều khi rất quan trọng cần tác động vào để có những lợi ích trong điều trị nhưng cũng có lúc phải loại bỏ hoàn toàn để chứng minh tác dụng thực sự của thuốc hoặc một phương thức điều trị.

Những điều trình bày ở trên nhằm cho thấy vai trò của yếu tố tâm lý trong chữa bệnh. Với cái nhìn rộng hơn, quán sát sâu sắc hơn, yếu tố tâm lý vừa kể có thể được xem là một phần của *cái tâm* (thức tâm) của thầy thuốc và người bệnh hay chăng? Cái tâm ấy là gì? Có phải đó là toàn bộ ý thức và cả vô thức đầy hỷ nộ ái ố, xen lẫn tốt và xấu của cuộc đời con người? Rõ ràng là thầy thuốc chỉ có thể lắng nghe để thấu hiểu được nỗi khổ của người bệnh khi cái tâm của họ rỗng rang vắng lặng hoàn toàn, hầu toàn tâm toàn ý chăm sóc chữa trị cho người bệnh. Cần nhận thức người bệnh không chỉ đang “*rèm*” cái thân vì bệnh mà còn “*loạn*” cái tâm vì hoạn để thầy thuốc vừa chữa bệnh cái thân vừa ổn định cái tâm cho con người đang khổ kia. ■

Đã tìm ra tư liệu về Phật Triết

“Người Lâm Ấp sang Nhật Bản” vào thế kỷ VIII

VINH SÍNH

Lời nói đầu: Mùa hè năm 1988, chúng tôi được mời nói chuyện ở trường Vạn Hạnh. Trưa hôm ấy trời đang nắng ráo bỗng mây đen kịt tự dưng kéo đến, bầu trời tối sầm lại; trong khoảnh khắc một trận mưa như trút nước đổ xuống Sài thành. Người đi nghe vội vã bước vào sảnh đường, có người còn mặc cả áo mưa khiến căn phòng trở nên chật ních. Lúc nói chuyện, chúng tôi cố gắng nói thật lớn để át tiếng mưa. Sau buổi nói chuyện, Hòa thượng Thích Minh Châu đến thăm hỏi chúng tôi có nhắc đến chuyện một người Lâm Ấp sang Nhật Bản đã đóng góp về âm nhạc vào thời cổ đại. “Nhờ anh khi nào có dịp thì kiếm giùm nghe!”. Giọng Hòa thượng chân thành, hồn nhiên và vui vẻ.

Câu chuyện ngỡ đã đi vào quên lãng. Lời dặn dò của Hòa thượng thì chúng tôi chẳng khi nào dám quên. Khổ nỗi, đi Nhật Bản thì thường xuyên, mà tư liệu thì thật tình chúng tôi không biết phải tìm manh mối từ đâu – nước Lâm Ấp ngày xưa ấy biết tìm đâu bây giờ?

Ấy vậy mà vào tháng 3 năm 2005, tình cờ chúng tôi kiếm ra được người Lâm Ấp ấy! Sau đó, vào năm 2006, tôi có viết một bài về chuyện này¹. Mặc dầu cách trình bày những tư liệu trong bài ấy không có vấn đề gì, nhưng việc thêm vào những tài liệu mới có và việc diễn dịch các tài liệu ấy cùng với việc cập nhật hóa bài viết, đã thúc giục tôi viết lại bài này.

Trong giờ phút này (tháng 4/2010), chúng tôi vẫn còn nhớ cảnh sảnh đường hơn 20 năm về trước với bao khuôn mặt thân thương, và nụ cười vô cùng đôn hậu của Hòa thượng. Chúng tôi mạo muội viết mấy hàng này trước để kính trình Hòa thượng.

Chùa Đại An hiện nay



Phật Triết 仏哲 sinh trưởng ở Lâm Ấp 林邑, sang Nhật Bản từ năm 736 với cao tăng người Ấn Độ là Bồ Đề Tiên Na (菩提仙那 Bodhisena, 704-760); chữ "Tiên" này có thể viết là 僊.

Ít nhất, Phật Triết ở Nhật Bản cho đến năm 752 vì ông đã dự lễ Pháp hội và nghe tấu vũ nhạc trong buổi đại lễ âm nhạc lịch sử tại chùa Tōdaiji (Đông Đại tự) mà trong buổi đại lễ đó Bồ Đề Tiên Na là *Kaiganshi* (開眼師 *Khai nhân sư*, dùng chữ ngày nay tức là *Người điều khiển chương trình* (Master-of-ceremonies)). Chúng ta nói Phật Triết "ít nhất ở Nhật Bản cho đến năm 752" vì biết chắc chắn là ông có dự Pháp hội và nghe tấu vũ nhạc năm đó, nhưng có lẽ Phật Triết đã ở Nhật Bản lâu hơn thế nữa.

Nước Lâm Ấp thuộc vùng đất miền Trung Việt Nam bây giờ. Đời Tấn gọi là nước Lâm Ấp 林邑, qua đời Hán gọi là huyện Tượng Lâm 象林, đến đời Hậu Hán thì độc lập hẳn từ Trung Hoa. Từ đời Đường trở về sau, người ta thường gọi là Chăm-pa. Lâm Ấp có nhiều trầm và đóng vai trò mậu dịch trung gian giữa Ấn Độ và Trung Hoa². Từ khoảng năm 758³, cho đến những năm 850, nước Lâm Ấp đổi thành Hoàn Vương, một cái tên mới rất đời xa lạ (Phan Rang ngày nay), nằm về phía Nam; sau những năm 850, Hoàn Vương lại đổi thành Chiêm Thành. Vì những bia mộ sau thế kỷ IV thường được viết bằng chữ Phạn (*Sanskrit*), chúng ta có thể phỏng đoán tiếng Lâm Ấp bắt đầu được Ấn hóa từ lúc đó.

Phật Triết là nhân vật sống vào một thời đại xa xưa trên một đất nước không còn tồn tại nữa. Tuy vậy, chúng ta cũng biết chắc chắn rằng từng mảnh đất luống rau của đất nước đó đã biến thành một phần của non nước Việt Nam ngày nay. Con cháu của Phật Triết đi đâu, nếu không ở ngay trên chỗ chôn nhau cắt rốn của mình với những địa danh mới, và cái tên cuối cùng đó chính là Việt Nam.

Ngược lại ở Nhật Bản, thời đại Nara (710-794) cũng chính là cao điểm những nỗ lực của người Nhật hầu thu thập các mô chế chính trị, văn hóa (chữ viết dưới dạng chữ *Man'yōgana*, hoặc thi ca, lịch sử v.v.) và kinh tế, ngô hầu bắt kịp với Trung Hoa. Những trang viết về tiểu sử của Phật Triết chính là những trang lịch sử cổ nhất về Lâm Ấp mà Nhật Bản còn có hiện nay.

Trong bài này, chúng ta thử dựa vào tiểu sử của Phật Triết do *Mochizuki Bukkyō Daijiten* (Mochizuki Phật giáo Đại từ điển) và *Bukkyō Daijiten* (Phật giáo Đại từ điển) cung cấp, rồi dùng những tư liệu góp nhặt đó đây để xây dựng lại một vài hình ảnh về thời đại và nhân vật này.

1. *Mochizuki Bukkyō Daijiten* đã ghi lại về Phật Triết như sau:

"Phật Triết 仏哲 người nước Lâm Ấp (An Nam). Tên ông có thể viết là Phật Triết 仏徹.

Từ nhỏ theo học Phật giáo, đọc được chú. Thấy chúng sinh nghèo khổ, ông muốn phát chẩn, bơi thuyền ra

Nam Hải, đọc chú để Long Vương đem ngọc Như Ý ra. Long Vương nói dối, giải chú, rồi đem ngọc trốn xuống biển. Sóng lúc đó rất lớn, thuyền phải chìm. Gặp lúc Bồ Đề Tiên Na đi Trung Quốc, ông tháp tùng qua Ngũ Đài Sơn [Wutaishan]. Đến tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 18 [tức năm 730?], ông cùng Tiên Na đến Nhật Bản.

Tháng 7 (có sách nói tháng 8), Tempei [Thiên Bình] năm thứ 8 [tức năm 736], Thiên hoàng Shōmu [Thánh Võ] ngự giá đến Setsu, [ông tháp tùng,] các quan đón ông rất sùng kính. Ông thường ngụ ở chùa Daian [Đại An]. Tháng 4 đời Tempyō Shōhō [Thiên Bình Thắng Bửu] thứ 4 [tức năm 752], lúc có lễ cúng dường Khai nhân Đại Phật ở chùa Tōdaiji [Đông Đại tự], ông thừa lệnh cùng Tiên Na dự lễ Pháp hội và nghe tấu vũ nhạc.

Ông được tôn làm sư của các điệu múa Bồ Đề và Bát Đầu; nhạc Lâm Ấp cũng là do công phu của ông mà có. Không biết ông mất khi nào và hưởng thọ bao nhiêu. Ông có viết *Tất đàm* 悉曇, Chương thứ nhất.

Tiểu truyện có đăng ở *Shichidaiji nenpyō*, *Tōdaiji yōroku dai 2*, *Fusō ryakki batsui*, *Wamei ruijushō dai 4*, *Nihon kōsō den yobunshō dai 1*, *Genkyō yakusho dai 15*, *Nanto kōsō den*, *Honchō kōsō den dai 2*, *Minami Tenjiku Baramon-sō seihi*"⁴.

2. *Bukkyō Daijiten* viết về Phật Triết như sau:

"[Phật Triết là] Tăng ở chùa Daian [Đại An], Yamato. Có người viết là Phật Triết.

Người nước Lâm Ấp. Đi chơi ở Ấn Độ gặp Bồ Đề Tiên Na, tôn làm thầy, học Phật pháp và thông mật chú. Thấy chúng sinh nghèo khổ, ông ra biển đọc chú gọi Long Vương đem ngọc Như Ý ra. Long Vương nhanh tay, chạy trốn khỏi chú và không nộp ngọc. Phật Triết thất vọng quay về. Giữa năm Khai Nguyên, cùng đi với Bồ Đề Tiên Na qua nước Đường [Trung Hoa], rồi cùng sang Nhật Bản. Đó là năm Tempei [Thiên Bình] thứ 8 [tức năm 736]. Ông ngụ ở chùa Daian [Đại An] và được các quan rất sùng kính. Đời Tempyō Shōhō [Thiên Bình Thắng Bửu] thứ 4 [tức năm 752], lúc có lễ cúng dường Khai nhân Đại Phật ở chùa Tōdaiji [Đông Đại tự], ông thừa lệnh cùng Bồ Đề Tiên Na dự lễ Pháp hội và nghe tấu vũ nhạc.

Ông được tôn làm sư của các điệu múa Bồ Đề, Bát Đầu và nhạc Lâm Ấp, [tất cả] là do công phu của ông. Không biết ông mất khi nào và hưởng thọ bao nhiêu. Ông viết *Tất đàm* 悉曇, Chương thứ nhất.

Tiểu truyện có đăng ở *Tōdaiji yōroku dai 2*, *Wamei ruijushō dai 4*, *Genkyō yakusho dai 15*"⁵.

3. Bối cảnh Phật Triết

Ở Đông Á, nhã nhạc 雅樂 là âm nhạc có lịch sử từ thời cổ đại. Nhã nhạc ra đời ở Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Vì Lâm Ấp đã biến dạng sau khoảng năm 758, lịch sử nhã nhạc của Lâm Ấp thường được nghiên cứu chung với nhã nhạc Việt Nam.

Khác với "tục nhạc 俗楽" (nhạc thông thường), "nhã chính 雅政" là âm nhạc mang tư tưởng lễ nhạc của Nho giáo. Nói một cách khác, nhã nhạc là âm nhạc truyền

bá ý thức quốc gia, nghi thức cung đình và yến tiệc. Nhã nhạc Nhật Bản thường dùng các nhạc khí không giống các nước Đông Á khác. Chúng ta có thể khẳng định là Phật Triết đã góp phần vào việc khai thông những bước đầu của nhã nhạc Nhật Bản và Phật Triết đúng là nhân vật đáng kể trong lúc âm nhạc giữ vai trò quan trọng trong việc giao thiệp giữa Nhật Bản với các nước khác.

Chúng ta thử lần lượt đi qua từng từ.

- *Phật Triết* 仏哲: Phật là tên dịch tiếng Hán của chữ Buddha. Vì sao người ta lại viết câu "Có người viết là Phật Triệt 仏徹"?

Chữ "triệt 徹" cùng âm nhưng khác "thanh" với âm chữ "triết 哲" trong tiếng Hán-Việt, nhưng đối với những ngôn ngữ không phân biệt "thanh", âm của "triết" với "triệt" đều giống nhau. Nói một cách khác, khác với tiếng Việt hiện nay, có lẽ trong tiếng Lâm Ấp "triết" và "triệt" đọc giống nhau, vậy chắc hẳn vì tiếng Lâm Ấp không phân biệt "thanh" (tone)?

Cả 2 từ điển *Mochizuki Bukkyô Daijiten* và *Bukkyô Daijiten* đều viết bằng chữ Nhật, nghĩa là có cả chữ Hán đi cùng với tiếng *hiragana* và *katagana*. Tên của Phật Triết (và Phật Triệt) viết bằng chữ Hán. Chúng ta suy luận rằng vào thời Phật Triết, giới có học ở Lâm Ấp biết chữ Hán – vì Phật Triết không phải qua Trung Hoa mà dùng chữ Hán được liền.

Ngôn ngữ "Việt Nam" của người Việt đi theo làn sóng "Nam tiến" với tiếng Việt ở miền châu thổ sông Hồng là chính, còn những ngôn ngữ của các dân tộc trên bước đường "Nam tiến" đã bị đồng hóa và dần dần biến dạng (như tiếng Lâm Ấp, Chiêm Thành, Chân Lạp, v.v.).

- *Sách của Mochizuki trong ngoặc đơn ghi Lâm Ấp là thuộc "An Nam"*. Vì sao vậy? Trong tiếng Nhật, An Nam là tên gọi Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, chúng ta có thể đoán sách này biên soạn dưới thời ấy và trong khi in lại nhà xuất bản vẫn để y như cũ.

- *Long Vương* 龍王, *Nam Hải* 南海 và *ngọc Như Ý* 如意珠. Long Vương còn gọi là Long Thần hay Hải Thần. Long Vương là vị thần coi về nước, mưa và mây. Nam Hải là biển ở phương Nam. Ngọc Như Ý là ngọc quý vô cùng, có thể cầu bất cứ chuyện gì⁶.

- *Từ điển Mochizuki Bukkyô Daijiten* viết là: "Long Vương nói dối, giải chú, rồi đem ngọc trốn xuống biển. Sóng lúc đó rất lớn, thuyền phải chìm. Gặp lúc Bồ Đề Tiên Na đi Trung Quốc, ông tháp tùng qua Ngũ Đài Sơn". Trong khi đó, từ điển *Bukkyô Daijiten* lại nói Phật Triết "đi chơi Ấn Độ gặp Bồ Đề Tiên Na".

Vậy sóng lớn nên thuyền của Phật Triết bị chìm, rồi tình cờ gặp Tiên Na đang ở trên đường đi Trung Hoa cứu giúp, rồi cả hai cùng đi Ngũ Đài Sơn (Wutaishan, Trung Hoa)? Hay Phật Triết tự mình đi chơi Ấn Độ, rồi gặp Tiên Na? Như vậy cuốn từ điển nào nói đúng?

Chúng ta không khẳng định được điều đó, mặc dù điều không còn hoài nghi là Phật Triết đã gặp Tiên Na ở

vùng biển miền Trung Việt Nam, hoặc đã đi sang Ấn Độ cũng bằng đường biển. Nói một cách khác, trong cả hai trường hợp, Phật Triết đã gặp Tiên Na ở vùng biển, rồi từ đó cũng bằng đường biển mà sang Trung Hoa.

Con đường từ Đông Nam Á/Nam Á đi lên Trung Hoa bằng biển này được gọi là "Con đường tơ lụa bằng biển" (*Sea Silk Road*) – thay vì "Con đường tơ lụa" (*Silk Road*) mà thầy Huyền Trang (Xuanzang) đi thỉnh kinh ở Ấn Độ vào đời Đường⁷.

- *Mặt khác, cả hai sách Mochizuki và Daijiten ghi rõ là Phật Triết sau khi sang Trung Hoa với Bồ Đề Tiên Na, đã cùng với Tiên Na sang Nhật Bản. Vậy Bồ Đề Tiên Na là người như thế nào?*

Bồ Đề Tiên Na, người Nam Ấn, là một vị cao tăng gốc Bà-la-môn theo Phật giáo ("*Brahman Buddhist High Priest*").

Tư liệu Nhật Bản về Tiên Na rất nhiều, so với Phật Triết. Tên của Tiên Na có thể viết chữ Hán là Bà-la-môn Tăng Chính⁸, Bồ Đề Tăng Chính, Bồ Đề Noãn Na, hoặc nhiều cách viết khác nữa.

Tiên Na sang Trung Hoa vào Ngũ Đài Sơn (Wutaishan) để "thu thập kinh nghiệm mẫu nhiệm của Văn Thủ Bồ-tát" 文殊菩薩 (tiếng Nhật: *Monju Bosatsu*), biểu hiện của trí huệ (*wisdom*). Đáp lời mời của Tajihi no Mabito Hironari (丹墾真人広成 Đa Trì Chân Nhân Quảng Thành), người tháp tùng chuyến thứ 9 của những phái đoàn Nhật gửi sang nhà Đường, Tiên Na cùng Phật Triết, Lý Cảnh 理鏡, và Đạo Nhược 道弱 (người Trung Hoa) sang Nhật Bản năm 736. Thật ra, lời mời này là thay cho Thiên hoàng Shōmu (聖武 Thánh Võ) (701-756).

Trong lần sang Nhật Bản, thuyền của Tiên Na và Phật Triết đến Dazaifu (Kyushu) tháng 5 (có sách nói tháng 7) năm 736, sau đó đến Tsu, Nanba (Osaka) vào tháng 8. Gyōki 行基 (tương truyền Gyōki là hiện thân của Văn Thủ Bồ-tát) cùng các Tăng lữ khác đón đến ở chùa Daian (Đại An) ở Heijō-kyō (sau này là Nara) và dạy Tăng lữ ở đó. Bồ Đề Tiên Na thường đọc *kinh Hoa Nghiêm* (*Huayan jing* 華嚴經; tiếng Nhật: *Kegon kyō*)⁹ và rất giỏi về mật chú. Tháng 4 năm 751 Tiên Na được phong làm Tăng Chính, và năm sau (752) được làm *Kaigan dôshi* (Khai nhân Hướng sư, hay gọi tắt là Khai nhân sư), phụ trách cúng dường khi "khai nhân" cho Đại Phật ở chùa Tōdaiji (Đông Đại tự).

Bồ Đề Tiên Na thay Gyōki làm giám đốc Phật học vào năm 751 (hay 752?) ở chùa Tōdaiji. Ở Shōsōin (正倉院 Chính Sảng Viện), người ta còn giữ cây bút và sợi dây cầm tay Tiên Na dùng lúc đó. Sau đó Tiên Na được phong làm Tăng Cương (chức lớn hơn Tăng Chính một bậc). Như vậy, Tiên Na là vị Tăng lữ mang hàm (chức quan) lớn nhất. Tiên Na mất ngày 25 tháng 2 năm 760, lễ hỏa táng được tổ chức long trọng. Ngôi mộ của Tiên Na ở trên núi Ryōjusen 霊鷲山 (Linh Thử Sơn; có sách nói là núi Tomi 登美, có lẽ chỉ là cách gọi khác nhau), Nara, và Tiên Na được xem là một trong bốn vị "thánh"



Họa ảnh Nhạc Lâm Ấp

của chùa Tōdaiji. Trong các sách Phật giáo ở Nhật Bản, Tiên Na được ghi nhớ đóng góp vào việc đưa *kinh Hoa Nghiêm* và nhạc Lâm Ấp vào Nhật Bản.

Có khá nhiều sách tiếng Nhật nói rằng Tiên Na thiên về phái Fujiwara Nakamaro (藤原仲麻呂 Đẳng-Nguyên Trọng-Ma-Lữ, 706-764), một trọng thần, cùng với Thiên hoàng Junnin (淳仁 Thuần Nhân), chống lại Hoàng Thái hậu Kōken (孝謙 Hiếu Khiêm) và nhà sư Dōkyō (道鏡 Đạo Chung), khi Nakamaro thấy phái của Kōken lạm quyền. Cuộc “nổi loạn”, hay nói cho đúng là cuộc “đảo chánh”, bị thất bại năm 764. Nakamaro và vợ con bị sát hại ở hồ Biwa 琵琶湖. Chúng ta nhắc lại chuyện này vì không chừng đó là lý do liên quan đến sự “biệt vô âm tín kỳ bí” của Phật Triết như chúng ta đã thấy trong hai cuốn từ điển: “*Không biết ông mất lúc nào và hưởng thọ bao nhiêu?*”

Chúng ta cần nói thêm về đại lễ tại chùa Tōdaiji vào năm 752 vì ý nghĩa của lễ này vô cùng quan trọng. Vào thế kỷ VII, VIII, IX, dưới đời Đường, Trung Hoa có đủ loại hàng hóa cần thiết: từ âm nhạc, đồ sứ đến thuốc men hay hương liệu. Chữ Hán thuộc về “thế giới Đông Á”, còn tiếng Phạn thì đang còn nghiêm nhiên chiếm địa vị độc tôn ở các vùng thuộc văn minh Ấn Độ.

Ấn Độ gồm có nhiều vương quốc và sắc tộc khác nhau. Mặc dầu Ấn Độ giáo (*Hinduism*) lúc này đang ở trên đà đi lên, chùa chiền Phật giáo hầy còn chiếm phần lớn. Đối với người Đông Á, âm nhạc và các vũ điệu là những gì hấp dẫn nhất. Những phòng trà nổi danh ở Trường An (Tây An hiện nay) thường có những dàn nhạc “người ngoại quốc” hay các vũ nữ “Tây dương”. “Nam Ấn Độ”, “Vó ngựa Thổ Nhĩ Kỳ”, “Trắng vùng Bà-la-môn”, v.v. là những bài hát ở các phòng trà. Người ta tính có đến 171 mặt nạ để nhảy múa. Trong đại lễ

tại chùa Tōdaiji, người ta mời đến 25.000 Tăng lữ người ngoại quốc (chủ yếu là Ấn Độ hay Java) đến tham dự!

Bởi vậy, việc Tajihino Mabito Hironari mời Tiên Na và Phật Triết sang Nhật Bản từ năm 736 chính là để chuẩn bị ngày lễ lịch sử, dựa theo mô hình Trung Hoa, vào năm 752 này. Cần nói thêm rằng Nhật Bản vào thời Nara, trước sự lớn mạnh của Trung Hoa thuộc nhà Đường, những tác phẩm về lịch sử (*Kojiki* hay *Cổ sử ký*, 712, *Nihon shoki* hay *Nhật Bản thư kỷ*, 720) hoặc thơ (*Man'yōshū* hay *Vạn diệp tập*, 760) đã lần lượt ra đời để Nhật Bản bắt kịp với Trung Hoa.

Sau khi xong “Đại lễ âm nhạc Á châu vĩ đại” (*A great Asian music festival*) năm 752, sách *Shoku-Nihongi* đã ghi lại như sau: “Ngày 9 tháng 4, tượng Đại Phật đã hoàn thành và sẵn sàng để chiêm bái. Thiên hoàng đến chùa Tōdaiji, ban huấn lệnh cho một số quan chức rồi bắt đầu đại lễ. Thứ tự chương trình và vị trí của người tham dự buổi lễ giống như trong lễ Tết. Quan chức trên ngũ phẩm bận triều phục, quan lục phẩm hay thấp hơn mặc đồng phục và màu sắc định thứ bậc. Mười ngàn tăng lữ Utaryō (ban nhạc chính thức, có nhiều người ngoại quốc) và nhạc công của mỗi chùa đứng sắp hàng. Quý tộc và quan chức của mỗi vùng sắp hàng chỉnh tề. Vũ công và nhạc công trình diễn, gồm có Gosechi (5 nữ nhạc công múa theo nhạc của cung đình Nhật), Kumemai (múa kiếm trần theo âm nhạc), Tatefushi (múa đội mũ sắt, mang kiếm và mộc), Arare-hashiri (còn gọi là Toka, vừa chạy vừa la “Muôn năm”), và Hoko (vũ điệu múa bởi thiếu nữ Trung Quốc, mặc hakama).

Ngôi vườn [chùa Tōdaiji] chia làm hai, Đông và Tây, và tiếng hát vọng qua vọng lại khu vườn. Thật khó mà tả lại cho chính xác. Từ ngày Phật giáo được truyền vào nước ta, không có cảnh nào to lớn cho bằng”¹⁰.



Vũ nhạc Lan Lăng Vương. Ảnh: Hà Vũ Trọng

Trong *Nihon Sandai Jitsuroku* có ghi là “107 người tập nhạc Lâm Ấp ở vườn chùa Daian”. Sách cũng nói rõ là “Nhã Nhạc Liêu (*Gagaku-Ryô*) và chùa Kôfukuji (Hưng Phúc tự) dạy nhạc Cao Lê (*Komagaku*, nhạc gốc Triều Tiên) và chùa Daianji (Đại An tự) dạy nhạc Lâm Ấp”. Âm nhạc được công nhận là nghề nghiệp chính thức và các nhạc sư được tuyển dụng tại các chùa. Những buổi lễ ở các chùa lớn được xem như một chức năng của nhà nước đương thời.

- Hai từ điển *Mochizuki Bukkyô Daijiten* và *Bukkyô Daijiten* cho biết năm qua Nhật Bản của Phật Triết khác nhau. Trong khi *Mochizuki Bukkyô Daijiten* cho biết “tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 18 [tức năm 730?], ông cùng Tiên Na đến Nhật Bản”; *Bukkyô Daijiten* lại cho biết đó là “năm Thiên Bình thứ 8 [tức năm 736]”.

Chúng ta có thể khẳng định rằng trong trường hợp này từ điển *Bukkyô Daijiten* đúng, còn từ điển *Mochizuki Bukkyô Daijiten* sai, vì Phật Triết đã đi cùng với Tiên Na,

mà Tiên Na đến Nhật Bản vào năm 736. Tư liệu về Tiên Na có rất nhiều và tất cả đều cho biết Tiên Na đến Nhật Bản vào năm 736.

- “Múa Bồ Đề (*Bosatsu*), Bạt Đầu (*Batô*) và nhạc Lâm Ấp (*Rin'yû*)”:

Những điệu múa Lâm Ấp thuộc nhã nhạc Nhật Bản bắt nguồn từ nhạc Trung Hoa, Ấn Độ và một phần của nhạc Tây Vực.

Múa Bồ Đề là một điệu múa trong nhã nhạc của Đông Nam Á. Bồ Đề là dịch âm chữ Hán của chữ Bodhi, tức là “đạo, giác, trí” để bỏ hết phiền não và có được trí tuệ đứng đắn. Múa Bồ Đề và nhạc Lâm Ấp có thể hiểu là những điệu múa Phật giáo mang tính cách Lâm Ấp.

Nhạc Lâm Ấp do Phật Triết mang sang Nhật cùng với Tiên Na, chúng ta biết đó là những điệu múa mang mặt nạ có dáng vẻ dị thường. Vì Phật Triết và Tiên Na được xem cha đẻ của nhạc Lâm Ấp, năm 736 được xem là năm bắt đầu nhã nhạc Lâm Ấp ở Nhật Bản. Ngày nay, múa Lâm Ấp và múa Bồ Đề không còn tất cả những chi tiết, chỉ có múa Bạt Đầu tạm gọi là đầy đủ.

Múa Bạt Đầu 抜頭 là một điệu múa Taishiki (Thái thực) trong Đường nhạc. Sáo là nhạc cụ chính yếu. Múa một người (*hitori-mai* 一人舞) có hai loại: múa bên trái và múa bên phải, như vừa múa vừa chạy (*hashiri-mai* 走舞), hoặc đôi khi như múa trẻ con (*đồng vũ* 童舞). Mặt nạ có mũi màu đỏ và màu đen, đầu tóc hình dạng ghê rợn, tay mặt đánh trống, tay trái vừa múa vừa nắm tay. Tương truyền điệu múa này được Phật Triết và Tiên Na đưa vào Nhật Bản từ Trung Hoa dưới đời nhà Đường. Điệu múa “Lâm Ấp loạn thanh” (*Rin'yû ranjô* 林邑乱声) là “đánh loạn lên” những thanh âm nên còn gọi là “cổ nhạc loạn thanh” (*Kogaku ranjô* 古楽乱声).

Ngoài ra còn có các điệu múa như Thọ Lăng Tần (*Karyôbin* 寿陵頻) và Bối Lư (*Bairo* 陪櫓) cũng được xem là nhạc Lâm Ấp.

Từ điển *Sekai daihyakka jiten* (Thế giới Bách khoa Từ điển) ghi lại những chi tiết đáng để ý và có khác nhau ít nhiều với đoạn tả bên trên: “Năm 736 Bồ Đề Tiên Na và Phật Triết đến Nhật Bản đã truyền bá nhạc Lâm Ấp, theo lệnh của Thiên hoàng tất cả phải truyền thụ ở chùa Daian [Đại An tự] (*Theo Tôdaiji yôroku*). Những nhạc này qua đời Heian, tức tháng 3 năm 809, được biên tập thành *Gagaku-ryô* [雅楽寮 Nhã nhạc Liêu]. Những vũ nhạc mà Phật Triết truyền lại là Bồ Đề (菩醍), Thọ Lăng Tần (寿陵頻), Bạt Đầu (抜頭), Bối Lư (陪櫓), Thiên Thu Nhạc (千秋楽), Lan Lăng Vương (蘭陵王), An Ma (安摩), Nhị Vũ (二舞), Hồ Ẩm Tửu (胡飲酒). Tất cả có tám khúc”.

- “Không biết ông mất lúc nào và hưởng thọ bao nhiêu”: Vì Nhật Bản là quần đảo, vào thời cổ đại di chuyển từ Nhật Bản đến các nước khác rất mực khó khăn. Bởi vậy, sau đại lễ ở chùa Tôdaiji (Đông Đại tự) năm 752, chúng ta khó hình dung Phật Triết tìm đường về Lâm Ấp, huống nữa quê hương Phật Triết đang có binh lửa.

Như đã bàn, chúng ta có thể đặt nghi vấn là phải chăng Phật Triết bị vạ lây trong cuộc “đảo chánh” của Fujiwara Nakamaro năm 764? Xin nhắc lại rằng có nhiều sách nói Tiên Na theo phái của Nakamaro, mà Tiên Na với Phật Triết thì rất gần gũi với nhau và Tiên Na đã mất từ bốn năm trước (năm 760). Nếu không phải là chuyện bí ẩn, vì sao người ta lại không biết Phật Triết mất khi nào, đặc biệt Phật Triết là người đóng vai trò quan trọng ở Nhật Bản lúc bấy giờ? Cái chết của Phật Triết là cả một nghi vấn và cần phải đánh dấu hỏi lớn.

- “Ông viết *Tất đàm*, *Chương thứ nhất*”: Phật Triết chắc hẳn viết sách này bằng chữ Hán. “Tất đàm” dịch âm từ tiếng Phạn là Siddham, “tất” 悉 là “biết hết” “tất đàm” 悉曇 là “hành tự 成就” hoặc “hoàn thành 完成” (*Huyền ứng âm nghĩa*, II). Có thể dịch là “Tất đàn” 悉檀 (“Đàn” 檀 như trong cây bạch đàn), hay “Tất đàm” 悉談 (“Đàm” 談 như chữ “Đàm thoại”).

“Tất đàm” còn có nghĩa là một loại chữ viết của tiếng Phạn, hoặc cách viết loại chữ ấy, hoặc phương pháp đọc nối các mẫu âm. Từ đó, tất đàm có nghĩa là ngành nghiên cứu về cách viết chữ Phạn, thư pháp chữ Phạn, cách đọc âm (âm đọc 音読), và văn pháp/văn phạm” (Trích *Cựu Đường thư* 旧唐書, “*Thiên Trúc quốc truyện*” 天竺国伝, hoặc *Tự loại sao* 字類抄)¹¹.

Việc vì sao Phật Triết bỏ công việc nghiên cứu dở dang sau viết xong Chương I của cuốn *Tất đàm* và sau đó không biết gì về Phật Triết nữa, chúng ta cần đánh một dấu hỏi lớn.

Phật Triết là nhân vật có thật, sống giữa lúc mà lịch sử Lâm Ấp cũng như Nhật Bản đang có nhiều đổi thay. Lâm Ấp thì chiến loạn, còn Nhật Bản đang “thức tỉnh” và vùng lên vào thời Nara. Trên dưới 20 năm cuối đời, Phật Triết sống ở Nhật, một điều khiến đời Phật Triết mang ít nhiều “kịch tính” vì chúng ta thấy rõ quãng đời Phật Triết đã sống.

Người ta dễ quên Lâm Ấp là nước sắp mất tên, đặc biệt chuyện ở vào một thời xa xưa – đi ngược về những năm 750, nghĩa là xa hơn 12 thế kỷ. Chúng ta biết rằng Phật Triết đã đóng vai trò cốt cán trong việc truyền bá nhã nhạc Lâm Ấp ở Nhật Bản. Những điệu múa Bồ Đề, Bạt Đầu, hay nhạc Lâm Ấp nói chung, đều do Phật Triết và Bồ Đề Tiên Na truyền vào Nhật Bản. Nhưng những tài liệu về Phật Triết lại quá ư khiêm tốn, mặc dầu ngay tại Nhật Bản – một nước nổi tiếng là nơi lưu trữ các tư liệu văn hóa.

Ngôn ngữ mẹ đẻ của Phật Triết, tiếng Lâm Ấp, có thể không có “thanh”. Tác giả có gợi ý như vậy ở phần đầu. Có người hỏi: “Vậy Phật Triết không có dính líu gì với người Việt Nam cả hay sao?”. Chúng tôi xin mạn phép không đồng ý. Bởi vì nếu quan niệm rằng chúng ta vốn có nhiều chủng tộc thì lúc ban đầu chúng ta khác nhau cũng là chuyện dễ hiểu. Bước đường “Nam tiến” cần mấy trăm năm trên thực tế đã giúp người Việt Nam có đủ thời gian để giải quyết các khác biệt lớn,

trong đó có những khác biệt về ngôn ngữ và chủng tộc. Giáo sư Hà Văn Tấn cách đây gần hai mươi năm (1991) có kể cho chúng tôi nghe tại hội thảo ở Cornell rằng có vùng nào đó ở Hà Tĩnh người ta không phân biệt “thanh”. Nghe chuyện Phật Triết xong, chúng ta có thể thắc mắc tại sao lại giống chuyện con cháu Phật Triết còn sót lại đến thế!

Cuối cùng, khi nhắc lại chuyện Phật Triết gặp Tiên Na chúng ta đã xác định rằng hai người đã gặp nhau ở vùng biển. Nói một cách khác, Phật Triết và Tiên Na đã dùng “Đường tơ lụa bằng biển” đến Trung Hoa. Mỗi liên hệ giữa miền Trung của Việt Nam, với Ấn Độ bằng đường biển, và vai trò của các người Ấn Độ còn được xác nhận ở thời kỳ Phật Triết.

Chúng ta tưởng nên nhắc lại rằng từ đầu thế kỷ III (trước CN) cho đến cuối thế kỷ VII (sau CN), khu vực từ vịnh Bengal đến bờ biển Đông Nam Á đã được người Ấn Độ xem là “Hồ Phật giáo” (*Lake of Buddhism*)¹². Câu chuyện này làm chúng ta nhớ lại Phật Triết gặp Tiên Na lúc ban đầu cũng ở đâu đó trong vùng này.

Chú thích:

1. Vinh Sinh, “Phật Triết: Người Lâm Ấp ở Nhật vào thế kỷ VII [sic]”, trong cuốn PGS. TS. Nguyễn Dũng và TS. Nguyễn Xuân Xanh (chủ biên), *Trong Ngấn Bóng Gương: Kỷ Yếu Mừng GS. TS. Đặng Đình Áng Thượng Thọ 80*. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tri Thức, trang 293-302.

2. Theo Ozaki Yūji, Tsuru Haruo, và Nishioka Hiroshi biên tập, *Daijigen* (Đại Từ Nguyên). Tokyo: Kadokawa Shoten, 1992, trang 252.

3. Trong bài này, năm 758 còn có nghĩa là 6 năm sau khi có tin tức cuối cùng về Phật Triết.

4. *Mochizuki Bukkyō Daijiten*, Dai 5 kan. Hensan Daihyō: Tsukamoto Yoshitaka. Tokyo: Sekai Seiten Kankōkai, Shōwa 63 nen [1988]. Bản dịch từ tiếng Nhật (hoặc tiếng Anh) ra tiếng Việt trong bài là do tác giả.

5. Ryūkoku Daigaku, *Bukkyō Daijiten*, vol. 6. Tokyo: Tōsanbō, Shōwa 60-nen [ấn bản 1985].

6. *Daichido-ron* 大智度論 *Đại trí độ luận*, 10. Xem *Daijigen*, trang 290.

7. Con đường mậu dịch và giao lưu văn hóa từ Trung Quốc qua Ấn Độ, Afghanistan, Hy Lạp rồi đến Rome bằng đường bộ.

8. Tăng Chính thường là chức quan lớn nhất trong Tăng lữ. Tăng Chính có 3 bậc: Đại Tăng Chính, Tăng Chính, và Quyền Tăng Chính. Trong hệ thống Nhật Bản thời này, trên Tăng Chính còn có Tăng Cương.

9. Hoa Nghiêm tông thuộc Phật giáo Đại thừa, rất thịnh hành vào đời Đường. Hoa Nghiêm tông là một trong tám tông phái. “Hoa” là cách nói ẩn dụ của mọi tu hành, “nghiêm” là làm đúng đắn theo lời Phật dạy và gom góp mọi tu hành để tích lũy công quả. *Kinh Hoa Nghiêm* (tiếng Phạn gọi là *Avatamsaka Sūtra*) là kinh văn Phật Thích Ca thuyết pháp trong thuở ban đầu sau khi thành đạo. Xem *Daijigen*, trang 1511.

10. *Shoku-Nihongi*, vol. 18, 752 A.D.

11. *Daijigen*, trang 648.

12. Diễn văn của Đại sứ Nhật Bản tại Ấn Độ Enoki Yasukuni đọc tại Delhi Rotary Club, “A Strong Cultural and Historical Bond Linking Japan and India”, ngày 9 tháng 2, 2006 (Xem <http://www.in.em-japan.go.jp/Lectures/Lecture35.htm>). ■

Dấu nhớ

PHAN THÀNH MINH

Ngược mưa tháng chín
Cô giáo vùng cao gửi chữ về bản
Niềm vui được mùa

Thác rừng quen mặc áo mùa đông
Tóc thơm xõa qua vai đá
Tinh khôi bước ra từ dòng sông

Thay chồng làm chồng
Thức cùng bếp lửa
Những đứa con mang trái tim đại ngàn

Miếng ăn thì ngắn
Cái bụng thì dài
No bằng giọt mồ hôi trong trái bắp

Bàn chân khắc khổ mang hình cái cuốc
Gió hát trên cây
Ánh mắt tả chân trù mển

Người già nói sử thi
Cái xà gạc móc trên vai núi rừng
Chữ yêu có dấu nhớ.

Xác thuyền

NGUYỄN QUÂN

người đàn ông ngồi nhìn ra biển
con mắt hóa sóng
ngửa bàn tay vốc trọn mặt trời
chớm nở chút bình minh chân tóc

đã bao nhiêu ngày
gã vẫn ngồi như thế
da chai sần tinh thể trùng khơi
gió và gió
dựng đứng bờ môi bạc thếch

ngày và ngày
cứ thăm thăm trôi
phía bên kia bờ đại dương xa ngút
chẳng có gì ngoài ánh mắt chết
lồng lộng tiếng ca bầy ngư nữ cầu hồn gọi vía

gã vẫn ngồi trong tư thế kiệt già
muối thân xác trong muôn ngàn ngọn gió
trong vũng lưới ánh màu vảy cá.

Ru cao đáng rồng

HOÀNG VÂN

Trời ru mây ngủ bênh bồng
Sử thiêng ru truyện Tiên Rồng Âu Cơ
Ru xưa đến mới bây giờ
Ru ngàn năm dựng cơ đồ Thăng Long
Câu hò ru nước trên sông
Câu ca dao mẹ ru đồng lúa xanh
Gió mùa ru bóng trắng thanh
Câu Kiều ru lớn em anh thán ngày
Chiều ru lá cánh cò bay
Quê hương ru ấm nhịp chày mẹ cha
Nắng mưa ru đất mặn mà
Lở bồi ru nước phù sa ngọt ngào
Em anh giờ cốt ru sao
Cho non nước Việt bay cao đáng rồng.

Còn lời nhớ thương

LÝ THỊ MINH CHÂU

Lời ru theo mẹ đi xa
Thân cò đã hóa vào cha tảo tần
Bốn mùa một vụ lúa xuân
Hai tay trăm nỗi gian truân dập dềnh
Hạt ngô hạt thóc chắt chiu
Khởi rơm cay mắt những chiều gió mưa

·
Trải lời ra dưới hiên trưa
À ời... ru giấc say sưa con nằm
Lá dâu lại nợ nong tầm
Kén tơ óng nuột thì thâm lẻ loi
Nhìn con bé bỏng cút côi
Bước không nỡ bước đành ngồi tĩnh tâm

·
Bát rau muống
Đĩa cà dầm
Bống ao kho lạt thành mâm cỗ rồi
Chén ân chén nghĩa đầy vơi
Nuôi con khôn lớn nên người mai sau
Khó đâu ba kiếp cơ cầu
Sang đâu ba họ
Giàu đâu ba đời

·
Cha giờ tiên cảnh vui chơi
Dòng sông trăm họ còn lời nhớ thương
Nồn thơm chiếc lá bên đường
Con xanh thừa kế sắc hương của người.

Dự tưởng

VĨNH HIỀN

mông lung tôi đứng giữa đời
mông lung hoa cỏ nửa vời sơ giao
tôi cùng hoa cỏ ngó nhau
ngoảnh ra cỏ nội là màu nguyên trình
hoa ngàn cũng sắc với tình
mà tôi hình sắc là hình bóng gieo
những khi hình bước, bóng theo
chùng như bóng vẫn chưa đeo nổi hình
mai kia mây gió đang trình
biết đâu bờ bến mà tìm chốn xưa?



Bão

trong nhà

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Anh bảo chị, trưa xin cơ quan nghỉ sớm, về cùng đi đám cưới anh bạn. Đám này nên đi đôi, tất nhiên phong bì mừng phải "nặng" hơn các đám khác. Thấy vợ im, biết là không hưởng ứng gợi ý của mình, anh mở ngoặc nói thêm; rằng bây giờ tuy ít gặp nhưng anh bạn là đồng môn thân thiết, cùng học với anh thời ở trường Đại học Nông Lâm. Đó là những năm bát cơm không độn mì là ước mơ không hiện thực của bao nhà. Nhưng cả hai đi qua khóa học trọn vẹn, với tấm bằng tốt nghiệp loại giỏi sáng ngời. Giã từ giảng đường, người về đồng ruộng theo bà con nông dân âu yếm giục trâu đi; kẻ rẽ ngang để lao vào thương trường nóng bỏng; người bệ vệ nơi công đường. Và ai cũng kịp làm điều bình thường nhưng hệ trọng của đời người - có vợ sinh con. Duy chỉ anh bạn - chàng rể hôm nay, chẳng biết ông tơ bà nguyệt ghét chị mà mãi tuổi bốn mươi mới tìm được nửa kia của đời mình... Tưởng chị hiểu nghĩa tình của chồng mà nhờ người đưa đón con để đi dự tiệc vui của bạn. Tám mươi giờ, anh về nhà, thấy mảnh giấy có nét chữ quen thuộc đặt trên bàn ăn "Anh! Em không đi đám cưới được".

Anh đi mừng bạn với bộ mặt chỉ hơn người đưa đám là không rơi nước mắt. Suốt cuộc vui, anh chẳng sờ đến thìa đĩa, chỉ cầm ly, ly rồi tiếp ly nữa, liên tục. Nghe người quen hỏi vợ đâu, anh chống chế bằng lý do tưởng tượng cùng nụ cười méo xẹo. Chẳng biết phát kiến từ đâu mà anh được rí tai thông báo: sau tiệc cưới, các cựu sinh viên - nguyên đồng môn của chú rể ở lại chụp hình kỷ niệm. Anh lúng túng. Đi về, ở lại, đôi đường đều dở. Khi xếp hàng đứng trước ống kính, anh giật mình thấy mọi người đều có đôi, chỉ riêng anh trở trọi một mình.

Quá ngộ, anh về trên chiếc xe được kéo ga hết cỡ. Chị chạy ra tận ngõ đón chồng với nụ cười rụt rè của người có lỗi. Khi chị đưa tay đón lấy tay lái, anh gạt đi: "Khỏi! Cô làm tôi xấu mặt với bạn bè - Giọng anh méo đi như nói qua chiếc loa rè - Cô! Có phải cô sợ... tổn thêm vài trăm bạc không?". Chị cúi mặt lẳng lặng vô nhà. Vào phòng riêng, chị không quên quay lại chốt cửa.

Anh dựng xe giữa nắng, vào nhà bằng những bước chân vất vả. Anh mở tủ búp phê, lôi ra chai rượu rồi đổ người xuống chiếc ghế "lười biếng" gần đó. Anh với tay bật ti vi rồi tăng âm lượng to bất thường. Chẳng cần ly, chốc chốc anh đưa cả chai lên miệng. Xin nói ngay, anh không nghiện thứ cao gạo ấy, càng không phải anh chẳng biết lời các cụ - trà tam rượu tứ. Nhưng những lúc như lúc này, anh thích uống rượu một mình. Bảy năm hai người có nhau, nếu chỉ xòe hai bàn tay e không tính đủ số lần anh giải sầu một mình. Không phải nâng hân người thăng hoa bất tận mà những khi một mình với chai để đã chìm anh xuống mênh mông buồn chán.

Dù trùm chăn kín đầu nhưng chống làm gì, nói gì ở phòng bên, chị biết cả. Càng nghĩ chị càng ức, nào chị dám đem vài trăm bạc sánh với tình bạn đáng quý của anh. Chỉ có điều mấy tháng rồi, chị ốm đau dặt dẹo, người xuống cấp trông thấy. Nhà mẹ ở ngoại ô, chỉ cách ba chục phút chạy xe máy mà hai tháng rồi chị cũng chẳng về. Về, nghe mọi người quở, chị xót cả ruột. Mới hồi nào, chị như thỏi nam châm hút những ánh nhìn ngưỡng mộ của bao chàng trai; giờ, chị thật sự ngại khi qua chỗ đông người. Nếu là người ta, hẳn sẽ chăm lo thuốc thang cho vợ, chí ít cũng có vài lời an ủi qua loa. Còn anh, chỉ được cái vô tâm và thô lỗ!

Hồi mới ra riêng, chẳng có trọng tài nên những cuộc "khẩu chiến" của anh chị thường ác liệt lắm. Nếu có máy đo, chắc cũng nhiều nhiều đề-xi-ben chứ chẳng phải thăm thì như lúc yêu nhau. Sau, chẳng ai bảo ai, cả hai cùng đổi "chiến thuật", chuyển vào "chiến tranh lạnh". Trừ bữa cơm là ngồi cùng nhau, còn việc ai người đó làm, giường ai người đó ngủ. Dù dưới hình thức nào thì cuối cùng anh chị đều cay đắng nhận ra chẳng có ai thắng cả. Nhưng mở miệng "hòa đàm" khó làm sao! Lắm lúc thấy mình sai lù lù ra đó nhưng anh không nói được từ ngữ lịch sự mà người ta dạy cho con trẻ ngay từ mẫu giáo. Khi anh toan mở miệng, cái "thằng tôi" trong anh hiện ra túm lấy, lôi ngược lại: "Xin lỗi à, sao hạ mình thế? Không khéo lần sau "nó" được trốn, làm già đấy!". Thế là anh rụt lại, không vượt qua nổi chính mình.

Còn chị, khi cơn bão trong nhà nổi lên, chị thu lại,

cuộn tròn như trong chần lúc này đây. Bấy giờ, người đàn bà hết mực thương yêu chồng con trong chị biến mất, chỉ còn dâng đầy nỗi tự ái. Vàng, chính nó đã đẩy chị ra xa người từng đầu ấp tay gối. Cũng chính nó, nâng chị cao lên trên chiếc thang hư ảo để nhìn xuống anh với đôi mắt khinh khỉnh, cố chấp. Và sau đó, tìm được nấc thang đi xuống khó hơn nhiều. Bởi thế, tổ ấm anh chị đã bao phen chao đảo hao gầy vì những lý do mà nói ra chắc ông chồng bà vợ nào cũng xua tay: "Thôi, biết rồi!".

Những lúc ấy, anh mong đại đại trong nhà xảy ra sự cố gì đấy (tất nhiên không đến độ cháy nhà, chết người) để cả hai cùng xúm vào và quên hết chuyện buồn trước đó. Thường là nhờ cu Hiến - sợi dây thần kỳ

kéo anh chị lại gần nhau. Tuổi lên năm, Hiến cười tươi ngay trước những rắc rối của người lớn. Có lần ngồi vào mâm, thấy ba nhìn ngang, mẹ nhìn xéo, chẳng ai muốn ăn, nó liền gấp thức ăn bỏ vào chén từng người rồi liền thoảng quay qua quay lại, hỏi có ngon không. Lần khác, chính nó cũng không biết mình hơn cả nhà tư vấn hôn nhân-gia đình, đánh tan cơn bão trong nhà bằng cách không chịu ngủ với ba cũng chẳng chịu ngủ với mẹ mà phải ngủ với cả hai.

Chiều tàn, anh đang lơ mơ trên giường thì bị dựng dậy bởi tiếng gọi thảng thốt của con: "Mẹ ơi!". Anh vội chạy ra cửa. Cu Hiến, mặt tái mét, tay đang ôm cái đầu rỉ máu. Anh tròn mắt: "Sao vậy?". "Cu Xín xô con ngã vào đồng đá!". Chị từ dưới bếp chạy lên, hốt hoảng. Sau phút thất thần, chị lật đật đi mở tủ thuốc lấy bông băng và ô-xy già. Thấy chị luỳnh quỳnh, anh vội đỡ cuộn băng trên tay chị.

Sự cố vừa được khắc phục thì anh Thắng - bố cu Xín, tay cầm roi, tay nhúng nhằng dặt "thù phạm" qua. Thấy nạn nhân đã được sơ cứu, anh chẳng nói gì, đẩy con lên trước: "Xin lỗi cô chú!". Thắng bé đứng nghiêm, hai tay vòng trước ngực, mắt len lén ngước lên rồi cụp xuống. Xín lí nhí trong miệng; phải nói lại lần thứ ba mới đủ rõ to như yêu cầu của bố nó. Anh Thắng ra lệnh tiếp: "Bước tới, xin lỗi bạn Hiến!". Thắng bé vừa cúi nhìn ngón chân cái ngo ngoáy dưới đất vừa nói: "Xin xin lỗi bạn Hiến". "Xin lỗi mà không nhìn bạn là chưa thật thà - Thắng nhận xét rồi tiếp - Ôm bạn Hiến hôn ba cái". Thắng bé ngờ ngàng, quay lại nhìn bố. Nhưng giọng nói chưa hết giận vẫn cương quyết y lệnh: "Hôn ba cái, thậm thiết như người ta hôn trên tí vi ấy!". Tưởng như vẫn còn sợ, vừa hôn bạn, Xín vừa đảo mắt nhìn trộm bố.

Cả nhà cùng dõi theo bố con Thắng đi ra cổng. Bất chợt Hiến ôm mẹ: "Ngày mai, con có thưa với cô là Xín xô con ngã không, hả mẹ". "Thôi con ạ, bạn ấy biết lỗi rồi mà". "À, cô giáo bảo biết nhận lỗi cũng là ngoan, mẹ nhỉ?". "Ừ". Nói rồi Hiến rời mẹ, chạy ra với đám bạn đang chơi trò "trốn kiếm" phía bên kia đường. Nó cầm tay cu Xín, cùng hòa vào cuộc vui, như hoàn toàn không có chuyện đổ máu trước đó.

Nhìn cảnh ấy, cả anh chị cùng cúi xuống. Lúc ngước lên, hai đôi mắt chạm nhau, lúng túng... ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Làm việc nhà lật vật, tẩn mìn, tôi “ngộ” ra rằng quà tặng cuộc sống đôi khi nằm trong những điều nhỏ nhất.

Đi chợ, ghé mua cân quýt rồi vào hàng cá bỗng nghe tiếng chân, tiếng gọi đuổi theo. Quay lại thấy cô hàng quýt tất tả giữa lối đi hẹp, tay giơ trái quýt: “Còn sót một quả”. Tôi nhận quả quýt từ tay cô như nhận món quà bất ngờ từ ngôi chợ đi lần đầu nghe đầu sắp giải tỏa. Cô vội vàng quay lại, không kịp cho tôi nụ cười nhưng lòng tôi cười. Ngôi chợ nghèo bùn lầy nước đọng bỗng thơm như quả quýt trên tay.

Quét nhà, phát hiện lăm kẻ ngụ cư bất hợp pháp. Nhện giăng tơ trong góc tối. Tổ tò vò nơi xó cửa. Dơi trú đêm dưới mái hiên. Đàn kiến trong bếp... Tôi cầm bình xịt muối đến bên đàn kiến. Khoảnh khắc ấy tôi nghe tiếng sóng vỗ giữa đời bờ Sống - Chết. Tiếng róc rách của Vô Thường. Tiếng đập của tim tôi... Chúng sẽ nằm bất động trong trận mưa thuốc hay hạnh phúc công hạt cơm về? Tôi cất bình xịt. Bầy kiến tất bật công hạt cơm về tổ không hề biết mình vừa trên lẫn ranh sống chết còn tôi nhận ra mình oai như “Thượng Đế”, có thể quyết định sinh tử của những sinh linh nhỏ bé. Hãy cho chúng được sống nếu có thể “Thượng Đế” ơi!

Một chú mèo con từ đâu xuất hiện sau đường thông thoáng. Tiếng kêu thể thảm khiến tôi mở cửa. Tôi sẵn lòng đón nhận nhưng con chó của tôi thì không. Nó chup ngay con vật khốn khổ khiến tôi phải trả lại chỗ cũ. Đang bối rối, cửa nhà bên hé mở, một cái đầu bù xù thò ra. Tôi đề nghị: “Chắc nó bị quăng... Em cho nó ở. Nhà cô có chó”. Cái đầu bù xù gật. Thế là con mèo lưu lạc được một nhà cho ở, hai nhà cho ăn, thành gạch nối dễ thương giữa 3 nhà vốn còn đang lạ.

Cho là được nhận. Vãi nắm gạo, được bầy chim sẻ tíu tít. Chút cơm thừa, không thừa với chó đời mèo hoang. Tôi cho chúng ăn và nhận lại ánh mắt tin cậy, những cái vẫy đuôi mừng rỡ, chút thanh thản của yêu thương. Ngày còn nhỏ mẹ dặn tôi đừng gạo nấu cơm đừng quên một nắm bỏ hủ sành. Cuối tháng cô bác tên Siêu áo dài đen, quần ống cao ống thấp đạp xe đến lấy. Gạo trong hủ sành lọt thõm trong ruột tượng của bác ấy nhưng nhiều nhà dồn lại có thể cứu đói vài nhà. Mẹ còn dặn: “Đừng gạo đừng gạt, còn cho ở nè”. “Ở nè” của mẹ là con gà, con chó, con mèo, có khi một bị gây lỡ bước. Ấu thơ như bình minh của đời người, tôi học mẹ giảng sợi thương. Lớn lên, nhận ra chút rơi vãi, dễ dãi có thể thành quà tặng kẻ khác. Hạt cơm rơi vãi, quà cho đàn kiến. Hạt gạo rơi vãi, hạnh phúc của chim sẻ. Không trả từng hào, hạnh phúc cho người bán hàng cực khổ... Cho cái lớn không thể thì cho điều nhỏ vậy. Cái nhận được không nhỏ chút nào.

Đường đời ngắn dần, con người như dần hơn trong buồn vui để nhận ra giá trị cuộc sống và thường thức nó trong từng khoảnh khắc. Nụ cười của bà già tấp đi với cái khung sắt mà tôi gặp ban sáng tươi rói, sáng cả héo tàn. Nỗi khổ vì bệnh tật, già nua, con cái bỏ rơi lặn chìm sau nụ cười ấy. Như hoa của thoáng hạnh phúc được ngồi dậy ra đường, nhận ở sớm mai nguồn sinh lực ngày mới, nhận ở người đi đường nụ cười khích lệ.

Hãy chớp lấy những thoáng hạnh phúc. Con chuồn chuồn ớt tự ấu thơ bay về. Khoảng hoang sơ hiếm hoi bên thềm đô thị của triền hoa dại. Tàu lá cau vàng vắt qua xanh mượt - vàng như rực lên trong khoảnh khắc được đẹp cuối cùng... Để tâm, con người sẽ nhạt cho lòng mình nhiều quà tặng của cuộc sống để bù đắp lăm khổ đau cũng từ cuộc sống. Gió bão cuộc đời có thể ập đến bất cứ lúc nào trong cõi người vô thường nên hãy nhắm nháp từng khoảnh khắc bình yên, lắng nghe những nốt lặng dạt dào của cuộc sống!

Quế Hương (Hoàng Thị Thương), Đà Nẵng



Chè sen nhẵn

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Sự kết hợp hài hòa giữa hạt sen tươi và nhẵn lồng dày cơm, mọng nước tạo nên món ngọt với hương vị thanh tao thơm mát quyến rũ trong mùa hè.

Nguyên liệu:

- Hạt sen tươi: 100 hạt
- Nhãn lồng: 100 hạt
- Đường phèn: 200gr

Cách làm:

- Hạt sen tươi: gọt vỏ cứng bên ngoài. Ngâm nước một lúc để lột lớp vỏ lụa. Gọt hai đầu, loại bỏ tim.

Rửa sạch hạt sen đem hấp hoặc nấu chín.

Sên khoảng 50gr đường thành nước, bỏ hạt sen vào rim cho thấm.

- Nhãn lồng: rửa sạch, lột vỏ. Tách bỏ hạt rồi cho hạt sen đã rim vào giữa cơm nhãn.

Nấu nước đủ dùng với đường phèn cho tan, lọc sạch.

Xếp nhãn có nhân sen vào chén, mức nước đường vào cho lút hạt.

Món chè này dùng lạnh rất ngon.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®
Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

92/31 Trần Mai Ninh - P.12 - Q. Tân Bình ĐT: 6270 0618 (chị Huyền)



Trang sức tâm linh

Sản phẩm văn hóa nghệ thuật Phật giáo

“Đẹp – khỏe – thân tâm an lạc”, đó là phương châm để một Phật tử đưa nghề chính thức của mình vào đạo Phật. Sự kết hợp hai lĩnh vực “trang sức và tâm linh” dường như mang tính ngoạn mục và đam mê.

Say mê nghề trang sức từ 20 năm qua, rồi chấp chững bước vào con đường tu tập theo Phật, Phật tử Hạnh Liễu đã nảy ra sáng kiến đưa “đạo Phật” vào trang sức của mình.

Chị phát tâm ăn chay, làm từ thiện và xây dựng Tam bảo. Chúng tôi hỏi rằng “Chị với công việc bận rộn trong hai lĩnh vực kinh doanh khác nhau, thường xuyên giao tiếp khách với cả khách nước ngoài thì làm sao chị ăn chay?”. Chị vui vẻ trả lời “Ngày xưa chị cũng có quan điểm như thế và thật khó khăn khi mỗi lần ăn chay, bụng thường xuyên đói cồn cào, tìm một chỗ ăn giữa đường cũng khó. Một ngày cũng vất vả lắm!”. Nhưng từ lúc bé trai út chị bập bẹ với những câu nói vô tư hồn nhiên của đứa trẻ lên ba nhưng là một bài học cho mẹ bé noi theo “Bin không ăn thịt cá vì ăn như vậy là sát sanh, là không có lòng từ bi...”. Một lần nghe con nói như vậy, chị xúc động vô cùng và đặc biệt bé dứt khoát không ăn những thứ ấy. Và qua các bài giảng của vị giảng sư Đại đức Thích Phước Tiến, chị cảm thấy việc

ăn chay thật đơn giản và dễ dàng. Điều này đã làm chị tư duy và cảm thấy mình đã có duyên với Phật.

Từ đó, trang sức của chị bắt đầu mang giá trị tâm linh – chị mạnh dạn đưa câu thần chú Lục tự Đại minh chơn ngôn “OM MANI PAD ME HUM”, Hán – Việt phiên âm là “ÁN MANI BÁT DI HỒNG”. Đây là câu thần chú của Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, nhằm cứu khổ ban vui và đem lại sự bình an cho tự thân người dùng trang sức hay hành trì nó. Đây là câu thần chú phổ thông của Phật giáo Tây Tạng.

Hiện nay các dòng sản phẩm này bao gồm: Mặt dây chuyền, nhẫn đeo tay, lắc đeo tay, chuỗi hạt đá... đã và đang phát hành rộng rãi trong và ngoài nước.

Chị cho biết thêm, nhân mùa Phật đản PL 2554, được tin Nghệ sĩ Ưu tú Bạch Tuyết, DVĐA Việt Trinh và các nghệ sĩ khác tổ chức đêm biểu diễn “Chung sức chung lòng” tại Nhà hát Thành phố vào tối ngày 31 tháng 5 năm 2010, nhằm gây quỹ từ thiện giúp đỡ bệnh nhân nghèo ở Trung tâm Ung Bướu, PT Hạnh Liễu đã phát tâm đóng góp 2 sản phẩm đặc biệt để cúng dường chư Phật, đồng thời cầu nguyện cho bá gia bá tánh được bình an.

- Một sản phẩm mang tên “Niết-bàn tại thế, hạnh phúc miên trường” (do NSƯT Bạch Tuyết đặt) gồm 1 Bát chánh đạo làm bằng bạc gắn 5 loại đá quý dựa trên 5 màu lá cờ Phật giáo, nhằm nói lên tình đoàn kết hữu nghị Phật giáo trên toàn thế giới, là những người yêu thương nhân loại, yêu chuộng hòa bình, được đặt trên 1 đóa sen trắng làm bằng đá thạch anh, tượng trưng cho Đức Phật. Đây là 8 bước tu tập do Đức Phật dạy, là kim chỉ nam trên lộ trình giải thoát.

- Một sản phẩm “trang sức tâm linh” được làm bằng vàng 18k, một loại nữ trang vừa thanh nhã, vừa đẹp mắt lại bổ ích cho người sử dụng. Trên mặt dây chuyền có 6 chữ lục tự Đại minh Chơn ngôn “OM MANI PAD MEHUM” được thiết kế trên 6 loại đá quý khác nhau.

Bằng tất cả tấm lòng người con Phật, PT Hạnh Liễu xin trân trọng giới thiệu đến chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử, các doanh nhân, mạnh thường quân có nhã ý đóng góp cùng chương trình “Chung sức chung lòng”, sở hữu 2 sản phẩm trên xin liên hệ với PT Hạnh Liễu, số ĐTDD 0913.916036.

Xem sản phẩm trực tiếp tại Phòng phát hành VHP Phật giáo HƯƠNG SEN (380 Nguyễn Văn Đậu, P.11, Bình Thạnh, TP.HCM)



Phòng
phát
hành
VHP
Thật
Giáo
Hương
Sen



Kính
mừng
Đại
lễ
Thật
Đản
PL
2554



Quý khách có nhu cầu mua sản phẩm, vui lòng liên hệ:
Hạnh Liễu, Phòng Phát hành VHP PG Hương Sen,
308 Nguyễn Văn Đậu, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 0913916036 - TK Ngân hàng VIB số 6277-0406-000-2676

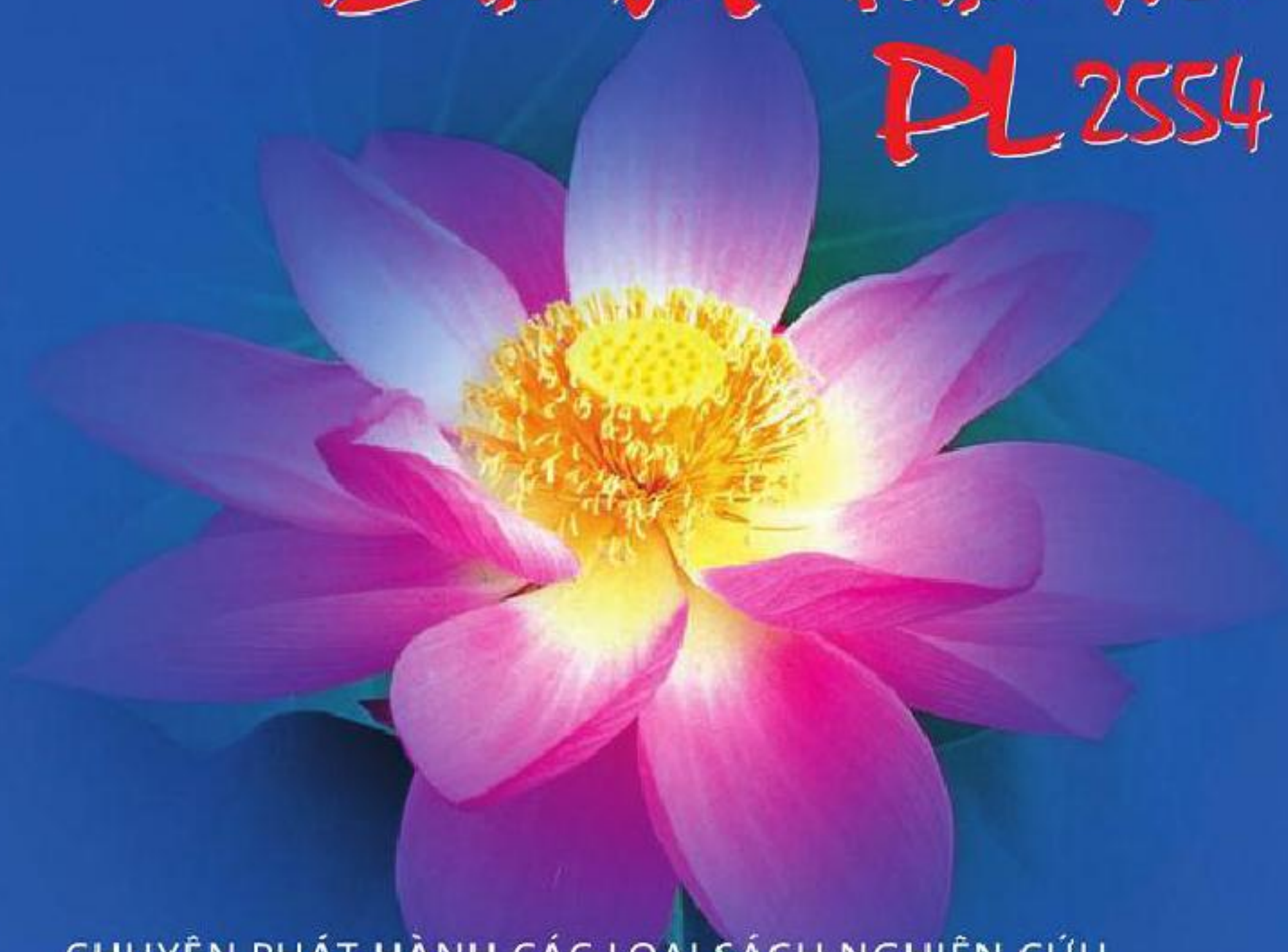
Các loại sản phẩm: - Mặt đeo chày Kim Gang.
- Mặt dây đeo có 6 cỡ, giá từ: 250.000đ đến 650.000đ.
- Nhẫn nam: 450.000đ. Nhẫn nữ: 350.000đ.
- Lắc nữ: 600.000đ -> 800.000đ. Lắc em bé: 250.000đ.
- Lắc nam: Người lớn: 900.000đ. Trẻ em: 600.000đ.

Nhà sách

TRÍ TUỆ

Kính mừng

Đại lễ Phật đản
DL 2554



CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.522, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com



MANI MEDIA

Thế giới Phật giáo

Call: 39 97 97 88

Chuyên thực hiện :

- Quay & dựng Video các buổi giảng của Quý Giảng Sư tại các tự viện trong và ngoài thành phố theo yêu cầu.
- Quay & dựng Video các sự kiện Phật giáo.
- DVD, VCD, CD ca nhạc Phật giáo.
- Karaoke Phật giáo.
- Phim hoạt hình Phật giáo.

Văn phòng: 64/3 Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM

Email: manimedia38@gmail.com - manimedia38@yahoo.com

Mobile: 0949 800 179 - 0933 38 62 38



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028

Kính mừng **Phật đản**

Phật lịch 2554

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Thông báo

Cửa hàng chúng tôi xin thông báo đến quý khách hàng:
Kể từ ngày 01/4/2010 cửa hàng chúng tôi đã chuyển đến địa chỉ số 60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM (Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc).
Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản - P.L 2554 (2010)

Vina-Giày®
www.vinagiay.vn



Thương Hiệu Được Chứng Nhận
Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam



ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BA NĂM LIỀN 07' 08' 09'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương hiệu Việt



LIÊN TIẾP 13 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02' 03'04'05'06'07'08'09'

HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

Sản Phẩm Da Thuộc Công Nghệ Cao
Sơn Hà Vạn Dặm Nhẹ Đôi Chân

Chùa Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn - TP. Đà Nẵng

48 Sư Vạn Hạnh, Q. Ngũ Hành Sơn - TP. Đà Nẵng



LỜI CẢNH BẠCH VỀ VIỆC XÂY DỰNG NGÔI CHÙA QUÁN THẾ ÂM MỚI BẰNG ĐÁ NGỌC

Kính bạch: Chư tôn giáo phẩm - Chư Hòa thượng
Thượng tọa - Đại đức & Tăng Ni.

Kính thưa: Quý cơ quan, ban ngành, đoàn thể,
Quý vị nhân sĩ trí thức- quý ân nhân
& quý đạo hữu Phật tử xa gần.

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của bốn tự và Lễ hội Quán Thế Âm ngày càng cao, được sự đồng viên hỗ trợ của chư tôn thiện đức, nhân sĩ, thiện hữu tri thức khắp nơi, chùa Quán Thế Âm và Phật tử bốn tự phát nguyện xây dựng công trình chùa đá đầu tiên tại Việt Nam, là ngôi chùa có giá trị đặc biệt về nhiều mặt, xứng với tầm phát triển của đất nước và thời đại.

Ngôi chùa được làm theo dạng truyền thống, kiến trúc mỹ thuật bằng vật liệu đá ngọc, ngự trên một tòa sen 5 cánh tượng trưng cho Ngũ trí - Ngũ nhân của Phật và Bồ tát, Ngũ thừa giáo và sắc cớ của Phật giáo thế giới hiện nay, cũng như trong ý nghĩa thuyết Ngũ hành của dịch lý Đông phương ứng với danh thắng Ngũ Hành Sơn - Non Nước - Đà Nẵng.

Tầng dưới ngôi chùa là một hội trường đa năng có nhiều hạng mục sử dụng với kỹ thuật âm thanh, ánh sáng hiện đại. Ngôi chùa nhìn từ xa như hiện trên một tòa sen lung linh vi diệu.

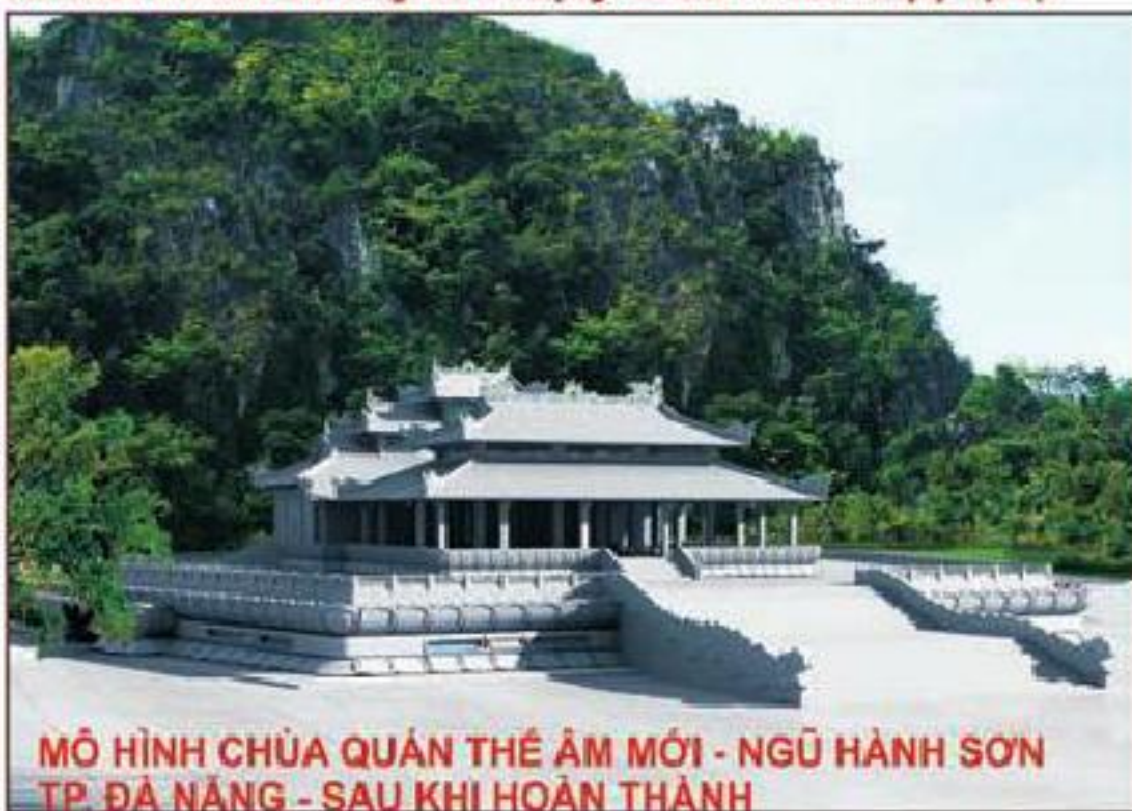
Lễ động thổ đặt đá vào ngày 19/2 ÂL năm 2010 trong tổng thể công trình Công viên Văn hóa Lễ hội Quán Thế Âm. Ngôi chùa có diện tích 4.130m², nằm trong tổng thể Công viên Văn hóa Lễ hội với diện tích trên 28ha.

Đây là công trình quan trọng đầu tiên trong 20 công trình sẽ được xây dựng của Khu Công viên Văn hóa Thánh tích Lễ hội Quán Thế Âm.

Dự kiến tổng kinh phí xây dựng trên 60 tỷ VNĐ.

Vì những ý nghĩa thiêng liêng và cao quý đó, cũng như số kinh phí quá lớn nên chùa Quán Thế Âm xin chân thành kêu gọi và trân trọng đón nhận sự hỗ trợ của chư tôn đức Tăng Ni, quý nhân sĩ trí thức, đạo hữu Phật tử, thập phương thiện tín xa gần. ... tham gia ý tưởng và ủng hộ tinh tài, tịnh vật để Phật sự trọng đại này được thành tựu viên mãn, nhằm góp phần bảo tồn, phát triển Thánh tích Phật giáo và Văn hóa Dân tộc trên quê hương Việt Nam - Non Nước - Ngũ Hành Sơn - TP.Đà Nẵng.

Xin chân thành tri ân công đức vô lượng của chư tôn đức và quý liệt vị.



**MÔ HÌNH CHÙA QUÁN THẾ ÂM MỚI - NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG - SAU KHI HOÀN THÀNH**

Mọi thư từ, ý kiến, đóng góp xin gửi qua
Email: quanamnh@yahoo.com.vn. Hoặc liên hệ qua website:
<http://quantheam.org> và <http://www.buddhismcap.com>
Điện thoại liên lạc Đại đức Thích Huệ Vinh : 0914.083.688
Tài khoản: Thái Văn Tịnh - Số tài khoản: 69913939, Ngân hàng
TMCP Á Châu (ACB) Đà Nẵng.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NI VIÊN VẠN HẠNH

Kính mừng Phật đản

Đặt lễ 2554

Kính nguyện chư tôn thiện đức

Pháp thể khinh an

Hóa duyên vô ngại

Phật sự viên thành

Thân chúc Phật tử gần xa

Nhuần chiêm chánh pháp

Sở nguyện tưng tàm

Vạn duyên sung mãn

Tỳ kheo THÍCH NỮ GIÁC TRUNG

508 Tỉnh lộ 43 - KP.5, P. Tam Phú, Q. Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 08. 38961857



NHÀ HÀNG CHAY

VEGETARIAN RESTAURANT

Hoan Hy

Kính chúc Chư tôn đức Tăng Ni;
Đạo hữu Phật tử cùng quý khách:

*"Thân tâm thương lạc
Phước huệ miên trường".*

Hồ Hồ



*Phật tử - Phật tử
Vạn phúc*



142/4 Lê Duẩn - TP. Đà Nẵng

ĐT: 0935497999-0511.3999999

KÍNH MỜI ĐỘC GIẢ ĐẶT VĂN HÓA PHẬT GIÁO NĂM 2010

12 số đầu năm: 190.000đ / 12 số cuối năm: 190.000đ

Trọn năm: 380.000đ

(đã giảm 5% và đã bao gồm cước phí chuyển báo trong nước)

Quý độc giả có nhu cầu xin liên lạc với phòng phát hành: tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM, ĐT: (08) 38484335

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

**Quý độc giả có nhu cầu
QUẢNG CÁO**

Xin vui lòng liên hệ: *Cô Sương*

Mobile: 0918 032 040

Email: vietartsupply@gmail.com



QUÁN CHAY ĐÀO VIÊN

Địa chỉ: 63B Trần Đình Xu, P Cầu Kho, Q1, TPHCM
Điện thoại: 39204252 / 0908373933 / 0902689800 / 0918270456

KHAI TRƯỞNG 04/05/2010

Chuyên phục vụ các món ăn thuần chay thơm ngon, bổ dưỡng, tinh khiết (không trứng, không sữa, không bột ngọt). Thực đơn phong phú trên 160 món chay, nước ép trái cây tươi, nước uống dinh dưỡng, sinh tố.

Nhận đặt tiệc chay, cơm văn phòng, giá cả phải chăng. Khung cảnh lịch sự, thoáng mát, thanh tịnh.
"Ăn chay vì sức khỏe, ăn chay vì hòa bình, ăn chay vì tình thương, ăn chay vì kinh tế, ăn chay để bảo vệ hành tinh"



Hân Hạnh phục vụ quý khách!



Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ **Tập 2** năm 2009

(từ số 84 đến 95)

Đang phát hành

Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

THUẬN AN (KỆ ĐỌC KINH XẾP)

KINH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN SANH PL: 2554

Sản phẩm được bảo hành 2 năm, thời gian sử dụng trên 5 năm

CHẤT LIỆU KỆ: SẮT, GỖ, NHỰA, INOX.

Nhận Chuyển Đi Xa Có Bảo Đảm, Có Bán Tại Các Phòng Kinh Sách Trong TP.HCM và Các Nơi.

Trước Đấng Thế Tôn, Bốn Hiệu Chúng Tôi Xin Nguyên Phục Vụ Phật Pháp Với Tâm Chánh, Thiện, Nhất.

NAM MÔ BỐN SỰ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

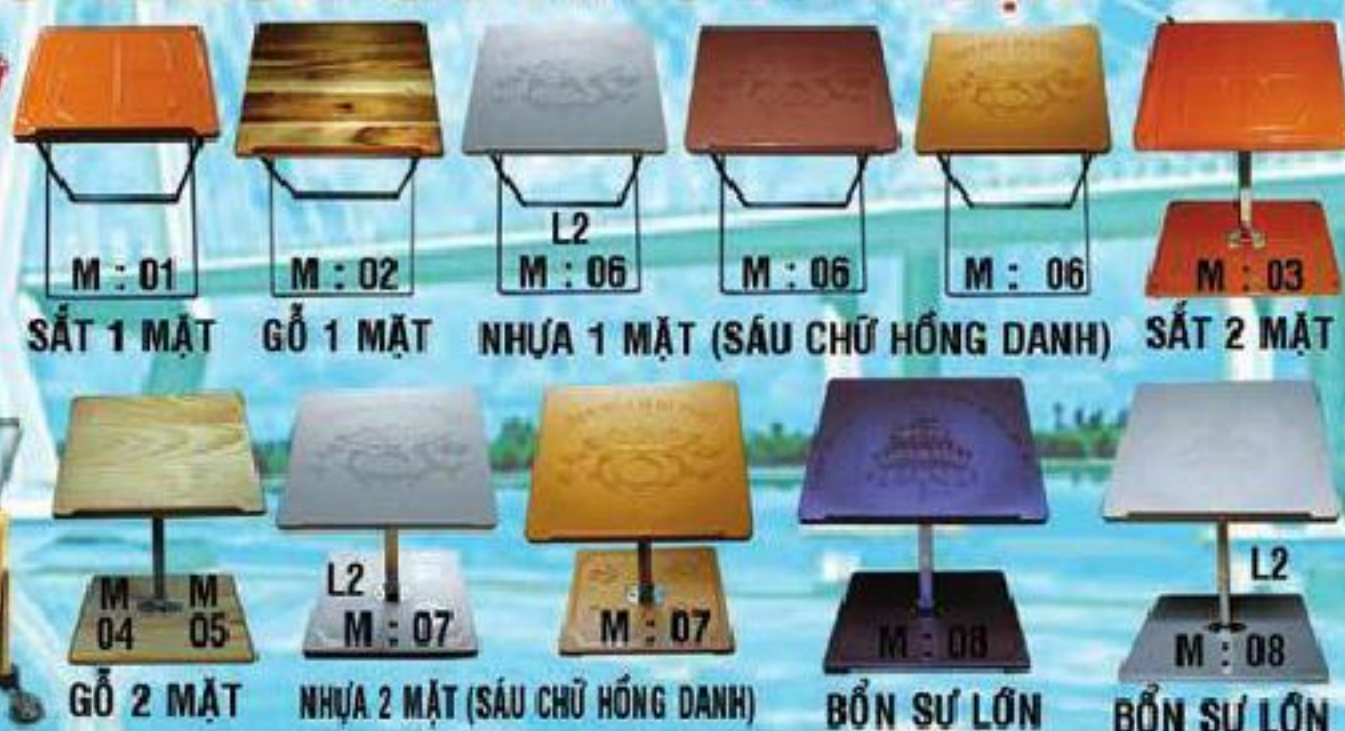
105M/27 HỒ THỊ KỶ P.1, Q.10, TP.HCM
38.351.185 - 0903.955.150 (TUỆ HIỂU)



XE ĐỀ KỆ 1 MẶT 80 ĐẾN 160 CÁI



XE ĐỀ KỆ 2 MẶT 80 ĐẾN 160 CÁI



Ấm Tử Sa Phú Quý Thố



Mua bán đẹp ứng nhu cầu thưởng ngoạn!

Phòng trưng bày: 491 D3 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84.08.3553 4605 - 84.08.6658 7775 - DĐ: 0903.848.147

QUÁN CHAY

pháp uyển

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP. HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỄN - ĐT. 35 035 579



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center

HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại một hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Cơ sở 1: Shop 41B tầng trệt (first floor)
77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa street, district 1

Cơ sở 2: Shop 27 A và 28 A tầng trệt (first floor)
7-9 Tôn Đức Thắng street, district 1

HP: 0909098618 (Mrs. Thảo) - 0908662107 (Mr. Hồng)
Email: hongthao268@yahoo.com.vn

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, P.6, Q. BT, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-351 08212
Email: vietartsupply@gmail.com

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp

Hoàng Nghiêm

Đặc biệt tất cả tượng Phật từ lễ Phật đản đến Vu lan
giảm từ 10% - 30%

82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP. HCM.
(cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hoangnghiem09@yahoo.com.vn



Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo sỉ & lẻ:

- Tượng Phật điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống Phật giáo.
- Chuyên chế tạo tượng Phật nhựa hợp chất mạ vàng.
- Tranh vẽ theo truyền thống Tây Tạng (Thangka), Nhật, Trung Quốc và Việt Nam.
- Nhận làm các công trình chùa viện bằng đá granite.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, nhang trầm, đèn hoa sen, pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt v.v...
- Chuyên hộ phách từ châu Âu.
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.

NHÀ HÀNG CHAY
ÂU LẠC HEALTHY WORLD

Healthy
World



• 237 XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH, P.17, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM - TEL: 3899 2923
• 237/6 ĐỖ NGỌC THẠNH, P.6, Q. 11, TP. HCM - TEL: 3955 9137

SẮP KHAI TRƯƠNG: • 11-13A NƠ TRANG LONG, P.7, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM
• 239 LÊ VĂN SỸ, P.13, Q.3, TP. HCM



HÃY ĂN CHAY TRƯỜNG, SỐNG XANH, CỨU HÀNH TINH

Cải thiện Đời Sống ♥ Biến đổi Tâm Hồn ♥ Thay cách Dinh Dưỡng ♥ Không còn sát sinh ♥ Sống lành mạnh, sống tử bi

LỐI SỐNG MỚI

Một vài thực phẩm chay tiêu biểu, bổ dưỡng, cứu sinh mạng:

Thực phẩm	Tỷ lệ chất đạm (theo trọng lượng)
Đậu hũ (từ đậu nành)	16 %
Mì căn (từ bột)	70 %
Bắp (ngô)	13 %
Gạo	8.6 %
Các loại đậu: Đậu nành, đậu tày, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v...	10 - 35 %
Các loại hạt: Hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v...	14 - 30 %
Hạt bí đỏ, hạt mè, hạt hướng dương, v.v...	18 - 24 %

- Thuốc bổ đa sinh tố (loại có đặc) cũng là một nguồn vitamin, chất khoáng và chống oxy hóa rất tốt.
- Rau cải, trái cây có rất nhiều chất dinh dưỡng như sinh tố, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất sợi có chất lượng cao, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Số lượng chất đạm nên có mỗi ngày: 50 gram (trung bình cho người lớn).
- Chất vôi từ rau cải để hấp thụ hơn chất vôi từ sữa bò.

- Để giảm thiểu nguy cơ của dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Trước hiểm họa của bệnh bò điên và dịch lợn, v.v...
- Để chấm dứt sự sát hại tàn khốc đang liên tục diễn ra hàng ngày cho hàng tỷ bạn gia súc hiền lành, những loài sinh vật dưới đại dương và gia cầm, chim muông

Chuyến sang ăn chay trường là điều sáng suốt.

Ăn chay vì sức khỏe

Ăn chay vì kinh tế

Ăn chay vì môi sinh

Ăn chay cao thượng

Cứu mạng chúng em!
Chúng em thương bạn!

Xin cầu nguyện cho bạn

Cám ơn lòng từ bi của bạn

Chúc bạn sống lâu!

Supreme Master Television

Truyền hình không định cho một thế giới hòa bình

Trình chiếu khắp nơi trên thế giới 24/24 qua 14 vệ tinh và trực tuyến truyền hình: www.SupremeMasterTV.com

Galaxy 25, Hispasat, Intelsat 907, ABS, Astra 1, AsiaSat 2, AsianSat 35, B Sky B Intelsat 10 C-Band, Intelsat 10 KU-Band, Optus D2, Eurobird, Eurobird 2, Hotbird

Danh Nhân Trường Chay Trên Thế Giới

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Francis Assisi, Thiên Sư Nhất Hạnh, Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Pythagoras (nhà toán học & triết gia Hy Lạp), Tiên Tri Zoroaster (sáng lập Hòa giáo Ba Tư), Muhammad Rahlīm Bawa Muhaiyadeen (Thánh nhân Hồi giáo Sufi), v.v. . .

Văn Nghệ Sĩ Leonardo Da Vinci (họa sĩ Ý), Leo Tolstoy (văn hào Nga), Ralph Waldo Emerson (thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ai Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (văn sĩ Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (bác sĩ & nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadeh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v. . .

Khoa Học Giả & Nhà Phát Minh Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (nhà vật lý học Đức), Thomas Edison (nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (nhà vật lý Anh), Nikola Tesla (nhà phát minh Serbia & Hoa Kỳ), Henry Ford (nhà sáng lập công ty Ford Motors, Hoa Kỳ), v.v. . .

Chính Trị Gia & Nhà Tranh Đấu Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ quyền bầu cử của nữ giới), Mahatma Gandhi (nhà tranh đấu dân quyền Ấn), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền Hoa Kỳ & phu nhân Tiên si Martin Luther King, Jr.), Tiên si Janez Drnovšek (Tổng thống Slovenia), Tiên si Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v. . .

Diễn Viên & Người Mẫu Tati từ Pháp: Brigitte Bardot | Tati từ Anh: John Cleese, Ian McKellen, Kate Winslet | Tati từ Úc: Naomi Watts | Tati từ & diễn viên Hoa Kỳ: Pamela Anderson, Danny DeVito, David Duchovny, Richard Gere, Daryl Hannah, Dustin Hoffman, Ashley Judd, Steve Martin, Tobey Maguire, Paul Newman, Joaquin Phoenix, Steven Seagal, Jerry Seinfeld | Siêu người mẫu Hoa Kỳ: Christie Brinkley, Christy Turlington, v.v. . .

Ca Nhạc Sĩ George Harrison - Paul McCartney - Ringo Starr (ban nhạc Beatles), Bob Dylan (Hoa Kỳ), Michael Jackson (Hoa Kỳ), Morrissey (Anh), Olivia Newton John (Anh-Úc Đại Lợi), Sinead O'Connor (Ái Nhĩ Lan), Pink (Hoa Kỳ), Prince (Hoa Kỳ), Tina Turner (Hoa Kỳ), Shania Twain (Gia Nã Đại), Vanessa Williams (Hoa Kỳ), v.v. . .

Lực Sĩ Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Bill Walton (ngôi sao bóng rổ Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ, 9 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Edwin C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ, 2 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v. . .

Và còn nhiều vị nữa... Xin viếng: <http://AL.Godsdirectcontact.org.tw/vg-vip> **CÁCH NHANH NHẤT ĐỂ GIẢM 80% HÂM NÓNG TOÀN CẦU LÀ DỪNG SẢN PHẨM KHÔNG ĐỘNG VẬT**

♥♥ ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN KHẨN CẤP, XIN VIẾNG: www.SupremeMasterTV.com

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 106

Phát hành ngày 1 - 6 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG